VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

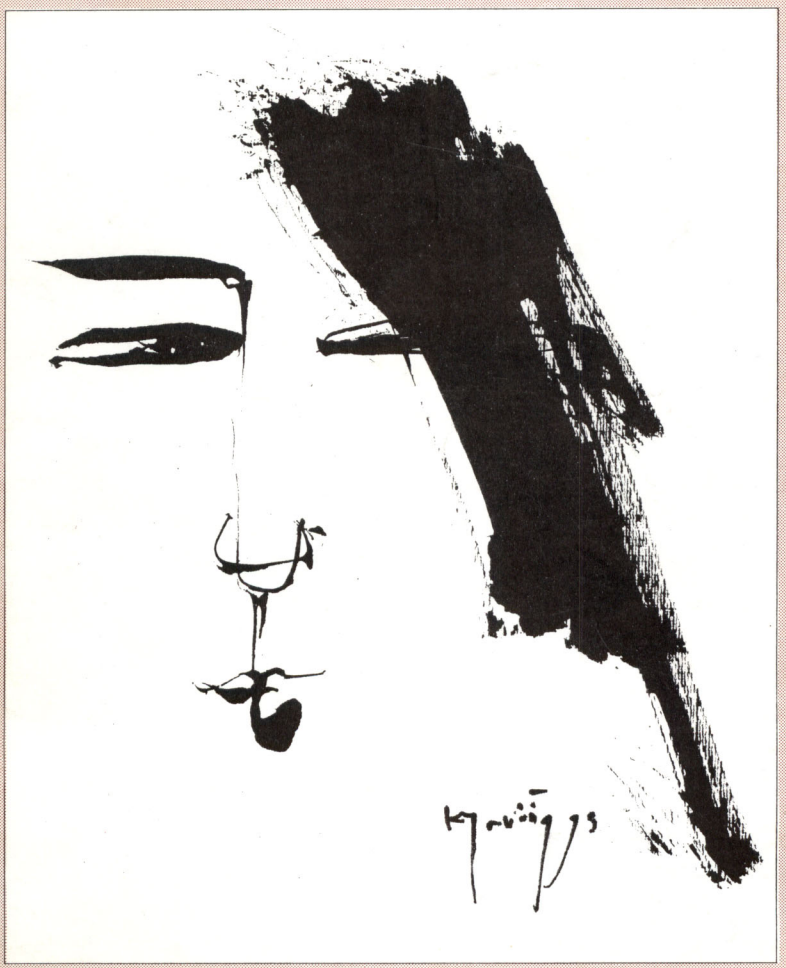

Khánh Trường

số 82 . tháng 2 năm 1993

tân niên

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ Bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Trịnh Y Thư

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs. Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France.
Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow, N.S.W. 2211 Australia.
Tel: (02) 771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359, USA
Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

VĂN HỌC

số 82 tháng 2 năm 1993

TRONG SỐ NÀY

thư tòa soạn 2

BIÊN KHẢO

Cao Xuân Tứ *Vài nét về dòng tâm tình trong Đường thi* 3

Tạ Quốc Tuấn *Các nhà văn nữ hiện đại Đài Loan và ý thức nữ quyền* 11

SÁNG TÁC

Tuệ Sĩ *Thơ* 17

Khoa Hữu *Tượng tính, thơ* 18

Timothy Mo *Hầu vương, truyện dịch* 21

Lê Tường Thụy dịch

Nguyễn Thanh Hùng *Về biển, thơ* 29

Duy Lam *Tôi viết văn, hồi ký* 30

Bạt Xứ *Làm thế nào cuộc đời, thơ* 41

Nguyễn Minh Đức *Tôi không muốn làm loài người nữa, truyện ngắn* 42

Triều Hoa Đại *Ở mãi đời nhau, thơ* 58

Ngô Nguyên Dũng *Hương cổ thi, thơ* 59

Nguyễn Việt *Lẻ sống, truyện ngắn* 60

Đài Sử *Hư vô, thơ* 67

Thường Quán *Đá, thơ* 68

Hoàng Từ Quyên *Đốm lửa, truyện ngắn* 70

Lưu Hy Lạc *Giữa đêm, thơ* 75

Luân Hoán *Một chút buồn bỗng dưng, thơ* 76

Hoàng Chính *Tội tôi, hạt cát sông Hằng, thơ* 86

Mai Kim Ngọc *Chị em, truyện dài* 87

ĐIỂM SÁCH

Thế Uyên *Những du ký tương lai, điểm sách* 78

Đào Huy Đán *Dấu Huệ Hồng, tập thơ trữ tình của Triều Hoa Đại* 98

Ghi nhận đó đây 104

thư tòa soạn

Bước vào năm mới, *Văn Học* hân hạnh gửi đến bạn đọc một số những cây bút mới có triển vọng đóng góp không ít vào sinh hoạt văn học Việt Nam hải ngoại. Ba tác giả Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Việt và Hoàng Từ Quyên, mỗi người một sắc thái riêng, linh hoạt hay thâm trầm trong những mảnh đời tiêu biểu của thời đại họ đang sống. Ước mong trong tương lai, *Văn Học* sẽ có cơ hội giới thiệu nhiều hơn nữa những cây bút mới khác sau Bùi Diễm-Âu, Hoàng Chính và ba tác giả nêu trên . . . Chủ điểm khác tìm thấy trên số báo Tân Niên này là văn học Trung Hoa xưa và nay. Xưa, chúng ta có bài viết thật cô đọng và mềm mại của nhà thơ Cao Xuân Tử viết về thơ Đường, trong đó có những bài thơ dịch thật xuất sắc của chính tác giả. Về văn học Trung Hoa ngày nay, nhà biên khảo Tạ Quốc Tuấn tóm lược tác phẩm những cây bút nữ Đài Loan trong ba thập niên kỷ qua, nhờ đó chúng ta biết được ngoài Quỳnh Dao ra, hòn đảo nhỏ bé đó cũng sản xuất được lắm cây bút tài hoa. Một hiện tượng văn học đáng lưu ý gần đây là trường hợp nhà văn Timothy Mo, một người gốc Trung Hoa nhưng lại nổi tiếng trong dòng văn học Anh quốc hiện đại. Lê Tường Thụy giới thiệu và trích dịch cuốn *The Monkey King* (Hầu Vương) của ông.

Nhân đây, *Văn Học* cũng xin chân thành cảm tạ sự giúp đỡ quí báu của các thân hữu xa gần trong việc duy trì tờ báo. Một lần nữa, trước thềm năm mới, chúng tôi kính chúc quí vị một năm mới thành công và may mắn.

Văn Học

CAO XUÂN TỨ

vài nét về dòng tâm tình trong đường thi

(Thân tặng anh Trần Văn Tích)

Đề tài bài này tôi dùng "tâm tình" thay vì "trữ tình", bởi vì tôi muốn nói đến nhánh thi ca mà Viên Mai, nhà thơ đời Thanh, gọi là thơ "thương hoa tiếc nguyệt" nặng về tình huống lứa đôi, trong khi "trữ tình" ngoài tình yêu trai gái còn bao hàm nhiều thứ tình khác: niềm hoài cổ, nỗi nhớ nhà, nhớ nước, nỗi buồn kiếp nhân sinh có cớ và . . . vô cớ, vân vân. Dòng thơ tâm tình Trung quốc khơi nguồn từ thuở chớm khai của nền văn minh Hán tộc. Bộ *Kinh Thi* do Khổng Tử (551-479 trước Công Nguyên) san định gồm nhiều khúc ca dao và lễ nhạc cung đình góp nhặt qua các triều đại Thương (1166-1122 trước C.N.), Chu (1122-256 trước C.N.), trong đó không thiếu những câu nồng nàn, tình tứ. Ta thử đọc bốn câu sau đây xuất xứ từ nước Trịnh, một chư hầu đời Chu:

Thanh thanh tử khâm
Du du ngã tâm
Tùng ngã bất vãng
Tử ninh bất tự âm

Bài ca, do một tác giả khuyết danh nào đó sáng tác khoảng ba nghìn năm trước đây, nói lên nỗi nhớ nhung của người con gái với người tình lúc xa cách. Bài này Tạ Quang Phát đã dịch ra Việt ngữ trong bộ *Thi Kinh Tập Truyện*, mà tôi mạo muội thêm bớt mấy chữ:

Áo anh bâu áo xanh lơ
Nhớ anh lòng cứ ngẩn ngơ xa gần
Dù rằng em chẳng đến thăm
Sao anh không gửi đôi dòng tới em?

Bốn câu này diễn theo thể lục bát khiến ta liên tưởng đến một khúc ca dao trong văn chương bình dân Việt Nam. Trong *Kinh Thi* ta tìm thấy nhan nhản các điệu khúc với từ ngữ thật dung dị, cô đọng, nói về tình cảm lứa đôi, những chia xa ngậm ngùi. Ví dụ hai câu:

. . . Tương nhật bất kiến
Như tam nguyệt hề

(Một ngày chẳng thấy mặt nhau
Dài dằng dẵng như ba tháng)

Chính từ hai câu này thi hào Nguyễn Du mượn ý để diễn tả trạng huống Thúy Kiều tưởng nhớ Kim Trọng với ngôn ngữ và hình ảnh tuyệt vời vượt hẳn nguyên tác:

Sầu dong càng lắc càng đầy
Ba thu cộng lại một ngày dài ghê

Chất tình trong thơ Trung quốc tiếp tục được vun xới, nẩy nở qua các triều đại kế tiếp, nhưng phải đợi cho đến đời Đường (618-907), dòng thơ tâm tình mới đạt tới điểm cao, với sự trưởng thành của thơ cách luật ngũ ngôn, thất ngôn, mà lối sử dụng ngôn ngữ và âm thanh đã đạt tới mức điêu luyện. Các bực thi bá như Lý Bạch (tiên thi), Đỗ Phủ (thánh thi) thời Thịnh Đường, Bạch Cư Dị thời Trung Đường . . . dù cho khuynh hướng, phong cách sáng tác mỗi người một khác, nhưng thảy đều lưu lại cho hậu thế những dòng thơ tình rất đạt. Ngay cả một người đi trước như Trương Cửu Linh (673-740), nhà thơ kiêm nhân vật chính trị làm quan đến chức Tể tướng, ngày ngày bận bịu với việc giúp vua trị nước, công việc dù khô khan, vẫn có thể viết nên những dòng thơ lãng mạn, kể lể nỗi nhớ nhung lúc xa cách bạn tri âm:

. . . Diệt chúc liên quang mãn
Phi y giác lộ ti
Bất kham doanh thủ tặng
Hoàn tẩm mộng giai kỳ

Tôi xin tạm dịch:

. . . Dụi đèn bóng nguyệt mênh mang
Sương sa thấm ướt áo quàng trên vai
Trăng kia khó lấy trao ai
Ngủ đi về mộng gặp người trong mơ

Xuôi dòng thơ tâm tình một thế hệ sau, đến lượt Lý Bạch (701-762) người đã viết cả vạn bài thơ, ông tiên bị đày xuống cõi thế, coi trời bằng vung, có thời được vua Minh Hoàng trọng vọng ngất ngưởng ở chốn cung đình, lúc thì bị đày ra nơi biên ải, cũng không thoát khỏi vòng tục lụy của nỗi nhớ nhau thấm thía giữa "thiếp" với "chàng". Tôi xin đơn cử bài *Xuân Tứ* tuyệt tác:

Yên thảo như bích ti
Tần tang đê lục chi
Đương quân hoài quy nhật
Thị thiếp đoạn trường thì
Xuân phong bất tương thức
Hà sự nhập la vi

Bài thơ thoạt nghe có vẻ phảng phất điệu *quốc phong* trong *Kinh Thi*, nhưng đọc kỹ ta thấy qua ngọn bút Lý Thái Bạch với những nét chấm phá chứa chan tình ý, hội nhập với âm điệu tuyệt vời, ông *thơ tiên* đã đưa thơ ngũ ngôn Đường luật đến tuyệt đỉnh.

Tôi xin phỏng dịch:

Cỏ Yên xanh phớt tơ trời
Dâu Tần tơm lá đã ngời sắc dương
Lúc chàng vọng nhớ cố hương
Là khi ruột thiếp đứt từng khúc đau
Gió xuân chẳng gheo gì nhau
Cớ chi để lọt vào sau tấm màn

Thơ Lý Bạch chất ngất hương tình như thế, còn thơ Đỗ Phủ (712-770) thì sao? Qua sự nghiệp thi ca còn được ngót 1400 bài để lại, vị *thánh thi* được ghi nhận đã đóng góp nhiều nét hiện thực cho nền thi ca Trung quốc, cũng không thiếu những bài chan chứa yêu thương. Không như họ Lý tiêm nhiễm chất Lão Trang, tiêu dao ngày tháng với trăng, gió, rượu và hàng tá người đẹp, nhân sinh quan Đỗ Phủ chịu ảnh hưởng đậm đà của Nho giáo. Ông giữ lối sống chừng mực, thơ ông thường là những dòng *kỷ sự* viết theo nhiều thể, với bút pháp gân guốc, hùng tráng, ghi lại cảm xúc, suy tư của ông đối với các biến chuyển thời cuộc. Suốt cuộc đời cùng khổ, Đỗ Phủ phải nhiều phen lang bạt đó đây, sống lìa xa chốn bếp nồng, mái ấm gia đình. Nhờ vậy mà ông đã sáng tác một số thơ lai láng chất "tình" như ta thấy qua bài *Nguyệt Dạ* khi ông bị giam ở Trường An sau cuộc phản loạn của An Lộc Sơn, nói lên nỗi niềm nhớ nhà, nhớ . . . vợ đang chạy loạn mãi tận xứ Thiểm Tây ngàn dặm cách trở:

. . . Hương vụ, vân hoàn thấp,
Thanh huy, ngọc tỷ hàn
Hà thời ỷ hư hoảng
Song chiếu lệ ngân can?

Tản Đà dịch thơ:

. . . Sương sa thơm tướt mái đầu
Cánh tay ngọc trắng lạnh màu sáng trong
Bao giờ tựa bức màn không
Gương soi chung bóng lệ ròng sương khô

Trong văn học sử Trung quốc, Bạch Cư Dị (772-846) đời Trung Đường được xem là người có công đưa ngôn ngữ của đời sống hằng ngày vào trong thi ca. Lối thơ *tân nhạc phủ* nhiều nét dân gian, lời lẽ bình dị, do ông chủ xướng cùng với Nguyên Chẩn (779-831), được xem là một bước đầu đáng kể cho nền thơ mới ở Trung quốc. Đối với văn học Việt Nam, Bạch Lạc Thiên đã đi vào lòng người yêu thơ với hai bài trường thiên chứa chan tình cảm: *Tỳ*

Bà Hành và *Trường Hận Ca*. *Tỳ Bà Hành* được viết theo lối thất ngôn cổ thể, tả tâm sự ông quan bị giáng chức trấn nhậm nơi xa, và người kỹ nữ về chiều, gặp nhau trên bến Tầm Dương, với bối cảnh là con thuyền, trăng, nước, lồng vào tiếng tỳ bà nỉ non trong đêm thu thanh vắng. Mấy ai trong chúng ta lại không thuộc bốn câu mở đầu *Tỳ Bà Hành*:

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách
Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu
Người xuống ngựa, khách dừng chèo
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ty . . .

Nguyên tác:

Tầm Dương giang đầu dạ tống khách
Phong diệp dịch hoa thu sắc sắc
Chủ nhân hạ mã, khách tại thuyền
Cử tửu dục ẩm, vô quản huyền

Tỳ Bà Hành được một số tác giả diễn sang quốc âm. Ngoài bản dịch theo thể lục bát của Trần Trọng Kim trong cuốn *Đường Thi* xuất bản năm 1950, trước đây còn có các bản diễn Nôm khác của Phạm Nguyễn Du (1739-1786), Phan Văn Ái (1850-?). Nhưng bản được lưu hành rộng rãi và yêu chuộng hơn cả là bản dịch theo thể song thất lục bát mở đầu bằng bốn câu dẫn ở trên, mà từ trước đến nay vẫn cho là do Phan Huy Vịnh (1801-1873) sáng tác. Tuy nhiên, một số tài liệu "gốc" được tham khảo gần đây như gia phả của dòng Phan Huy, cho thấy chính Phan Huy Thực (1779-1846), thân phụ của Phan Huy Vịnh, mới đích thực là dịch giả bản này. Phân tích bản dịch *Tỳ Bà Hành* của Phan Huy Thực về nội dung lẫn ngôn ngữ, với nhãn quan của người yêu thơ song song với cảm quan bén nhạy của một nhà khoa học, học giả Trần Văn Tích đã gọi bản dịch này là *một kiệt tác dịch thơ Hán ra thơ Việt . . . vận dụng được tiếng mẹ ru đến độ lột nguyên vẹn được cái thần, cái tứ . . . thì hầu như trước đó không có ai sánh được, kể cả Đoàn Thị Điểm và những người diễn Chinh Phụ Ngâm khác như Phan Huy Ích . . .*

Con nước mênh mang, trời trăng huyền ảo, ngón đàn não nuột trong *Tỳ Bà Hành* đã ăn rễ vào thi ca Việt Nam hiện đại, mang mang chút hận, chút buồn, chút thương, chút nhớ, nghe càng thấm thía qua âm giai độc đáo của *tiếng mẹ ru*, mượn lời anh Trần Văn Tích. Ta hãy đọc mấy dòng thơ Xuân Diệu thời tiền chiến trong bài *Nguyệt Cầm:*

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh
Trăng thương trăng nhớ, hỡi trăng ngần
Đàn buồn đàn lặng ôi đàn chậm
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân . . .

Chính Xuân Diệu trong bài tiểu luận về bản *Tỳ Bà Hành* của Phan Huy Thực, đã thú nhận nhớ thuộc lòng bốn câu đầu *Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách* . . . khiến ông cảm tác dòng thơ:

Long lanh tiếng sỏi vang vang hận
Trăng nhớ Tầm Dương nhạc nhớ người . . .

Nếu *Tỳ Bà Hành* đã hội nhập vào văn chương Việt Nam nhờ thi tài của Phan Huy Thực, thì một thế kỷ sau Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1888-1939) lại đưa Bạch Cư Dị và thể trường ca lên một điểm mới qua bản dịch *Trường Hận Ca* không kém đặc sắc. Ta hãy đọc bốn câu dẫn nhập của Bạch Cư Dị:

Hán Hoàng trọng sắc tư khuynh quốc
Ngự vũ đa niên cầu bất đắc
Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành
Dưỡng tại thâm khuê nhân vị thức

Bạch Lạc Thiên nhập đề thẳng tuột, không cần đi vòng vèo lôi thôi, cũng chẳng đưa ra chút triết lý vụn nào: ở chốn cung đình ông vua hiếu sắc ra công kén người đẹp nghiêng nước nghiêng thành về làm phi tần, thì ở nơi dân gian đang có nàng khuê nữ mới lớn khóa kín trong buồng the chưa ai mò tới, chờ được kén vào cung. Tản Đà dịch thơ:

Đức vua Hán mến người khuynh quốc
Trải bao năm tìm chước công tai
Nhà Dương có gái mới choai
Buồng xuân khóa kín chưa ai bạn cùng

Phần dịch giữ đủ ý của nguyên bản từng câu một, nhưng về mặt nghệ thuật Tản Đà đã đi xa một bước, khi ông tận dụng ngôn ngữ độc đáo Việt Nam một cách thần tình để giới thiệu hai nhân vật chủ chốt, với những nét ấn tượng thật ngoạn mục. Một bên là "đức vua Hán", thật trang trọng, tôn nghiêm, để chỉ Đường Huyền Tông; một bên là "gái mới choai", rất bình dị, lại hơi chớt nhả, để chỉ gia thế bình thường của Dương Quý Phi lúc chưa được tuyển vào cung. Cái ngông, cái hay của ngọn bút Tản Đà, nhà thơ Việt Nam, cộng với vốn liếng Hán học của kẻ từng vác lều chõng đi thi Hương, đã đưa nghệ thuật chuyển dịch thơ Hán tự ra quốc ngữ qua *Trường Hận Ca* đến một đỉnh cao mới.

Trường Hận Ca kể lại quãng thời gian từ lúc Minh Hoàng gặp Dương Quý Phi, mối tình nồng nàn giữa đấng vương giả với trang quốc sắc, cho tới hồi phải bôn tẩu khỏi Tràng An sau cuộc nổi loạn của An Lộc Sơn. Lúc Minh Hoàng trở về chốn đế kinh thì ngôi báu đã nhường cho con là Túc Tông, người tình họ Dương đã bị ba quân bức tử ở Mã Ngôi. Lủi thủi một mình trong cung lạnh, ông vua về già càng thấm thía cái mất mát đau lòng đó, nhớ lại thuở mặn nồng với nàng Dương thời vàng son. Không dằn được nỗi nhớ tiếc, Minh Hoàng bèn với đạo sĩ sai làm sứ giả đi khắp nơi, từ cõi mây xanh

tới chốn suối vàng, cũng không thấy nàng Dương ở đâu. Phải tìm mãi đến núi tiên ở tận ngoài bể khơi mới gặp người đẹp cũ nay đã thành tiên nữ Ngọc Chân. Nàng tiên nữ giờ đang phiêu diêu nơi cõi Bồng Lai cũng không quên mối ân tình với vị quân vương còn đang lưu đày nơi cõi thế. Nhưng cõi tiên và cõi trần muôn vàn cách trở, nàng chỉ còn cách bẻ cành thoa, chia mảnh khảm trao về làm kỷ vật, cùng lời nhắn nhủ người tình chung:

Tại thiên nguyện tác tỳ dực điểu
Tại địa nguyện vi liên lý chi . . .

mà Tản Đà chuyển dịch với rất nhiều chất thơ, rất . . . Việt Nam:

Xin kết nguyện chim trời liền cánh
Xin làm cây cành nhánh liền nhau . . .

Từ Bạch Lạc Thiên trở đi, dòng thơ tâm tình tiếp tục được khai phá cho đến thời Vãn Đường. Thơ tình thời này nổi bật với nhiều lời hay tứ lạ, mạch thơ trau chuốt, bóng bẩy qua những cống hiến của Lý Hạ (789-816), Đỗ Thu Nương (?-?), Đỗ Mục (803-853), Ôn Đình Quán (813?-870?), và nhất là Lý Thương Ẩn (813-858), nhà thơ tình nổi tiếng đời Vãn Đường. Lúc này nhà Đường sắp đến hồi tan cuộc, triều đình thì bị bọn hoạn quan thao túng, ở ngoài xã hội thì dân chúng cùng khổ vì nạn quan lại bóc lột. Phải chăng đây là lý do khiến các nhà thơ tìm lối thoát bằng nếp sống phóng khoáng, vượt lễ giáo đạo Nho, quên đời trong chén rượu, trong tiếng đàn ca, vui đùa với vòng eo gái Sở ở chốn bình khang như Đỗ Mục trong bài *Khiển Hoài:*

Lạc phách giang hồ tái tửu hành
Sở yêu tiêm tế chuông trung khinh
Thập niên nhất giác Dương Châu mộng
Doanh đắc thanh lâu bạc hãnh danh

Tôi xin tạm dịch:

Giang hồ một nải rượu ngon
Nhẹ tay gái Sở eo tròn lưng ong
Dương Châu tỉnh mộng mười năm
Lầu xanh mang tiếng phụ lòng cũng cam!

Bài *Tặng Biệt* của Đỗ Mục tả nỗi vui qua đêm với người đẹp, nhưng lúc biệt ly không khỏi đau xót, ngậm ngùi:

Đa tình khước thị tổng vô tình
Duy giác tôn tiền tiếu bất thành
Lạp chúc hữu tâm hoàn tích biệt
Thế nhân thùy lệ đáo thiên minh

Xin tạm dịch:

Đa tình rõ khéo vô tình
Vui gì vui gượng chén quỳnh dãi bôi

Sáp đèn luyến phút chia phôi
Thì xin nhỏ lệ giùm người sáng đêm

Các bài thất ngôn tuyệt cú của Đỗ Mục đã hay, nhưng đến mức trác tuyệt thì Lý Thương Ẩn mới đáng được tôn làm bậc sư của phái thơ tình cảm thời Văn Đường. Cũng như Đỗ Mục, Lý Thương Ẩn thi đỗ tiến sĩ, tuy vậy cuộc đời làm quan của ông không mấy hanh thông, thường bị biếm đi làm việc ở những nơi xa xôi, hẻo lánh. Ông nổi tiếng nhất qua các bài *Vô Đề* và bài*Cẩm Sắt* từng được thi hào Nguyễn Du dựa ý để tả tiếng đàn Thúy Kiều gẩy cho người tình Kim Trọng:

Khúc đâu đầm ấm dương hòa
Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh?
Khúc đâu êm ái xuân tình
Ấy hồn Thục đế hay mình đỗ quyên?
Trong sao châu rỏ duềnh quyên
Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đông!

Nguyên tác bài *Cẩm Sắt* như sau:

Cẩm sắt vô đoan ngũ thập huyền
Nhất huyền nhất trụ tư hoa niên
Trang sinh hiểu mộng mê hồ điệp
Vọng đế xuân tâm thác đỗ quyên
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ
Lam điền nhật noãn ngọc sinh yên
Thử tình khả đãi thành truy ức
Chỉ thị đương thời dĩ vọng niên

Xin tạm dịch:

Năm chục dây tơ một phím đàn
Trục nào dây nấy, lưỡi hoa niên
Tiếc xuân quốc gọi, hồn Thục Đế
Ngỡ mình bướm mộng, giấc Trang sinh
Nghìn trùng trăng dãi, châu nhỏ lệ
Lam Điền nắng chiếu, ngọc pha sương
Khối tình đày đoạn bao ngày tháng
Để lòng ray rứt mãi sầu thương!

Thơ Lý Thương Ẩn ẩm ướt tình yêu, ngôn ngữ kỳ bí, chứa nhiều ẩn từ, điển tích. Có người cho rằng ông làm bài thơ *Cẩm Sắt* vào tuổi năm mươi (năm mươi dây ở đây tượng trưng cho năm mươi năm trong đời sống của nhà thơ). Nhà nghiên cứu Francois Cheng nhận xét bài thơ có nhiều ẩn dụ về tính dục. Theo ông, chữ *huyền* (dây đàn) tượng trưng cho bộ phận sinh dục phái nữ, còn chữ *trụ* (trục) ám chỉ dương vật. Chủ đề bài thơ này, cũng như các bài *Vô Đề* nổi tiếng khác, là những mối tình éo le, vô vọng, mà có người cho

rằng đối tượng của chúng là những ngõ cụt tình yêu, trong số đó có hai chị em được tuyển làm cung nữ, và một cặp chị em khác đã cắt tóc đi tu.

Để tạm kết, tôi xin mời bạn thưởng thức một trong những bài *Vô Đề* của Lý Thương Ẩn, mà theo tôi nghe còn não nùng, tê tái hơn cả bài *Cầm Sắt*, xứng đáng là viên ngọc quý trong kho tàng thơ tình Đông Tây:

Tương kiến thời nan, biệt diệc nan
Đông phong vô lực bách hoa tàn
Xuân tàm đáo tử ti phương tận
Lạp cự thanh hôi lệ thủy can
Hiểu kính đãn sầu vân mấn cải
Dạ ngâm ưng giác nguyệt quang hàn
Bồng lai thử khứ vô đa lộ
Thanh điểu ân cần vị thám khan

Tôi xin tạm dịch:

Gặp nhau đà khó, khó chia xa
Ngọn gió đông tàn, rụng xác hoa
Con tằm dẫu chết, tơ chửa tận
Bấc lụi sáp trào, lệ mãi sa
Sáng soi gương, buồn thiu tóc bạc
Đêm ngâm thơ, lạnh tái trăng già
Bồng lai chốn ấy nào xa lắm
Chim xanh mượn cánh nhắn giùm ta. □

Tài liệu tham khảo:

– Cheng, Francois: *L'Ecriture Poétique Chinoise*, Seuil, Paris, 1977.

– Cooper, Arthur: *Li Po ang Tu Fu,* Penguins Books, London, 1973

– Guillermaz, Patricia: *La Poésie Chinoise des Origines à la Révolution.* Marabout Université, Verviers, 1966.

– Nam Trân (chủ biên): *Đường Thi* (2 tập), Văn Học, Hà Nội, 1987.

– Ngô Tất Tố: *Đường Thi,* Xuân Thu tái bản ở Mỹ.

– Tạ Ngọc Liễn và Hoàng Thị Ngọ: *Phan Huy Thực Người Dịch Tỳ Bà Hành: Một Nhà Thơ Tiêu Biểu Của Dòng Văn Phan Huy,* trong *Phan Huy Chú và Dòng Văn Phan Huy,* Hà Sơn Bình, 1983.

– Tạ Quang Phát (dịch giả): *Kinh Thi Tập Truyện* (3 tập), Trung Tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục, Sài Gòn, 1969, Đại Nam tái bản ở Mỹ.

– Trần Trọng Kim: *Đường Thi*, Đại Nam tái bản ở Mỹ.

– Trần Văn Tích: *Tỳ Bà Hành, Một Kiệt Tác Dịch Thơ Hán Ra Thơ Việt,* Độc Lập, số 10-11-12, 1990, Đức.

– Xuân Diệu: *Đọc Bản Dịch Tỳ Bà Hành Của Phan Huy Thực* trong *Phan Huy Chú Và Dòng Văn Phan Huy,* tài liệu đã dẫn.

TẠ QUỐC TUẤN

các nhà văn nữ hiện đại đài loan và ý thức nữ quyền

Mặc dù trong quá khứ đã có nhiều phụ nữ Trung Hoa nói chung và Đài Loan nói riêng viết văn, nhưng con số những người thành danh không nhiều cho lắm. Chỉ từ thập niên 1960 trở lại đây, văn đàn Đài Loan mới xuất hiện rất nhiều nữ văn sĩ tên tuổi, nhiều chẳng những về lượng mà còn cả về phẩm nữa.

Tề Bang Viện, cựu nữ giáo sư Anh ngữ tại Quốc Lập Đài Loan Đại học nhiệu, đã ví sự xuất hiện của những nữ văn sĩ này như những "măng mọc sau trận mưa xuân". Trận mưa xuân ở đây chỉ nhu cầu của các trang văn nghệ những tờ báo lớn. Để khuyến khích các văn sĩ mới, nhiều giải thưởng văn nghệ được tổ chức hằng năm. Đáng chú ý nhất là các giải thưởng Văn nghệ Trung quốc Thời báo, giải thưởng Văn nghệ Liên hợp báo, giải thưởng Văn nghệ Trung Sơn, v.v. Tuy có một số ít người sau khi xuất bản hay cho đăng báo một vài cuốn truyện đã đột nhiên biến mất, đại đa số vẫn tiếp tục viết và đã trưởng thành mạnh hơn. Trong số các văn sĩ tiếp tục viết cầm bút có nhiều người là phụ nữ. Các nữ văn sĩ này đã nổi tiếng rất nhanh chóng. Họ đều có tài viết và tận tâm với ngòi bút.

Đài Loan ngày nay khác xa Đài Loan cách đây 10 năm, 20 năm. Do nền kinh tế trong nước phát triển mạnh, đời sống của nhân dân đã được nâng cao. Đồng thời các lãnh vực xã hội cũng đã thay đổi, chịu sự thâm nhập của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa hưởng lạc. Cùng với những thay đổi này, hầu hết phụ nữ Đài Loan ngày nay đã có nhiều cơ hội rời bỏ bếp núc dấn thân vào các việc làm bên ngoài gia đình và từ đó họ đã đạt được một phần nào sự

độc lập trong quan hệ với gia đình. Tuy nhiên, nếu sự độc lập của phụ nữ đối với gia đình ngày một gia tăng thì quan hệ về tình yêu và hôn nhân lại ngày một suy yếu. Chính sự kiện này đã đưa đến sự xuất hiện của một thế hệ nữ văn sĩ mới, nhất là nữ tiểu thuyết gia. Họ muốn diễn tả những xáo trộn, những biến động do sự vươn mình của phụ nữ ra khỏi vùng kiềm tỏa của gia đình. Điểm đáng chú ý hơn nữa là họ không còn phải bận tâm nhiều đến kỹ thuật, và cả xảo thuật viết văn như các nữ văn sĩ của các thế hệ đàn chị.

Căn cứ vào những đề tài trình bày trong các tác phẩm của họ, chúng ta có thể chia các nữ văn sĩ hiện đại của Đài Loan ra làm bốn nhóm chính.

*

Nhóm thứ nhất gồm các nữ văn sĩ chuyên viết tiểu thuyết chính trị. Tuy nhiên lực lượng của họ không được hùng hậu và họ chưa tạo nên những tiếng vang lâu dài. Hai đại biểu chính của nhóm này là Trần Nhược Hi (thế hệ 1960) và Thái Tú Nữ (thế hệ 1980).

Người ta chỉ biết đến Trần Nhược Hi qua tác phẩm *Duẫn Huyện Trưởng*. Đây là một tác phẩm viết về những việc đã xảy ra trong cái gọi là cuộc cách mạng văn hóa ở hoa lục vào thập niên 1960. Tác phẩm này đã được dịch sang Anh ngữ với nhan đề *Execution of Mayor Yin*. Nhờ tác phẩm này nữ văn sĩ họ Trần đã được ca ngợi rất nhiều ở ngoại quốc. Nhiều trường đại học Hoa Kỳ đã chọn nó làm sách đọc cho các sinh viên chính trị học, nhất là những ai chọn Hoa học (Chinese Studies) hay Đông Á học (East Asian Studies). Trái lại, ở Đài Loan, nữ văn sĩ không được nổi danh cho bằng các nữ văn sĩ đương thời hay hậu bối khác. Đúng là bụt chùa nhà không thiêng.

Điểm đặc biệt của tác phẩm *Duẫn Huyện Trưởng* là nó không đề cập gì tới ý thức nữ quyền cả. Nó mang tính cách một tiểu thuyết chính trị thuần túy. Trong tác phẩm này nữ văn sĩ họ Trần đã nêu lên các tác hại của phong trào "đại cách mạng văn hóa" do Mao Trạch Đông cổ xúy, với sự trợ thủ đắc lực của Lâm Bưu, qua phương tiện các đội ngũ Hồng Vệ binh. Để đạt đến một xã hội Cộng sản theo phương thức Mao chủ nghĩa, phong trào đã dập tan các cơ chế thượng tầng cũng như hạ tầng trong xã hội Hoa Lục. Con người sống trong xã hội này, dù có quyền cao chức trọng như Huyện trưởng Duẫn, bất cứ lúc nào cũng có thể bị hành hình khi đảng Cộng sản, hay nói cho đúng hơn, lãnh tụ của đảng, muốn dùng nó làm vật hi tế cho chủ nghĩa, cho uy quyền của đảng. (Trên thực tế cho đảng thì ít mà cho cá nhân lãnh tụ thì nhiều).

Chúng ta phải đợi gần hai chục năm sau mới thấy Thái Tú Nữ, một nữ văn sĩ thuộc thế hệ trẻ hơn, đã lồng các vấn đề nữ quyền trong cuốn tiểu thuyết chính trị *Ám Dạ Địch Thanh* (Tiếng sáo trong đêm tối). Tuy nhiên, nữ văn sĩ đã không nắm vững được vai trò của phụ nữ trong chế độ chính trị và không nêu rõ việc phụ nữ chống đối chủ nghĩa đại nam nhân của nam giới.

*

Nhóm thứ hai chuyên viết văn chương bình dân. Đại biểu cho nhóm này là Quỳnh Dao (thế hệ 1960), Tam Mao (thế hệ 1970) và Trương Mạn Quyên (thế hệ 1980).

Nhóm nữ văn sĩ này đã lôi cuốn được rất nhiều nữ độc giả trẻ tuổi vì tính cách văn chương bình dân của họ. Các tác phẩm của họ đề cao vai trò khuôn mẫu của người phụ nữ truyền thống Trung Hoa. Đề tài chính của họ là tình yêu và hôn nhân, như thấy diễn tả qua các tác phẩm *Song Ngoại* (Bên ngoài cửa sổ) của Quỳnh Dao, *Tản Cáp Lạp Đích Cố Sự* (Truyện bãi sa mạc Sahara) của Tam Mao, hay *Hải Thủy Chính Lam* (Nước biển thực xanh) của Trương Mạn Quyên. Tình yêu của họ chính là thứ tình yêu muôn thuở, còn hôn nhân thì cố hoàn thiện. Ngay chính trong truyện ngắn *Hải Thủy Chính Lam* (mà tuyển tập truyện ngắn chọn làm nhan đề), sự ly hôn cũng không làm sụp đổ viễn tượng lý tưởng về tình yêu và hôn nhân. Nói cách khác, các nữ văn sĩ thuộc nhóm thứ hai này có khuynh hướng vẽ các bức tranh hoàn mỹ về tình yêu và hôn nhân. Mặt khác, các nữ văn sĩ này cũng đã tự trói mình vào những nhận thức cổ truyền của phụ nữ Trung Hoa.

Sở dĩ văn chương bình dân của họ đã hấp dẫn được một số độc giả rất lớn là vì các chủ đề của các truyện của nhóm thứ hai này thích hợp với những mối quan tâm đương thời của phụ nữ ở Đài Loan. Phụ nữ Đài Loan vẫn còn đi tìm tình yêu và hôn nhân lý tưởng, mặc dù họ vẫn bị đau khổ vì bị đàn ông ly dị hay vì sự bất trung của đàn ông. Mặt khác, các đề tài bình dân này cũng đã phản chiếu các giá trị và đạo đức của xã hội Trung Hoa nói chung và Đài Loan nói riêng. Các nhân vật trong các tác phẩm của nhóm nữ văn sĩ này đã chiếm được cảm tình của độc giả.

Hải Thủy Chính Lam muốn diễn tả các sự đau khổ mà con cái sẽ phải chịu đựng nhiều nhất trong các vụ ly hôn. Truyện này muốn khuyến khích độc giả nên suy nghĩ kỹ về điểm đó. Đứa bé trong truyện đã tự vẫn, buộc cha mẹ phải tự kiểm thảo hành vi của mình để cố hàn gắn lại sự rạn nứt giữa họ. Cuối cùng hai người đã hòa thuận lại với nhau. Qua tác phẩm *Hải Thủy Chính Lam*, Trương Mạn Quyên đã đề cao lý tưởng của hôn nhân và lên án ly dị qua hành động của đứa bé nạn nhân.

Ngay dù các tiểu thuyết của Quỳnh Dao có lãng mạn hay bi tráng, các tình nhân trong các truyện cuối cùng bao giờ cũng lại đoàn tụ với nhau. Chỉ có *Song Ngoại* là một ngoại lệ. Tuy nhiên, ngay ở truyện này mối quan hệ trong trắng giữa người nữ sinh trung học và thầy giáo cũng đã khéo chiếm được cảm tình và chấp nhận của độc giả. Cuối truyện cho thấy các quy tắc xã hội đã dấc thắng. Quan hệ này chấm dứt vì áp lực của xã hội. Cô nữ sinh đi lấy chồng, một thanh niên trẻ tuổi, và vài năm sau khi trở về cô đã gặp ông thầy cũ nay trở thành một con người đau khổ, bệnh hoạn, say sưa tối ngày và già nua lọm khọm.

Truyện *Tản Cáp Lạp Đích Cố Sự* của Tam Mao là một bức họa sống động của hai con người cố hòa mình vào cuộc sống ở sa mạc Tản Cáp Lạp (Sahara) bên Phi châu và đã sống chung với nhau. Kinh nghiệm này cuối cùng đưa đến việc hai người lấy nhau. Câu chuyện tình lãng mạn giữa hai người thuộc hai văn hóa khác nhau trình bày cho độc giả bức tranh lý tưởng của tình yêu và hôn nhân đủ sức vượt qua không gian xa cách và khác biệt văn hóa.

*

Trái với nhóm thứ hai, nhóm thứ ba – gồm các đại biểu như Tăng Tâm Nghi (thế hệ 1970), Tưởng Hiểu Vân (thế hệ 1970-1980) và Lý Ngang (thế hệ 1980) – tuy cũng viết về tình yêu và hôn nhân, nhưng tất cả đều diễn tả những kinh nghiệm đau thương của phụ nữ thôi.

Chẳng hạn trong khi *Tản Cáp Lạp Đích Cố Sự* của Tam Mao thật lãng mạn thì truyện *Ngã Ái Bác Sĩ* (Tôi yêu tiến sĩ) của Tăng Tâm Nghi lại theo một con đường khác. Tình yêu đã được diễn tả một cách tàn nhẫn hơn. Trong thập niên 1970, khung thời gian mà cả hai nữ văn sĩ Tam Mao và Tăng Tâm Nghi viết truyện, nhiều nữ sinh viên đại học đã bị lôi cuốn vào phong trào yêu những thanh niên du học ngoại quốc hồi hương với văn bằng tiến sĩ (người Trung Hoa gọi là bằng bác sĩ). Tuy nhiên, trong truyện *Ngã Ái Bác Sĩ*, nữ văn sĩ họ Tăng đã mô tả những đấng nam học giả hồi hương đó như những kẻ vô trách nhiệm trong việc yêu đương cùng là phác họa những kinh nghiệm cay đắng của các thiếu nữ si mê họ.

Năm 1979, truyện *Nhân Duyên Lộ* (Con đường nhân duyên) của Tưởng Hiểu Vân đoạt giải nhất về đoản thiên tiểu thuyết trong cuộc thi giải thưởng Văn nghệ Liên hợp báo. Cuốn truyện này đề cao trinh tiết và hôn nhân. Nữ nhân vật chính trong truyện sốt sắng đi kiếm chồng và qua ba lần yêu đàn ông vẫn quyết tâm giữ gìn tiết trinh để dành cho người bạn đường của mình. *Nhân Duyên Lộ* đề cao quan hệ nam nữ tự do trong hai thập niên 1970 và 1980. Truyện không phê bình tình yêu và hôn nhân mà chỉ chế nhạo sự ngu xuẩn và thái độ ương ngạnh của nữ nhân vật chính đối với tình yêu và tính dục. Nói cách khác, tác giả đã châm biếm phê bình các phụ nữ mới Đài Loan vì họ chống lại quan niệm phụ nữ phải phục vụ cho các nhu cầu của đàn ông.

Sau *Nhân Duyên Lộ*, trong thập niên 1980 có nhiều tác phẩm do một số nữ văn sĩ viết về nỗi khổ và những trở ngại của phụ nữ đối với tình yêu rồi sinh ra mất tin tưởng vào hôn nhân. Tỷ dụ truyện *Hồng Nhan Dĩ Lão* (Người đẹp đã già) và *Thế Gian Nữ Tử* (Đàn bà thế gian) của Tô Vĩ Trinh, hay *Dư Mạ Thái Tử* (Hạt giống rau vân đài) và *Bất Quy Lộ* (Đường đi không lối về) của Liêu Huy Anh.

Mặt khác, trong các truyện *Sát Phu* (Giết chồng) và *Ám Dạ* (Đêm tối) tác giả Lý Ngang đã phô bày một cách chân thật sự bạo hành và ức hiếp mà đàn bà phải gánh chịu trong tình yêu và hôn nhân, cùng là những trò lường gạt

của đàn ông trong một xã hội kỹ nghệ hóa. Trong khi kể các kinh nghiệm đau đớn mà người đàn bà phải chịu đựng, tác giả muốn nói là họ phải chịu đựng như vậy để được tồn tại.

*

Nhóm thứ tư cố đi tìm những vai trò mới cho phụ nữ Trung Hoa. Nhóm này nổi lên từ thập niên 1980 với các đại biểu như Viên Quỳnh Quỳnh, Chu Tú Quyên, Lữ Tú Liên và Liêu Huy Anh. Trong hai thập niên 1970 và 1980 các mục tiêu của phong trào nữ quyền Tây phương bắt đầu được một số phụ nữ Đài Loan theo. Họ càng ngày càng quan tâm nhiều đến các vấn đề và các quyền của phụ nữ.

Xã hội Đài Loan bắt đầu biến chuyển mạnh và quan hệ nam nữ đồng thời cũng thay đổi. Cả hai phái nam và nữ đều bị lôi cuốn vào trong cơn lốc thay đổi về tình yêu, hôn nhân và việc làm. Phụ nữ càng ngày càng muốn đi tìm vai trò mới của họ trong gia đình, sở làm và trong đời sống. Chính sự đi tìm này đã đưa đến sự xuất hiện của nhóm nữ văn sĩ thứ tư chuyên trình bày về những sự tìm kiếm và đề cao vai trò mới của phụ nữ Trung Hoa.

Nữ nhân vật chính trong truyện *Nữ Cường Nhân* (Người đàn bà mạnh) của Chu Tú Quyên tiêu biểu cho sự thành công của một phụ nữ trong nghề nghiệp cũng như trong tình yêu. Nàng đóng vai trò kiểu mẫu cho các nữ độc giả trẻ tuổi đang đi tìm hướng đi mới cho mình.

Truyện ngắn *Tự Kỷ Đích Thiên Không* (Chân trời của riêng tôi) của Viên Quỳnh Quỳnh diễn tả sự bình thản của một thiếu phụ khi bị chồng ly dị. Trong khi các tác giả khác trong trường hợp này sẽ mô tả người vợ bị ly dị nào là khóc sướt mướt, rũ rượi, nào là tuyệt vọng, v.v., thì nữ nhân vật chính khi biết bị chồng bỏ đã hết sức bình thản, bình thản đến độ lạnh lùng. Không những thế, sau này khi một lần tình cờ gặp lại người chồng cũ đi với cô vợ mới, nàng nhìn cô vợ này bằng một con mắt kẻ cả và tin chắc là thế nào cô vợ ấy cũng sẽ chịu chung số phận như mình, nghĩa là sẽ có ngày cô ta bị anh chồng bỏ rơi. Do đó, nàng đã bước đi mà lòng tự nhủ là cuộc hôn nhân của mình đã thực sự chấm dứt.

Tuy nhiên truyện không ngừng ở đây mà lại đi theo đường lối quen thuộc của các tác giả khác. Cũng như nhiều người đàn bà bị ly dị khác, nữ nhân vật chính trong truyện đã cố bám lấy một người đàn ông đã có vợ để được nâng đỡ cả về tình cảm lẫn tài chính. Truyện cũng không che dậy sự nhạy cảm của thiếu phụ bị ly dị trước ham muốn xác thịt của đàn ông. Một điểm đáng tiếc nữa là tác giả đã giải thích số phận của người đàn bà bị ly dị như là "thiên không" (chân trời) riêng của người đó, khiến cho phạm vi cuộc đấu tranh của phụ nữ đi tìm cho mình một con đường đã bị giới hạn.

Trong *Giả Tam Cá Nữ Nhân* (Ba người đàn bà này) tác giả Lữ Tú Liên trình bày ba khuôn mặt phụ nữ mới. Khuôn mặt thứ nhất là một bà nội trợ đã từ bỏ bếp núc để đi làm một nghề mới; khuôn mặt thứ hai là một phụ nữ

độc thân không lập gia đình cốt để có thể theo đuổi các lý tưởng của mình; và khuôn mặt thứ ba là một người đàn bà phúc hậu đã sẵn sàng đón nhận người tình cùng các con tư sinh của chồng mình sau khi chồng chết. Tác giả đã xét kỹ vai trò của từng người một nhưng lại không để ý đến những xung đột tâm lý của ba nữ nhân vật này khi họ quyết định theo đuổi con đường mình đã chọn. Truyện cũng đề cập qua đến các cá tính của phụ nữ tân thời, nhưng lại có quan niệm mơ hồ và bất định về các vai trò mới của phụ nữ.

Đô Thị Hậu Điểu (Những con chim đi thê đô thị) của Liêu Huy Anh trình bày một phụ nữ độc thân là một chuyên gia trong ngành quảng cáo. Truyện mô tả đời sống của người này trong văn phòng và cố gắng diễn tả thái độ thận trọng của nàng đối với tình yêu. Tuy nhiên truyện đã đề cập một cách vội vàng diễn biến nhanh chóng về quan hệ giữa nàng lúc bị thất bại trong một việc và ông thượng cấp trong công ty mà nữ nhân vật này tuy thích nhưng vẫn nghi kỵ. Đáng tiếc là tập truyện này đã cẩu thả trong việc phân tích cá tính của người thiếu phụ và thái độ của nàng đối với nghề nghiệp.

*

Qua các tác phẩm của các nữ văn sĩ Đài Loan này chúng ta thấy phần lớn họ đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của phong trào nữ quyền của các nước Âu Mỹ. Họ muốn phá bỏ những kiềm tỏa chật cứng mà tập tục đã áp đặt lên phụ nữ Trung Hoa. Họ đã cố gắng đề cao vai trò mới cho phụ nữ. Họ cố tạo một viễn ảnh phụ nữ Trung Hoa mới, những người có thể tự mình suy nghĩ và định lối đi cho mình đối với các vấn đề thuộc bản thân, xã hội và nhân loại. Họ cũng đã cố tìm phương thức hòa hợp các phụ nữ mới với các phụ nữ vẫn sống nếp sống cổ truyền.

Đáng tiếc là những mối bận tâm và những khát vọng của phụ nữ Trung Hoa, tiêu biểu bằng những tác phẩm của các nữ văn sĩ này, vẫn chưa vượt quá những quan niệm cố hữu. Các đề tài trình bày trong những tác phẩm của họ vẫn chỉ chạy quanh hai chữ "tình yêu" và "hôn nhân", nhất là những đau khổ của phụ nữ trong tình yêu và hôn nhân, làm như là ý thức nữ quyền chỉ có thể trưởng thành qua hai ngả tình yêu và hôn nhân thôi. Thực ra, muốn cho ý thức nữ quyền được thêm vững mạnh thì cần phải phát triển nó qua nhiều lãnh vực tiểu thuyết khác, kể cả chính trị và lịch sử. Về điểm này, như trên đã nói, chỉ mới có Thái Tú Nữ đã làm, tuy chưa được thành công cho lắm.

Một điểm khác cần nói là tuyệt đại đa số các nữ văn sĩ viết truyện về phụ nữ. Lác đác mới thấy có người viết truyện về nam nhân. Tuy nhiên các nam nhân trong các truyện này đều không phải là những người hùng. Họ vẫn chịu sự chi phối một phần lớn của phụ nữ, dù người đó là vợ, là mẹ, hay là tình nhân. □

Phụ lục:

Các nữ văn sĩ hiện đại Đài Loan và các tác phẩm tiêu biểu:

1. Âu Dương Tử: *Ma Nữ; Dĩ Thực Đích Anh Hoa; Vương Tạ Đường Tiền Đích Yến Tử.*

2. Chu Tú Quyên: *Nữ Cường Nhân.*

3. Liêu Huy Anh: *Kim Dạ Vi Vũ; Bất Quy Lộ; Du Ma Thái Tử; Đồ Thị Hậu Điểu.*

4. Lữ Tú Liên: *Giá Tam Cá Nữ Nhân; Tình.*

5. Lý Ngang: *Mạc Xuân; Ám Dạ; Hoa Quý; Hỗn Thanh Hợp Xướng; Sát Phu; Nhân Gian Thế; Tha Môn Đích Nhãn Lệ. 6. Quỳnh Dao: Nguyệt Mãn Tây Lâu; Nữ Bằng Hữu; Bích Vân Thiên; Ngã Thị Nhất Phiến Vân, Vấn Tà Dương, Tụ Tán Lưỡng Y Y; Bạch Hồ; Song Ngoại.*

7. Tam Mao: *Tản Cáp Lạp Đích Cố Sự.*

8. Tăng Tam Nghi: *Ngã Ái Bác Sĩ.*

9. Thái Tú Nữ: *Ám Dạ Địch Thanh.*

10. Tiêu Lệ Hồng: *Quế Hoa Hạng; Thiên Giang Hữu Thủy Thiên Giang Nguyệt.*

11. Tiêu Tắp: *Hôn Ước; Ngã Nhi Hán Sinh; Lão Sư Khất Bình; Nhật Quang Dạ Cảnh; Hà Phi Chi Gia; Thiếu Niên A Tân.*

12. Tô Vĩ Trinh: *Hồng Nhan Dĩ Lão; Nhân Gian Hữu Mộng; Tuế Nguyệt Đích Thanh Âm; Bồi Tha Nhất Đoạn; Thế Gian Nữ Tử.*

13. Trần Nhược Hi: *Duẫn Huyện Trưởng.*

14. Trương Mạn Quyên: *Hải Thủy Chính Lam.*

15. Tưởng Hiểu Vân: *Nhân Duyên Lộ.*

16. Viên Quỳnh Quỳnh: *Tùy Ý; Tự Kỷ Đích Thiên Không; Hiện Tại Đích Ngã; Đào Vong Đích Thiên Không; Hồng Trần Tâm Sự; Lưỡng Cá Nhân Đích Sự.*

TUỆ SĨ

Thuyền nhỏ mù sâu
Quẫy sóng tay chèo
Cả tiếng vô sanh vô tử
Cây cao vách hiểm
Xua mây vừng nguyệt
Tỏ lời tức vọng tức chơn.

- Bài thơ này Tuệ Sĩ làm trong tù gửi ra điếu ngài Đôn Hậu.

KHOA HỮU

tượng lính

— Lịch sử không cho chúng ta những số phận khác.

I.

Ta cầm súng thời làm lính thú
dọc ngang ta nón sắt đội đầu
vẹt gót giầy bạc phếch áo trận
viên đạn đồng ngủ đứng trong bao.

Ta lính tác chiến quen liều lĩnh
tháng phát ba mươi ngày hành quân
ly rượu sáng cay lòng bè bạn
bữa cơm chiều nuốt vội thương tâm.

Xem trọng xem khinh thằng lính trận
tướng phải thăm lính ở chiến trường
máu vinh quang nước mắt uất hận
khóc thằng về vị quốc vong thân.

Trái tim thư sinh gan trận mạc
cằm rậm râu dài tóc trên đầu
quần rách gối quần vai mơ ước
nghỉ, ngồi gác súng chuyện đâu đâu.

Đêm mồ hôi đào gấp lổ huyệt
buông xuôi tay ngó xuống phận mình
giấc ngủ ngắn kề bên cái chết
liệu mai còn thức với bình minh.

Bập bập trên môi điếu thuốc tắt
nóng mùa khô lạnh cóng mùa mưa
bóng tối bưng mấy thằng nằm thức
chuyền vài hơi khói chết không chừa.

Bạn thương ta ngòi bút thi sĩ
còn thương ta chung bước đường cùng
chết như đùa sống như bất kể
chết cùng chia máu sống chia cơm.

Sáng lội ven sông chiều mé núi
theo mặt trời đêm cũng là ngày
vui có lúc với giun với dế
buồn khi còn như cỏ như cây.

Vài ngày phép ta mang về phố
chẳng tình nhân, không ấm chỗ nằm
ngồi công viên nghe ma tình tự
tưởng mình âm phủ đã ngàn năm.

Đi chiến dịch xa biệt tổ quốc
bước viễn chinh đâu có ngày về
tay vuốt mắt những thằng về trước
máu còn nhớ máu lúc phân ly.

Nắng nhiệt đời khát khô cổ họng
đồng mưa dồn lũ ngập tâm can
mưa nắng đã hai mùa chiến trận
đêm chờ nghe quỉ sứ gọi hồn.

Tội nghiệp tin thư về đất hứa
chữ giống người nghiêng ngả cơn say
nỗi buồn ta hằn trang giấy ước
với mắt nhìn mấy lớp mây bay.

Tội nghiệp ta, tội nghiệp súng đạn
nổ như mê giải nỗi u sầu
sợi tóc treo tháng ngày vô hạn
vĩnh biệt nhau hẹn để gặp nhau.

Đất nghĩa trang chung ngày hạnh ngộ
mộ mộ bia lớp lớp bảo tàng
nơi yên ngựa anh hùng mạt lộ
đá khắc tên lịch sử từng trang.

II.

Ta còn gì, viên đạn bắn sót
mấy thằng còn, sống cũng phế nhân
chút nghĩa khí cũ càng non nước
những tấm lòng mai một thời gian.

Trong tư tưởng ta – ta đã thắng
mười năm thua đời tựa đá mài
hủy thịt da thành người dị dạng
moi ruột gan để nỗi bi ai.

Ta làm thơ gửi thằng cầm súng
hơn triệu thằng bỏ súng đi đâu
dửa đến quê người đời lận đận
ta quê nhà nhức vết thương sâu.
(Sài Gòn, Việt Nam)

TIMOTHY MO
LÊ TƯỜNG THỤY dịch

hầu vương

Lời người dịch: *Timothy Mo là một văn sĩ Anh gốc Trung Hoa, cha ông người Quảng Đông, mẹ người Anh, sinh năm 1951 tại Hương Cảng và học đại học Oxford ở Anh. Ông đã từng cộng tác với các báo* Times Educational Supplement, The New Statesman *và* Boxing News; *hiện ông sống tại Luân Đôn. Ông nổi tiếng ngay từ tác phẩm đầu tiên,* The Monkey King *(1987) được giải Geoffrey Faber Memorial Prize và ba tác phẩm liên tiếp sau đó đều được vào chung kết giải văn chương Anh, The Booker Prize, là* Sour Sweet (1982), An Insular Possession (1986) *và* The Redundancy of Courage (1991). *Truyện của Timothy Mo đi sâu vào tâm lý nhân vật và nổi tiếng về lối chọn lọc từ ngữ chính xác tuy đôi khi hơi quá cao siêu đối với đề tài ông viết.*

Truyện Hầu Vương được dịch vài đoạn trong quyển The Monkey King *(1978). Tác giả mượn danh Tôn Ngộ Không của* Tây Du Ký *để ám chỉ nhân vật chính, Wallace Nolasco, một chàng trai nghèo gốc Bồ Đào Nha ở Macau sang Hương Cảng cưới vợ là cô Mỹ Linh, con gái út của lão trọc phú Poon. Vì phải sống chung với gia đình vợ và chịu nhiều thử thách dưới quyền kiểm soát khắt khe và keo kiệt của bố vợ, Wallace bất đắc dĩ trở thành một Tôn Ngộ Không của thời đại mới với những mưu mô thủ đoạn tinh quái không kém phần lý thú.*

I.

Ngoài ông bà Poon ra, Wallace và Mỹ Linh là cặp vợ chồng thứ hai trong gia đình này vì anh Long, con cả của ông bà, cùng vợ và hai con ở tầng trên. Mấy cô gái chưa chồng sống chung với ông bà ở tầng dưới. Ngày Wallace mới về làm rể, ông Poon đuổi hết đám người làm xuống nhà bếp, bắt họ trải chiếu ngủ dưới đất để dành phòng họ cho vợ chồng chàng.

Ngay từ đầu ông Poon đã hùng hổ làm ra vẻ rộng lượng với con rể. Ông khua bàn tay mập ú đầy tàn nhang bảo chàng:

– Con cần gì cứ nói ba biết nghe con.

Không những hai bàn tay mà cả chiếc trán hói của ông cũng đầy tàn nhang. Dưới cái bụng phệ như cái trống chầu là cặp giò khẳng khiu khiến ông chẳng khác gì một củ khoai tây to tướng. Ông muốn trấn an Wallace hầu mong dập tắt dự tính đòi của hồi môn của chàng.

Thế nhưng Wallace vẫn không hề lỗ vẻ nao núng. Chàng lạnh lùng bảo Mỹ Linh:

– Hy vọng bố cô không cho rằng tôi cưới cô chỉ là trò đùa thôi. Không ai qua mặt tôi dễ dàng như thế đâu.

Mỹ Linh chỉ biết cười bả lả.

Sau đó vài hôm ông Poon bảo riêng chàng:

– Gia đình ba muốn tặng con vật này.

Rồi ông quàng vai chàng dẫn sang hành lang tối lờ mờ sau cái bàn ông thường mặc đồ ngủ mang dép cao su ngồi tính toán tiền bạc sổ sách hàng ngày, chung quanh đống nhật trình vàng ố cao vòi vọi.

Ông mâm mê và gõ nhẹ trên mặt bàn rồi trịnh trọng bảo Wallace:

– Đây là món quà ba và gia đình muốn tặng con, nằm trong ngăn kéo này.

Rồi ông mở hộc lấy ra một chiếc đồng hồ bỏ túi bằng vàng; sợi giây xích kêu leng keng khi ông nhấc lên đưa qua đưa lại trước mặt Wallace với bàn tay lão luyện của một nhà ảo thuật tài tình muốn thôi miên chàng. Wallace reo lên:

– Ồ! Đẹp quá!

Ông Poon cười hinh hích:

– Suốt thời gian Nhật chiếm Hương Cảng ba giấu nó kỹ lắm. Tụi Nhật đâu có ngờ được. Tụi nó có thể vả ba rụng hết hai hàm răng vàng và đá ba thình thịch nhưng không đời nào ba để mất cái đồng hồ này cả vì của ông cố, ông nội ba để lại đó.

Wallace cảm động rơm rớm nước mắt. Chàng cầm chiếc đồng hồ ước định trọng lượng nó trên tay còn ông già Poon thì mân mê sợi giây xích. Bỗng ông giựt cái đồng hồ ra khỏi tay Wallace và bảo chàng:

– Bây giờ để ba giữ hộ nó cho con. Không đâu an toàn bằng ngăn kéo này. Thời buổi này mà con mang nó đi khơi khơi ngoài đường thế nào cũng bị mất dễ như chơi. Thiếu gì kẻ cướp giật đao găm đầy người đó con.

Wallace ấp úng:

– Bỏ trong ngân hàng cũng được vậy.

Nhưng ông Poon đã ngắt lời chàng:

– Con không biết chứ cất ở nhà là bảo đảm hơn cả. Những tên tai to mặt lớn, mang vét-tông thắt cà-vạt chỉnh tề lại là những đứa bịp bợm trắng trợn nhất đó con. Không tin ai được cả. Ba hy vọng con không quên lời khuyên của ba. Dù sao con cũng hãnh diện vì có chiếc đồng hồ này.

Ông khóa trái ngăn kéo lại và tiện tay dấn chiếc chìa khóa dưới bàn tính bằng gỗ có những hàng nút đen láng. Ông còn nói tiếp:

– Bất cứ lúc nào con muốn khoe với bạn con, con cứ cho ba hay. Ba sẽ mang ra cho bạn con xem.

Lúc Wallace trở về phòng, chàng gặp Long ở trong nhà bếp. Nhìn nét mặt dàu dàu của Wallace, Long cười khoái chí:

– Ông già vừa mới cho cậu xem cái đồng hồ vàng của ổng phải không? Hì hì! Ông khoe cái đồng hồ mắc dịch đó ít nhất cũng năm chục lần rồi!

Tiếng cười chế giễu của Long còn vọng theo Wallace đến tận phòng ngủ. Chàng biết Long đang múc dậu hũ ra chén vì tiếng thìa khua lách cách vào chiếc hũ sành nghe rõ mồm một và cả lúc Long vạch bức màn trúc, lê dép xềnh xệch bước về phòng.

II.

Mỗi ngày gia đình ông Poon chỉ dọn một bữa ăn chính đúng mười hai giờ năm vì ông chỉ về ăn trưa với gia đình. Buổi tối ông thường tiệc tùng với bạn bè hay dãi đằng thân chủ thương mại của ông ở các trà đình tửu quán dưới phố, và trong nhà không ai được quyền dụng đến thức ăn khi ông vắng mặt.

Buổi sáng mấy người làm dọn cháo trắng với giò cháo quẩy, một thứ bánh bằng bột rán phồng. Hàng ngày Wallace vẫn chờ đến bữa ăn trưa và mặc dầu không có đồng hồ chàng vẫn biết rõ giờ ăn vì đúng ba phút trước đó mấy người làm vặn lò hâm lại thức ăn. Lâu dần thành thói quen, Wallace biết chàng có thể nín thở suốt ba phút đó. Lúc mặt chàng đỏ bừng lên và sắp ngạt thở là lúc chàng biết đã đến giờ. Mặc dầu còn xây xẩm mặt mày nhưng không vì thế chàng ăn mất ngon. Trái lại chàng còn khám phá ra rằng hễ chậm chân là hết đồ ăn.

Trong nhà có tám miệng ăn và mùa hè thêm lũ trẻ con nghỉ học là mười, thế nhưng thức ăn chỉ vừa vặn cho ba người thôi. Bữa nào cũng thế, trước hết là tô canh bí bốc hơi nghi ngút với một vài củ năng nổi lềnh bềnh trên mặt. Những người nào được ông Poon thương, trong số đó có chàng trong mấy tuần lễ đầu tiên, còn hy vọng được vài miếng bí trong chén canh của mình. Khi vừa ăn xong, ông ra dấu cho người làm mang tô xuống bếp và món tiếp theo là ba quả trứng chiên bày trên cái dĩa men loang loáng mỡ. Trái với tô canh được chia đều cho tất cả mọi người, đến món trứng chiên thì mạnh ai nấy gắp, sau khi ông Poon gắp phần của ông trước. Người nào ngồi gần, cầm đũa khéo và gắp nhanh thì được phần; còn ai chậm rán chịu. Mấy hôm đầu mới đến, Wallace còn chậm chạp, vụng về; đôi đũa của chàng cứ trơn như mỡ trên chiếc dĩa sành nên chỉ chưa đầy một phút cả ba cái trứng biến mất, ngay đến tròng đỏ sền sệt trên mặt dĩa cũng được mấy đôi đũa lẹ làng chùi sạch sẽ.

Tiếp theo là món cải chiên, mắm cá và tàu hũ kho; còn cơm thì để trong liễn. Mấy người làm còn hận Wallace, vì chàng mà họ phải xuống ngủ dưới

nhà bếp nên hôm nào họ cũng bới cơm cháy dưới đáy nồi cho chàng. Riết rồi Wallace đâm ra quen ăn cơm cháy.

Bao giờ ông Poon cũng là người đầu tiên xô ghế đứng dậy sau khi ợ một tiếng dài khoái trá khiến Wallace chua chát nghĩ thầm, "Chỉ có ổng no rồi ổng mới làm vậy được". Bỗng chốc bàn ăn vắng tanh vì ai nấy đều lặng lẽ về phòng chỉ còn lại một mình Wallace vẫn thèm thuồng nhìn mấy cái dĩa trống trơn, lóng lánh dầu mỡ. Cuối cùng chàng đành theo Mỹ Linh về phòng ngủ.

III.

Trước Giáng Sinh, trời bỗng đứng trở lạnh. Wallace không còn ra ngoài được nữa nên cứ đi lui đi tới trong phòng và nhìn sang hàng cây trụi lá ngoài cửa. Mỹ Linh cuộn tròn trong mấy lớp chăn, ngủ gà ngủ gật trước lò sưởi lạnh ngắt trống trơn. Mặc dầu Wallace đã đề cập đến việc đốt lò sưởi nhiều lần nhưng vô hiệu quả vì không ai hưởng ứng. Mấy người giúp việc làm ngơ còn ông Poon càng ngày càng quỷ quyệt với chàng. Nhiều lần chàng định lấy cái bệ gỗ dùng để thái thịt dưới bếp làm củi đốt nhưng chỉ ngại mỗi một việc mang nó từ dưới bếp lên nhà trên cũng đủ gây ồn ào có thể làm mưu toan chàng bại lộ nên lại thôi.

Cuối cùng không chịu được nữa, Wallace rón rén leo xuống mấy bậc thang kêu kẽo kẹt, lần mò xuống phố. Chàng đến một cửa hàng lớn ngay trung tâm thương mại của người Tàu mua mấy bó củi và một bao than. Trước khi về chàng còn dừng lại bên mấy lọ thịt bò khô mua một bịch xí muội ngâm trong nước cam thảo và hột hồi. Lúc chàng đi vắng, Mỹ Linh đã đắp thêm tấm khăn bàn ny lông lên lớp mền dày cộm. Nàng cố ngăn tiếng hắt hơi khi thấy Wallace bước vào. Wallace ném gói xí muội cam thảo cho Mỹ Linh và bí mật báo vợ:

– Em chờ xem, thế nào hôm nay mình cũng được ấm áp cho em coi.

Chàng mạnh dạn xuống bếp khệ nệ mang lên cái bệ gỗ và mấy tờ báo cuộn tròn lấy cắp trong đống nhật trình cao nghệu gần bàn ông Poon. Wallace cặm cụi bửa củi thành từng thanh nhỏ, vo tròn mớ giấy báo rồi châm lửa. Một làn khói mỏng cuộn tròn từ từ bốc lên từ đám củi và giấy hỗn độn ấy. Wallace trấn an vợ:

– Không có gì phải lo hết. Em không thấy đã từ lâu đâu có ai đốt lò sưởi. Có lẽ ống khói bị nghẹt đó thôi.

Mấy bà giúp việc lấp ló sau bức màn trúc, tò mò nhìn hai người. Họ giả vờ ho húng hắng rồi khạc vào cái ống nhổ to tướng ngay cửa ra vào.

Wallace kéo quần lên, gạt mấy bà người làm sang một bên hành lang và hùng hổ xuống bếp mang lên một chai rượu nếp. Chàng chỉ cho Mỹ Linh hàng chữ trên nhãn hiệu:

– Mùi thơm thượng hảo hạng. Rượu này dùng để châm mồi lửa thì thật là tuyệt.

Chàng trịnh trọng rưới rượu lên trên đống củi rồi quay sang báo vợ:

– Sẵn sàng rồi đó. Giờ chỉ cần châm một mồi lửa nữa thôi.

Ngọn lửa bén lập tức và cháy bùng lên. Wallace kéo Mỹ Linh ra khỏi đống chăn mền và khăn bàn ny lông rồi nghiêm mặt bảo vợ:

– Em xem có phải anh là vô địch thế giới về môn châm lửa không?

Lúc ông Poon đi làm về, ngọn lửa đang cháy bập bùng và nổ tí tách. Mỹ Linh lo sợ rút vào một góc khi thấy bóng cha, còn Wallace chỉ vào lò sưởi không chút ngại ngùng:

– Ba thấy không, con đốt lửa cho cả nhà ấm áp đó.

Ông Poon chẳng nói chẳng rằng cầm cái ống nhổ to tướng tiến về phía Wallace khiến Mỹ Linh giật lùi thêm một bước. Wallace run sợ bảo ông:

– Ba làm gì thế?

Ông Poon bước qua mặt chàng và hất cái ống nhổ vào lò sưởi. Một làn nước màu nâu tung lên thành hình vòng cung rồi rớt xuống kêu lèo xèo trên ngọn lửa. Ông vừa sờ soạng trong ống khói vừa chửi thề vì mấy ngón tay bị bỏng. Mỹ Linh ho sặc sụa vì lúc này khói bay mù mịt khắp phòng. Hai viên gạch đen rơi bình bịch xuống sàn nhà và tiếp theo đó là nhiều viên nữa. Bây giờ Wallace mới dám lên tiếng:

– Trời đất! Đốt lửa có chút xíu mà ba làm gì dữ vậy?

Ông Poon lấy trong túi áo cái dũa móng tay rồi rạch một đường dài trên mặt viên gạch và lần lượt đưa hết viên này đến viên khác ra ánh sáng xem xét cẩn thận như người ta nâng niu giải thưởng thể thao không bằng. Cứ mỗi vết rạch lại lóe lên những tia sáng màu vàng lóng lánh.

Mãi về sau Wallace dã không hối hận lại còn bảo Mỹ Linh:

– Hừ! Có chút xíu mà ổng cũng làm ầm lên. Ai lại không biết nóng đến tấm trăm độ vàng mới chảy. Cho ổng đáng đời. Ai bảo không chịu tin ai lại cứ dem vàng giấu trong ống khói. Tụi Nhật về nước từ đời nào rồi bộ ổng không biết sao! Đúng là ổng bị Trời phạt vì tội keo kiết biển lận.

Đêm đó chờ mọi người ngủ say, ông Poon lén gỡ mấy thỏi vàng giấu trên ống khói dem gói cẩn thận trong mấy lớp vải dầu và mang xuống giấu sau ống nước dưới nhà bếp. Lúc làm xong ông thở hổn hển và nhìn lại đồng hồ thì đã ba giờ sáng.

IV.

Thấm thoát dã đến Tết. Mấy hôm trước đó, các bà người làm và chị em Mỹ Linh bận rộn giã nếp chuẩn bị gói bánh. Đây là cơ hội duy nhất trong năm cả gia đình được ăn uống ngon lành thỏa thích; ngay đến ông Poon cũng phá lệ nài ép mấy đứa cháu nội ăn thật no đến nỗi bụng chúng phình ra như mấy cái trống cơm.

Wallace ngồi trên giường nghe tiếng chày giã gạo cùng tiếng dao thớt dưới bếp vọng lên và nơm nớp lo âu. Chàng sợ mất mặt vì từ hôm về làm rể đến nay chàng dã tiêu gần hết số vốn khiêm nhường của mình. Nào là mua xí muội cam thảo cho Mỹ Linh, nào là mua than củi đốt lò sưởi thảo nào giờ

đây chàng gần cạn túi. Cuối năm mà kiểu này thì đào đâu ra tiền để mồng một Tết lì xì cho bà con bên vợ? Chả trách Wallace sợ mất mặt là phải! Và chàng biết chắc rằng không thể nào tránh được tục lệ lì xì của người Trung Hoa vì với họ sáng mồng một tết bao giờ cũng phải có những tờ giấy bạc mới toanh xếp tám cẩn thận bỏ trong những phong bì màu đỏ mới được. Người Hoa tin rằng màu đỏ tượng trưng cho sự may mắn và tiền bạc biểu hiệu một năm trù phú, thịnh vượng nên mồng một tết họ lì xì cho nhau. Người lớn lì xì cho lũ trẻ con và những người có gia đình lì xì cho đám độc thân kèm theo những lời chúc tụng khách sáo và lời cám ơn đầy khuôn phép. Tất cả sự trao tặng chúc mừng này của người Hoa diễn ra không đầy một phút, còn nhanh hơn một thoáng hơi thở của chàng.

Thật ra Wallace không hoàn toàn cực lực phản đối tục lệ lì xì này mà còn xem đó là thứ khí giới tế nhị nhất trong hầu hết các quy ước xã hội của người Hoa và cũng là dịp nhắc nhở những kẻ còn độc thân về sự hiện diện thừa thãi của họ trong gia đình, khiến họ phải quan tâm đến tình trạng độc thân của họ. Wallace quyết định tận dụng món tiền lì xì của mình để trả đũa hai bà chị vợ mà chàng cho là hai cô gái già vô tích sự bấy lâu nay hay nói bóng gió mỉa mai chàng.

Mấy hôm rồi Wallace đã toan tính nhiều kế hoạch làm tiền nhưng lần nào chàng cũng thấy không cách gì hay bằng mang chiếc đồng hồ vàng của ông Poon đi cầm lấy tiền xài tạm. Dĩ nhiên chàng phải hết sức bí mật mặc dầu chàng vẫn cho rằng chiếc đồng hồ này là của hồi môn hoàn toàn thuộc về chàng. Thế nhưng Wallace cũng tự bào chữa là không muốn làm mếch lòng ông Poon. Chàng biết không thể nào hỏi thẳng ông Poon về món tiền hồi môn vì làm như thế quá lố bịch và còn mặc nhiên công nhận mình thua cuộc; ngoài ra e còn phải lép vế chịu lòng ông trong tương lai nữa, Wallace đời nào chịu hạ mình một cách dễ dàng như vậy!

Chàng chỉ cần có một món tiền tạm thời qua ba ngày tết thôi vì sau đó hy vọng với số tiền lì xì nhận được, chàng sẽ chuộc lại chiếc đồng hồ trả ông Poon. Biết đâu chàng còn có lời nữa vì thế nào với tư cách trưởng tộc, ông Poon lại không mở lòng hào hiệp cho chàng nhiều tiền hơn. Wallace nhẩm tính chỉ nội phong bì của ông Poon và Long, anh vợ chàng cũng đủ bằng số tiền chàng cho họ. Ngoài ra còn bà Poon và vợ Long nữa. Biết đâu, Wallace nuôi hy vọng, vì biết đâu còn nhiều hơn thế nữa.

Thế là chàng quyết định lấy cắp chiếc đồng hồ vàng của ông Poon và không hề cho Mỹ Linh biết. "Mượn tạm vài bữa thôi!" chàng nhủ thầm. Chờ đến tối Wallace rón rén sang bàn giấy của ông Poon và tìm chiếc chìa khóa giấu dưới máy tính bằng gỗ. Chàng mở ngăn kéo lấy đồng hồ cho vào túi rồi cất chìa khóa vào chỗ cũ. Xong xuôi chàng thở phào vì mọi việc dễ dàng hơn chàng tưởng nhiều.

Sáng hôm sau Wallace xuống phố. Chàng nhớ Long có lần bảo chàng ở phía Bắc có nhiều tiệm cầm đồ và Wallace nhận ra ngay những cửa hàng đầy

người Ấn Độ canh gác, chung quanh có hàng rào cao bao bọc. Tối hôm đó Wallace bày ra trên giường một mớ phong bì đất tiền màu đỏ có in lời chúc tụng bằng chữ Hoa mạ vàng lóng lánh và bên cạnh là đống giấy bạc mới toanh gồm nhiều tờ giấy năm đồng, mười đồng cùng một tờ trăm đồng còn thơm mùi mực. Chàng cầm tờ giấy trăm đồng đưa lên mũi ngửi rồi tung mớ tiền còn lại lên trần nhà. Những tờ giấy bạc nhiều màu bay lơ lửng trước khi rơi xuống sàn. Chàng quyết định giữ lại tờ giấy một trăm còn những tờ kia chàng cẩn thận xếp tư cho vào từng phong bì và mỉm cười khoái chí khi tưởng tượng nét mặt của hai bà chị vợ lúc họ mở phong bì lì xì của chàng.

Sáng mồng một Tết ai cũng thức dậy sớm hơn thường lệ và chẳng cần rửa mặt xúc miệng mọi người đã y phục chỉnh tề ngồi quanh bàn điểm tâm. Wallace để Mỹ Linh đi trước còn chàng nấn ná lại vì đang bôi thêm dầu vaseline lên mớ tóc láng mượt của chàng và không quên chùi tay lên quần trước khi ra khỏi phòng. Rốt cuộc chàng là người đến chót. Hai bà chị vợ mặc xường xám dài chấm gót với hai vạt áo xẻ lên tận đùi và mặc dù đã mang áo khoác bằng gấm, cả hai bà đều run cầm cập vì lạnh. Lúc họ ngồi xuống bàn ăn, vạt áo co lên để lộ đôi hài đã sờn mép, Mỹ Linh mặc chiếc áo cũ của hai bà chị để lại nên rộng thùng thình. Wallace có vẻ hài lòng với bữa cháo điểm tâm duy nhất trong năm có chút thịt nên không ngần ngại ăn luôn hai khúc giò cháo quẩy mặc cho bà người làm chau mày phản đối. Sau bữa ăn sáng, mọi người theo nhau sang phòng khách. Ông Poon ngồi chễm chệ trên chiếc ghế bành bằng gỗ mun đen bóng loáng, chung quanh là mấy chậu mai vàng và lan trắng tỏa hương thơm ngát. Bà Poon đứng cạnh chồng và trước mặt bà là một đống phong bì màu đỏ trên chiếc ghế đẩu nhỏ. Vì là con trưởng nên Long phải mở màn. Chàng tiến lên trước mặt cha mẹ, khoanh tay cúi đầu vái hai người, miệng lí nhí mấy lời chúc tụng. Khuôn mặt ông Poon vẫn bất động như chiếc mặt nạ bằng đất sét nung trong các tuồng cải lương Tàu và đến lúc bà Poon bật ngọn đèn trên đầu ông thì trông ông chẳng khác gì ông Phật Di Lặc.

Sau khi lãnh phần lì xì, Long rút lui và tiếp theo đó là hai đứa con trai chàng, hai cô con gái chưa chồng của ông bà Poon, vợ Long rồi kế tiếp là vợ chồng Wallace và sau cùng đến mấy bà giúp việc. Lũ trẻ con vừa đưa phong bì lên ánh đèn để đoán xem số tiền trong đó đã bị Long gạt phăng tay xuống, rồi chàng chắp tay sau lưng, ưỡn ngực đứng thẳng người lên. Nhưng từ góc cửa sổ, Wallace cũng thấy rõ mấy ngón tay Long mân mê lần mò chiếc phong bì.

Đến đây hai bà giúp việc mang ra mấy khay mứt bánh hạt dưa bày rải rác khắp phòng và rót trà ra mấy cái chén tống, chén quân mời mọi người. Đã đến phiên Wallace lì xì cho hai bà chị vợ. Thấy chàng, họ giả vờ e lệ rút vào một góc phòng. Wallace nghênh ngang tiến về phía hai bà và đưa cho họ hai chiếc phong bì đỏ. Chàng hếch mặt bảo:

– Nè, hy vọng sang năm tôi sẽ được hai bà lì xì lại đó nha!

Tiếp theo đó, gia đình Long và Wallace lì xì lẫn nhau rồi Long khoác vai chàng tiến về phía đám đông cùng họ uống trà, cắn hạt dưa.

Khi Wallace cùng Mỹ Linh trở về phòng, chàng có linh tính đoán trước số tiền chàng nhận hôm nay. Nhìn đống phong bì đỏ trên giường, chàng hất hàm hỏi vợ: – Còn phong bì nào nữa đâu, mang hết ra đây xem nào.

Mỹ Linh trợn tròn mắt:

– Bộ anh tưởng em giấu anh sao?

Wallace khua tay:

– Ở đây riết rồi không tin ai được cả.

Chàng mở phong bì thứ nhất. Một hột nút rơi ra. Wallace nhìn trừng trừng như không tin. Rõ ràng một hột nút màu nâu với bốn cái lỗ nhỏ nằm trơ trẽn trên giường. Wallace lấy đầu cây bút dí vào hột nút, mỉa mai bảo vợ:

– Chắc đây là hột nút quần của tên Long chứ còn của ai nữa. Tên khốn nạn. Vậy mà lỡ cho nó đến mười đồng!

– Của ai?

– Của tên Long anh cô chứ còn của ai vào đây nữa! Ai lại chơi trò dểu cáng thế này. Chỉ có hắn ta thua bạc nhẵn túi mới giở trò này thôi.

Mỹ Linh lắc lắc một phong bì khác và tươi nét mặt bảo chồng:

– Chắc phong bì này có tiền.

Wallace giật lấy và lôi ra tờ giấy bạc một xu chỉ dùng vào việc kế toán và vô dụng đến nỗi chỉ có công ty cung cấp nước mới in mà thôi. Kiểm điểm lại, số tiền trong tất cả các phong bì vừa đúng hai chục đồng, trong đó hết mười lăm đồng do bà Poon cho. Wallace bực bội khi thấy chiếc phong bì cuối cùng chỉ vỏn vẹn có vài cắc. Chàng hậm hực lẩm bẩm:

– Cho dáng đời. Ông sẽ không bao giờ thấy lại nó đâu!

– Anh nói gì?

Nhưng Wallace không đáp.

V.

Vài hôm sau lúc Wallace đang đọc sách trong phòng, vợ Long vào báo tin ông Poon muốn nói chuyện với chàng trong phòng khách. Khi chàng bước vào, mọi người đã tề tựu đông đủ. Cuối cùng ông Poon đi vào, theo sau là bà Poon với vẻ mặt nghiêm trọng. Ông bắt đầu thuyết một tràng dài bằng tiếng Quan Thoại, rồi ngưng một lát ông chuyển sang tiếng Anh, đôi mắt vẫn không rời Wallace.

– Tôi biết trong nhà này có một con rắn độc phải tìm cho ra.

Long sửng sốt hỏi Wallace:

– Có chuyện gì vậy cậu?

Wallace bĩu môi:

– Cứ lục khắp người tôi đi.

Ông Poon đuổi mọi người ra và đi từng phòng lục lọi tìm kiếm, từ nhà bếp lên nhà ngang. Lúc ông vào phòng, Wallace và Mỹ Linh đứng giạt ra hai bên

cửa đón ông vào. Đây là lần đầu tiên ông vào phòng hai vợ chồng chàng từ hôm dám cưới. Ông sục sạo trong tủ áo, lộn ngược túi áo khoác của chàng khiến cho dám móc áo chạm vào nhau kêu leng keng. Ông còn lật ngược mền nệm, gối chăn và cả đến mấy bộ quần áo ngủ cũng bị ông xổ tung ra. Không cần ai bảo, Wallace tự động lộn ngược hai túi áo khoác chàng đang mặc cho ông xem. Ông chỉ vào chân chàng và Wallace tụt dép ra. Rốt cuộc không còn chỗ nào trong phòng để ông tìm kiếm lục lọi nữa. Ánh đèn trên trần nhà hắt ra một màu vàng úa và soi rõ từng cái sẹo, từng vết mụn trên làn da sần sùi của Mỹ Linh. Ông Poon dậm chân lên miếng ván hở tựa hồ như vết nứt sẽ mở ra thành một hố chôn đồ thổ phỉ của bọn đạo chích. Ông lần theo kẽ hở đó xuống nhà bếp và Wallace nghe tiếng bát đĩa chạm nhau lách cách và tiếng ông sục sọi trong mớ nồi niêu soong chảo. Chán rồi ông trở lên phòng, thò đầu qua bức màn trúc dọa dẫm: – Trong nhà này có nhiều chuyện kỳ lạ xảy ra mà từ trước đến giờ chưa hề thấy. Liệu chừng đó nha!

Nét mặt Wallace vẫn bất biến.

Đêm đó chàng gỡ tờ giấy bạc một trăm đồng ra khỏi hộp dầu cù là Con Cọp nhỏ bằng ngón tay cái và mang tấm biên lai cầm đồ vào phòng tắm. Chàng châm lửa và với cây kéo cắt móng tay, chàng đốt tấm biên lai cháy rụi rồi giựt nước thủ tiêu tang vật. □

NGUYỄN THANH HÙNG

về biển

Ngày thu ngắn - mưa - mưa rơi
Mây về - từ chân trời xa - mưa tới
Trời đi vắng - rơi - rơi
Xuống đất
Đất dầy như mẹ - mẹ ôm
Đầy tròn - thân con hạt nước
Theo mây - mây về - tuôn về mẹ

Nước chảy xuôi - như nước mắt rơi
Mưa cứ rơi
Đất trời rộng - lạy trời mưa xuống
Mưa rơi - rồi nước sẽ xuôi
Về biển

DUY LAM

tôi viết văn

hồi ký

Ngay từ hồi còn nhỏ xíu dễ thường cũng chưa cao hơn được cái ba toong bằng mây của ba tôi, tôi đã mơ lớn lên sẽ làm văn làm báo và chống Pháp để sẽ cũng nổi tiếng như các bác chú bên họ ngoại. Điều đó cũng thật dễ hiểu, cái nếp sinh hoạt của gia đình dòng họ đã thường xuyên cho tôi có dịp được tiếp xúc với những con người cảnh sống đầy hứng thú và đã kích thích mạnh đến tâm hồn một đứa trẻ nhạy cảm và tò mò và đã ảnh hưởng sâu đậm đến cuộc đời tôi trong những năm tuổi mới lớn và vào đời.

Tôi cũng chẳng bao giờ quên những lúc vì là con đầu, tôi được ba tôi cho đi theo lên tòa báo tại đường Quan Thánh, để rồi chạy chơi tung tăng ngoài sân trên gác, hoặc luẩn quẩn trong văn phòng tòa soạn, trong nhà in phòng sắp chữ, làm quấn chân các bác các chú và những người thợ máy thợ sắp chữ, ông cò, nhưng chẳng bao giờ bị ai la mắng vì tôi là cháu các bác các chú tôi và là con ông quản lý. Tôi đã đứng hàng giờ ngơ ngẩn và thích thú ngắm hai cái máy in một lớn một nhỏ dạp bằng chân đang rầm rầm và lạch cạch chạy suốt ngày, tuôn ra không dứt những trang báo còn thơm nức mùi mực in chưa khô.

Tôi cũng còn hay mò lên trên gác xem các bác các chú ngồi viết lách hay nghe họ sôi nổi trò chuyện bằng tiếng Pháp, hoặc cùng với anh Tri chui vào phòng bác KH để phá bác thường cũng ngồi viết văn. Bác KH với thân hình nhỏ nhắn, với đôi mắt long lanh tinh nghịch và nụ cười tươi tắn sẵn lòng bỏ bút xuống trò chuyện với chúng tôi, và đôi khi còn về hùa với chúng tôi trong những trò chơi do anh Tri đầu têu để chọc phá tất cả mọi người. Anh Tri là con trai thứ của bác Ba, nhưng vì hai bác KH hiếm muộn không có con nên đã được cho làm con nuôi bác KH và đến ở luôn trên tầng gác trên tòa báo với bố mẹ nuôi. Anh là một cậu bé tinh quái láu lỉnh, hơn tôi gần hai tuổi, với cái đầu khá lớn trên một thân hình khẳng khiu trắng trẻo, với dáng điệu cử động nhanh như một con sóc, cặp tai lớn và vểnh, đôi mắt đẹp long lanh và chiếc cằm lẹm, là người mà tôi rất phục vì anh luôn luôn nghĩ ra được

nhiều trò trêu chọc mọi người luôn luôn đổi mới. Chẳng hạn anh dùng điện thoại của bên tòa soạn, gọi tổng đài viên nối mạch dây sang cái máy bên nhà in, giả vờ là một độc giả gọi tới rất khéo và rồi cúp điện thoại chạy sang bên nhà in để gọi ngược lại bên tòa soạn, với sự chứng kiến đầy thán phục của tôi và bác KH. Bác ngặt nghẽo cười khoái trá đang đứng nấp đâu đó phụ họa đạo diễn khuyến khích. Cũng có vài lần chúng tôi bị chú Bảy rình bắt được tại trận, sách tai hai chú nhỏ nhốt vào cầu tiêu ở nhà sau cho chừa cái thói nghịch tinh, luôn cả chánh phạm là anh Tri và đồng phạm là tôi. Chỉ thoáng một cái anh Tri mò mẫm mở được cửa "phòng giam" chạy sang giải thoát cho tôi và bọn tôi lại bắt tay vào những trò tinh nghịch khác.

Vào những buổi báo phát hành, tôi đứng trên thềm tòa báo thú vị và đầy kích thích nhìn một đám đông dễ thường đến cả trăm đứa trẻ bán báo đang la hét xô đẩy nhau ở ngoài hàng rào sắt. Nhiều đứa trèo cả lên hàng rào khoa chân múa tay gọi ơi ới giành được quyền nhận báo trước. Rồi những tập báo được người phụ trách chuyển ra, hầu như bị tước đoạt khỏi tay và những chú bán báo tản ra chạy đi khắp các ngả đường Hà Nội, với những tiếng rao lanh lảnh, báo cho những tầng lớp độc giả ái mộ Tự Lực Văn Đoàn và NNPH là giới tài hoa son trẻ ngay tức khắc có dịp cười nghiêng ngả hoặc mơ màng say đắm với những vần thơ, truyện ngắn truyện dài, các bài phóng sự phiếm luận hài hước dí dỏm của các văn thi sĩ nổi tiếng vào bậc nhất của các thập niên 30 và 40.

Tôi, Du và Liên còn được ba mẹ tôi dẫn đi tham dự hầu hết các phòng triển lãm hội họa, các buổi diễn kịch ra mắt, những buổi trình diễn ca vũ, những chợ phiên *Kermesse*, diễn hành xe hoa của Hà thành hoa lệ và tài hoa son trẻ thời đó. Mẹ tôi vẫn luôn luôn ngạc nhiên không hiểu tại sao trí óc một đứa trẻ mới 9, 10 tuổi như tôi lại có thể nhớ rõ mồn một đến từng chi tiết về những buổi trình diễn kịch nhạc vũ tôi đã bám áo dài mẹ tôi đi dự. Tôi có thể khoái trá và say mê kể lại mấy màn của vở kịch *Kinh Kha* của bác TL lần đầu tiên ra mắt trên sân khấu Nhà Hát Lớn với các phông bằng vải trắng phất phới sau cửa vào và hai cửa sổ chiếc quán trong đó Kinh Kha gặp Cao Tiệm Ly, và điều tôi thú vị nhớ lại là thỉnh thoảng lại có những người thật, các nhân vật phụ đi qua đi lại rất tự nhiên: một ông già, một người gánh hàng rong, một cô gái. Tôi thích thú nhất cái màn triều đình nhà Tần, khi Kinh Kha vung dao trủy thủ đuổi theo vua Tần chém hụt rồi sau đó ngã lộn trên bục cao xuống sân khấu rất hồi hộp.

Ba mẹ con cũng hay ôn lại đầy thán phục trầm trồ các buổi trình diễn hiếm hoi đầu tiên của đoàn vũ công từ Nhật sang với cái màn ngoạn mục hai chục cô gái Phù Tang múa quạt nhịp nhàng đều đặn như những con bướm sặc sỡ và múa qua múa lại một hồi các vũ công phía sau lần sang hai bên vào hậu trường lúc nào chẳng ai hay, để lúc cuối cùng hai vũ nữ đầu hàng cúi chào khán giả Hà thành mới ngỡ ngàng khám phá ra chỉ còn hai vũ nữ đó mà thôi, và những vũ nữ khác đã biến đi như trong truyện thần tiên. Tôi cũng

còn nhớ với niềm xúc động khó hiểu khi xem một vở cải lương đến cái màn cô đào Phùng Há khóc lăn lộn trên sân khấu thật thảm thiết mà sau này tôi lại gặp tình cảm này với một sự sợ hãi khôn tả về một cái gì ghê gớm bi đát đang xảy ra khi mẹ tôi ôm lấy tôi thân hình nức nở rung chuyển ngay sau khi đám tang đứa em trai thứ tư của gia đình tôi vừa rời khỏi nhà và chỉ còn lại hai mẹ con ôm nhau khóc. Và tôi cũng khóc theo mẹ, tâm hồn xâm chiếm bởi một xúc cảm hỗn độn về một sự mất mát tôi chưa thể thấu hiểu.

Tôi cũng còn nhớ mãi những buổi uống rượu ngâm thơ thưởng trăng tại sân trước nhà chú Sáu, căn nhà cây liễu đầu làng GP của đông đảo các chú các bác ba mẹ tôi và các bạn văn của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Chúng tôi, tôi, Du và Liên chơi thơ thẩn ăn bánh uống nước chanh tò mò ngắm với con mắt của tuổi thơ cái cảnh khá náo nhiệt các bác các chú thi nhau uống rượu, thi nhau ngâm thơ bình thơ đến mãi tận khuya dưới ánh trăng vằng vặc sáng như ban ngày và mặt nước Hồ Tây trải rộng trước nhà mờ ảo và thần tiên. Bọn tôi rúc rích cười chỉ cho nhau xem vài chú bác quá say chui cả xuống gầm bàn ngủ gục và bạn tôi lại được dịp vừa vui cười vừa phụ giúp hay làm quẩn chân thì đúng hơn, mẹ tôi và thím Sáu dìu mấy chú bác vào trong nhà và ngạc nhiên ngắm các bà săn sóc làm những sự chữa chạy ly kỳ như ép các bác các chú uống cả cốc nước chanh đường, cù cho các bác các chú cười sằng sặc khi bôi vôi nghệ vào lòng bàn chân, bôi dầu vào trán vào cổ và chườm nước đá đắp khăn ướt lên trán. Có lần tôi thấy bác Ba trai cởi quần áo nhảy xuống hồ bơi thi với một bạn khác, rồi lại lóp ngóp lên bờ để tiếp tục uống nữa và tôi thầm ghi nhận, vì tôi hồi đó được coi là một tay bơi có hạng có thể bơi lội như cá trắm cả ngày dưới hồ không biết mệt, sự kiện là bác Ba luôn luôn thắng trong mọi cuộc bơi thi như vậy.

Trầm mình trong một nếp sinh hoạt đầy hứng thú của một gia đình dòng họ thuộc giới văn học nghệ thuật như vậy, tôi đã dần dần lớn lên với hai lối sống lồng vào nhau quyện vào nhau mật thiết: một mặt tôi và Du là những đứa trẻ nghịch ngợm có hạng tựa tựa như Tom Sawyer và Huckleberry Finn của Mark Twain có nghĩa là mùa hè suốt ngày leo trèo trên tất cả những cây cao nhất, kể cả những mái nhà, kéo nhau đi câu tôm câu cá chèo thuyền *canoe périssoire*, thuyền gỗ đánh cá của dân chài, bày trận đánh nhau, đi bắt chim bắt dế, dạp xe trộm phiêu lưu trong những chuyến đi xa, mặt khác lại là những đứa trẻ ham mê đọc sách, đủ các loại sách đến quên cả ăn ngủ. Tóm lại là những đứa trẻ mơ mộng và giàu óc tưởng tượng. Được ba mẹ chúng tôi khuyến khích mua cho đủ các loại sách dành cho trẻ con như *Truyền Bá, Cậu Ấm Cô Chiêu, Sách Hồng*, sách của nhà xuất bản Cộng Lực . . ., các loại sách truyện bằng hình của Pháp như *Tarzan, Vaillant, Tintin*, tôi cũng vẫn chưa thấy đủ mà những khi ba tôi vắng nhà đã tuần tự lục hết tủ sách quí của ông đọc trộm gần hết những tiểu thuyết của NNĐN. Bởi vì sách của ba tôi toàn loại bản quí có chữ ký của tác giả, chỗ nào tôi không nghiêng ngoẹo đầu tách trang đọc nổi, tôi bỏ qua tiếp tục đọc những trang đọc được. Tôi nhớ đã say

mê *Tê Lê Mác Phiêu Lưu Ký* trong tập san *Tân Uyển*, *Tristan và Yseult*, *Nghìn Lẻ Một Đêm*, và đặc biệt xúc động về những cảnh ghê rợn trong *Ngôi Nhà Họ Hạ* của Hoffmann, *Con Quỉ Truyền Kiếp* của Conan Doyle, TL dịch. Tôi đã đọc *An-na Kha Lệ Ninh*, tập I bằng giấy gió, cũng do TL dịch thì phải và cuốn *Bức Màn Sơn*, Huyền Hà dịch của Somerset Maugham. Với tâm hồn dễ yêu dễ ghét của một đứa trẻ, tôi đã thích ngay An-na và tình mẫu tử của nàng với đứa con trai nhỏ, không ưa lắm cái anh chàng Vronsky bảnh nhảng và cười cái ngây dại ngờ nghệch của Lê-vin và cũng đã bị kích thích một cách nào đó về cái bi kịch là lạ của những nhân vật trong *Bức Màn Sơn*.

Tuy nhiên, phải nói là trong thời kỳ từ 9 đến 13 tuổi này, mấy biến động trong gia đình và ngoài đời đã thực sự tác động đến tâm hồn đứa trẻ mới lớn và cũng là sự tình cờ khi đọc sách truyện lại những cảnh ngộ bi thảm tương tự của một số nhân vật, cả hai cộng lại đã ghi những dấu ấn và tạo những xúc động sâu sắc đến tôi. Đó là sự ám ảnh rất sớm của cái chết và sự đau khổ của mẹ mất con và cái chết của người đàn bà đã tạo những đau đớn cho những người thương yêu còn sống sót. Cũng không lấy gì làm ngạc nhiên cũng đề tài về ám ảnh của cái chết và sự mất mát những người thân yêu đã được tôi chọn để viết những truyện ngắn đầu tay và cũng chọn Lam làm nửa sau của tên hiệu DL chỉ vì đã đọc một truyện tình ngắn của Pearl Buck trong tuyển tập truyện ngắn *Hương Xa* tựa đề *Đôi Mắt Xanh Lam*, đồng thời cũng là vì người chú rất thân thiết với gia đình chúng tôi, chú Sáu, cũng có tên hiệu là Thạch Lam.

Sau những ngày hãi hùng trước khi em Quân tôi chết, trong cái không khí nghiêm trọng, với những người lớn ra vào lặng lẽ mặt xầm tối, những tiếng hỏi nhau thầm thì, những ánh mắt lo âu khắc khoải trao đổi nhau giữa ba mẹ tôi và chú Bảy, người em trai út bác sĩ độc nhất trong gia đình, và những chuyện hình như đáng sợ thần bí người lớn làm đối với thân hình nhỏ bé trong chiếc nôi trắng và những khóc ngất ngằn ngặt trong đêm khuya lẫn vào với giọng nói dỗ dành nghẹn ngào không thành tiếng của mẹ tôi; bọn trẻ con chúng tôi hầu như bị bỏ quên. Tôi, Du, Liên luôn luôn bị xua đuổi xô đẩy ra khỏi phòng, ra ngoài dường chơi, cứ như sự sát gần chúng tôi với cái nôi Quân đang nằm kia sẽ mang lại cho chúng tôi một tai nạn ghê gớm khó hiểu; còn về phía chúng tôi thời chỉ mơ hồ cảm thấy một nỗi sợ hãi làm chúng tôi thất đảm cuống quít mà chẳng hiểu tại sao như sợ một loài ma quỉ đang rình rập chúng tôi ở đâu đây.

Rồi cái nỗi xúc động mạnh mẽ và những bàn tay ôm ghì lấy nhau đầy bất lực, khi mẹ tôi khuôn mặt dẹp đầm đìa nước mắt gần như lăn lộn trong một cơn đau đớn làm thân hình bà rung chuyển từng đợt, và những cái hôn tới tấp trên mặt tôi, tóc tôi và những giọt nước mắt nóng bỏng của bà lã chã trên mắt tôi và những lời nói thật tầm thường nhưng lại mang một ý nghĩa kinh khiếp: "Trời ơi! Em Quân đã . . . đi rồi! Em mất rồi con ơi!"

Và những ngày trước khi chú Sáu qua đời tại căn nhà cây liễu trông xuống hồ Tây chú ưa thích, với bà ngoại tôi, mẹ tôi thím Sáu, ba tôi và các bác các chú trong họ, tâm hồn trẻ thơ của tôi lại căng lên một lần nữa chờ đợi một cái gì hãi hùng lại xẩy tới một lần nữa. Bởi vì tôi lại thấy những khuôn mặt tối sầm, những cặp mắt đỏ hoe, những lời trao đổi thì thầm, những tiếng gọi giật nhau, và khuôn mặt gầy xanh lướt của chú Sáu mệt mỏi trên nền gối trắng toát sát cạnh khuôn mặt mẹ tôi. Nhìn mãi khuôn mặt chú Sáu và mẹ tôi kề bên nhau, mặc dầu còn nhỏ tôi đã ngạc nhiên thấy như cùng đúc một khuôn ra, cũng cặp mắt màu than, chiếc mũi thẳng và khuôn mặt trái soan tuy ở mẹ tôi nét mềm mại đầy đặn hơn với nhiều nét cong ở môi và viền mặt.

Đến lúc chú Sáu mất, tôi và Du đang luẩn quẩn ở sân ngoài, thời chú Bảy bước ra lảo đảo không vững mặt chú giàn giụa nước mắt và tiếng gọi với cuối cùng của chú Sáu vẳng gọi tên đứa em trai "Bảy!... Bảy..." Nhưng chú Bảy không quay đầu lại và vào giây phút đó chú Sáu từ giã cõi đời. Ngay sau đó là đồng loạt những tiếng khóc thê thảm của thím Sáu, tiếng nức nở của mẹ tôi, khuôn mặt biến dạng và đôi môi mím chặt của bà ngoại tôi. Chỉ có bà ngoại là không khóc một tiếng. Vì không có người lớn nào đuổi bọn tôi đi, nên vào buổi liệm xác chú, khi các người phu đòn đám ma chuyển chú sang quan tài, tôi đứng ở xa sát tường qua thân hình của tất cả những người trong họ và bạn hữu của gia đình, chợt thoáng qua một khe hở tôi đã chợt thấy tờ giấy bản che mặt chú Sáu rơi xuống và khuôn mặt chú đập vào tôi với sức mạnh của nỗi kinh khiếp không thể quên: hai mắt chú mở trừng trừng và miệng mở ra như đang kêu một tiếng chưa dứt.

Rồi lại còn những ngày tôi mắc bệnh sốt chấy rận mê man trên giường trong khi chung quanh số người chết vì bệnh dịch này gia tăng một cách đáng ngại, khiến ba mẹ tôi đã có lúc gần như tuyệt vọng vì nỗi sợ hãi mất tôi. Suốt trong đời tôi không quên nổi những nỗi mơ hoảng trong đêm làm tôi choàng tỉnh mà vẫn thất thanh giơ hai tay xoa vào nhau "Tay con đầy máu đầy này mẹ ơi! Mà sao thủy tinh vụn cứ làm con chảy máu hoài. Sợ quá! Sợ quá!" Tôi đã hốt hoảng thấy máu trên màn, trên đệm, trên chăn, trên cả quần áo tôi và mẹ tôi. Khuôn mặt đẹp đẽ lại một lần nữa đầm đìa nước mắt của mẹ tôi suốt ngày đêm bên giường bệnh, những tiếng khóc thút thít giấu tôi khi bà tưởng tôi còn thiếp ngủ, bàn tay bà run run ấn nhẹ trên má tôi, trán tôi, lần lần trên vai trên cổ tôi như đang tìm một cái gì vô hình đáng sợ đang lẩn quất trong thân hình nóng bừng bừng của tôi.

Chính vì tất cả những kỷ niệm thân thiết trên đây về cái chết, cũng không phải là điều lạ khi tôi đọc đến cuối câu truyện ngắn *Đôi Mắt Xanh Lam*, đã ngồi sững sờ xúc động khó tả. "*Khi nàng ngồi ở ghế xích đu gần lan can tàu, ngẩng đầu lên nhìn tôi, thời lần đầu tiên trong khuôn mặt tròn trĩnh non trẻ và dường nét xinh đẹp một cách thường thường của nàng, lần đầu tiên mắt nàng ngước lên mở lớn và tôi đối diện với đôi mắt xanh lam: đôi mắt xanh lam của người vợ tôi đã chết tôi thương mến và đi tìm mãi cho đến lúc này...*" Có thể

nào bao nhiêu năm đã qua, đến tận lúc tôi viết những truyện ngắn đài đầu tiên với đề tài luôn ám ảnh tôi là cái chết tôi vẫn không thể quên được cái truyện ngắn đó có một ảnh hưởng mạnh mẽ lâu bền đến cả cuộc đời tôi mà tôi đã đọc vào tuổi 12, 13.

Mãi về sau này khi tôi đã trưởng thành và lăn lộn trong cuộc đời, đã viết nhiều, tôi vẫn cứ ngạc nhiên khám phá thêm nhiều mới lạ về cái tác động mạnh mẽ có thể nói có chút về thần bí của chữ nghĩa đến những xúc động của con người và của chính tôi. Đó cũng là một lý do quan trọng và sâu xa cứ thúc đẩy tôi đi sâu hơn xa hơn vào con đường viết lách sáng tác. Qua chữ nghĩa qua những kinh nghiệm của đời sống ám ảnh về cái chết đã đến với tôi với tất cả những sắc vẻ hãi hùng của nó: Nỗi chết không rời.

Tôi thực sự viết truyện ngắn là vào thời kỳ những năm 1951-52, sau khi bác trai từ Quảng Châu trở về Hà Nội và tôi có dịp gặp ông nhiều và cũng có dịp đưa ông xem những truyện, mẩu văn tôi đã cặm cụi viết trong nhiều năm của tuổi mới lớn đang còn theo học các lớp trung học phổ thông. Bác Ba trai đã lặng lẽ cầm những truyện tôi trao ông trong lần đầu ông ghé thăm gia đình tôi lúc đó ở 32 T Nhà Thương Khách. Dĩ nhiên tôi đã nôn nóng hồi hộp chờ đợi lời phán quyết của ông và dĩ nhiên cũng chán nản hết sức khi ông trả lại tôi cũng những truyện đầu tay đó và điềm đạm nói ngắn ngủi sắc mặt không thay đổi:

– Cháu viết có "mầm" đấy! Cứ viết nhiều nữa đi . . .

Chắc chắn thông cảm với đứa cháu ngoại chịu khó và ham viết lách nên sau đó ông kiên nhẫn bắt tay vào cuộc rèn luyện cho tôi: viết văn. Trong những buổi tối tôi đến thăm ông và dẫy háo hức hỏi ông làm cách nào viết cho hay, ông bắt đầu giảng giải nhiều hơn về kỹ thuật viết truyện. Ông bảo tôi phải chịu khó đọc nhiều các tác phẩm của những nhà văn lớn quốc tế. Biết tôi khá tiếng Pháp, ông đã cho tôi mượn cả chồng những tiểu thuyết tuyệt tác của những nhà văn Anh, Đức, Pháp, Nga như Tolstoi, Dostoieski, Chekov, Hoffman, Katherine Mansfield, Emily và Charlotte Bronte . . . Ông cũng bỏ ra nhiều buổi cặn kẽ mổ xẻ phân tích cho tôi nắm vững Tolstoi: Tolstoi đã mất công dựng những tác phẩm của ông như thế nào. Ông đặc biệt nói nhiều theo thứ tự Tolstoi, Dostoieski, Bronte và Katherine Mansfield và say sưa nêu ra từng điểm một cách dựng lên cả trăm nhân vật chính phụ của Tolstoi, Dostoieski dựa vào những người Tolstoi đã biết tường tận và có thật ở ngoài đời, về xuất xứ của những nhân vật Levine, Natacha, Pierre và André, về những sắc thái tâm lý lạ lùng của những nhân vật trong *Đỉnh Gió Hú* mà ông đang bắt tay vào dịch.

Tóm lại, ông đã nói không biết chán về tất cả những cái hay: hay bất cứ thời nào, nơi nào của những nhà văn lớn và những gì ông đã học hỏi được ở họ. Ông cũng bộc lộ tham vọng của chính ông là sẽ tiếp tục sáng tác để tự vượt chính mình và ra đời những tác phẩm trường thiên hay sâu sắc hơn những tác phẩm ông đã viết vào thời kỳ ông chủ trương Tự Lực Văn Đoàn.

Ông hầu như có giọng than thở là ngoại trừ chú Sáu viết hay nhất, các bác các chú trước đây chưa đạt độ sâu sắc và ngoại trừ *Bướm Trắng* tác phẩm độc nhất ông cho là có thể dịch ra ngoại ngữ để độc giả quốc tế đọc, còn ngoài ra ông công nhận tất cả những gì ông và Tự Lực Văn Đoàn đã sáng tác mới chỉ là những bước đầu, tuy đã có những ảnh hưởng lớn đến văn chương Việt Nam, nhưng để đạt mức độ hay quốc tế ông vẫn còn phải cố gắng nhiều hơn nữa . . .

Tôi đã mê mẩn nghe ông chỉ dẫn, giải thích trình bày tất cả cái vốn quí của một người đã bỏ ra hơn nửa đời người để viết văn sáng tác và vừa nghe ông hướng dẫn vừa lăn vào đọc đi đọc lại nghiền ngẫm những tác phẩm lớn của văn chương thế giới. Trước đôi mắt kinh ngạc và thán phục của tôi dần dần xuất hiện những thế giới lạ lùng tuyệt diệu do những nhà văn lớn dựng lên trong tất cả cái hấp dẫn sâu sắc và kỳ bí của chúng. Đến một lúc tôi rơi vào một hoàn cảnh tâm lý khiến tôi hoang mang và mất luôn cả niềm tự tín nhỏ nhoi mà những bước đầu nghiệp viết văn đã mang đến cho tôi và lúng túng quay lộn trong những nỗi nghi ngại ray rứt và tự ti mặc cảm trước muôn nghìn con đường đang mở ra trước mắt tôi và tôi chẳng biết chọn hướng đi nào vì sợ lại chỉ viết ra những truyện không mấy giá trị và nhất là nỗi sợ hãi sẽ khám phá ra là tôi chẳng có chút tài năng nào.

Trên căn gác trần gỗ đen luôn luôn âm u và thiếu ánh sáng của căn nhà mở tiệm buôn cau đường Hàng bè, tôi và bác Ba đã trải qua nhiều giờ phút thú vị cho cả ông lẫn tôi. Tôi dần dần thấy rõ hơn ở bác một đức tính hiếm có mà mãi sau này tôi mới hiểu thấu đáo cái lớn lao của nó: đó là ông rất khiêm nhường trước những cái hay cái đẹp ở người khác. Bác tôi trầm trồ sung sướng thật tình khi đọc và nêu ra những cái hay, cái đẹp, cái tế nhị sâu sắc trong tác phẩm của các nhà văn lớn quốc tế. Tôi có cảm tưởng ông thật hạnh phúc khi làm như vậy và không những ông cho là một vinh dự cho ông thấy được cái đẹp cái hay mà còn cố gắng tận tình một cách cảm động khi chỉ ra cho mọi người cùng thấy và chia sẻ với ông những nỗi vui "phiêu phiêu" nó làm tâm hồn ông bay bổng và cười sung sướng đôi mắt sáng rỡ và hàm râu mép kiểu Ăng Lê cũng rung rung vui theo. Vì tính tình ông nho nhã điềm đạm không bao giờ lớn tiếng, chứ nếu không tôi tưởng ông ghìm không nổi những khoái hoạt nội tâm và chắc rất muốn làm một dứa trẻ kêu lên khua chân múa tay. Tôi đâu có ngờ những gì ông nói qua những buổi gặp gỡ thằng cháu nhỏ tuổi – lúc đó tôi 18 tuổi – sau này lại là những nét chính cho cuốn *Viết và Đọc Tiểu Thuyết*.

Tôi cũng khá ngạc nhiên và có phần thắc mắc nữa khi thấy bác tôi sau khi nêu hết cái hay cái tuyệt của những nhà văn ông khâm phục để đối chiếu với những tác phẩm ông đã viết về các phương diện họ đã thành công trong việc dựng chuyện, dẫn dắt nhân vật sống những cuộc đời hầu như tách khỏi độc lập với tác giả trong nhiều trường hợp (Tolstoi); đến cách sử dụng từ ngữ hình ảnh các nhận xét tế nhị mới mẻ đến lạ lùng để làm nổi bật một nhân vật

về dáng bộ cung cách biến chuyển tâm lý (K. Mansfield, Chekov, Bronte); còn phần ông thời rõ ràng mới đạt một kết quả quá khiêm nhường.

Tôi cũng có cảm tưởng lúc đó còn mơ hồ là ông đã tỏ ra quá khắt khe với chính tài viết văn và luôn cả những tác phẩm đã làm ông nổi tiếng và đi vào văn học sử. Nhiều lúc tôi thấy ông nói như than thở, tiếc hùi hụi là nếu ông được viết lại *Đoạn Tuyệt, Đôi Bạn* và một số truyện ngắn chắc chắn ông sẽ có thể đào sâu vào tâm lý nhân vật (ông hay dùng từ Pháp là phải *creuser, creuser* hoài), và viết tế nhị hơn, sống thực hơn. Ông cũng tiếc là giá ông không bị thúc đẩy bởi ý muốn đưa ra những "luận đề" tranh chấp cũ mới, ông chắc đã tìm được nhiều cách để cô Loan người hơn sống tự nhiên hơn và như vậy diễn biến câu chuyện tránh được những sự sắp xếp gò ép mà ông là tác giả đã giữ phần lỗi lớn nhất. Bác tôi chỉ vui và hãnh diện về đoạn mẹ chồng nàng dâu cãi nhau trong *Đoạn Tuyệt*, vài đoạn về tâm lý tình yêu trong *Đôi Bạn* và nhất là giá trị về tâm lý có phần sâu sắc vượt trước thời của ông của *Bướm Trắng*, trong đó ông đã tạo được nhân vật Chương với sự ám ảnh của cái chết và những hành động phản ứng tâm lý ra khỏi cái khuôn khổ và khuynh hướng lãng mạn, và sự dằng co của nhân vật này giữa hai người dàn bà, hai tình yêu tượng trưng cho hai cảnh sống nông thôn thành thị, hai thế giới cách biệt, khoảng cách mà qua văn chương ông chỉ nêu ra minh họa được nhưng để lấp được nó ông chỉ có thể dấn thân bằng hành động cách mạng chống thực dân, điều ông đã làm.

Khi viết đến những dòng này tôi muốn nhấn mạnh một điểm là ông đã bất công với chính mình khi gạt sang bên những tác phẩm đầu tay mà ông cho là non nớt và còn nặng tinh thần đạo lý ràng buộc cá nhân của nho giáo như *Nho Phong, Người Quay Tơ*. Mãi về sau, vào những năm đầu của thập niên 70, trong những buổi diễn thuyết cho các tổ chức văn hóa, khuyến học và sinh viên giáo sư Đại học Quảng Đà, tôi đã trích dẫn vài đoạn trong *Người Quay Tơ* và nhấn mạnh đó là những đoạn văn có bề sâu về triết lý Đông Phương rất có giá trị của ông và đã thực sự chi phối cái triết lý về suy nghĩ và hành động của cuộc đời đầy trôi nổi và bi thảm của một con người cách mạng – nhà văn. Tôi cũng đã nói tới sự giằng xé kinh khiếp đã luôn luôn cuốn hút xô đẩy ông giữa hai cực: một bên là thái độ vô vi, sống như mộc thạch cây cỏ trôi qua ngày tháng của con người Á Đông tiềm nhiễm sâu xa tinh thần Lão Trang (thời kỳ lên Đà Lạt chơi lan thổi hắc tiêu) và một bên là con người cách mạng dấn thân trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động, đó chỉ có nghĩa là phải hành động cho đến mãn chiều xế bóng.

Điều lý thú khá lạ hơn nữa là mãi đến những năm đầu của thập niên 80, tôi được người con thứ của ông, anh Thái, nhắn tin cho biết là Tùy viên văn hóa của toà Đại sứ Liên Xô tại Việt Nam ngỏ ý muốn xin phép dịch *Người Quay Tơ* sang Nga văn vì giá trị tư tưởng triết lý Á Đông sâu sắc của nó và đó còn là cuốn có cái giọng tương tự Tolstoi, nhất là qua truyện ngắn *Giấc Mộng Từ Lâm*.

Thêm một sự kiện khác đã khiến mẹ tôi cười hể hả khi được tôi báo cho biết là cũng vào những năm đầu của thập niên 80 với phong trào được gọi là cởi trói văn nghệ rập khuôn theo *glasnost* và *perestroika*, một số nhà văn kiêm khảo luận gia có uy tín của Bắc Việt Cộng sản đã viết công khai trên báo chí – khi họ được phép trong những phạm vi còn giới hạn khôi phục cho vai trò văn hóa của Tự Lực Văn Đoàn – là suốt trong thời kỳ sách Tự Lực Văn Đoàn bị cấm đoán thậm chí còn bị đốt bị hủy, họ lén đọc lại *Đoạn Tuyệt, Đôi Bạn* vẫn thấy rất hay xúc động và còn khen đó là những tác phẩm có sự phân tích tâm lý tình yêu thật tế nhị sâu sắc và đặc biệt là qua những cuốn này ông đã tạo nên một mối tình trong sáng và đẹp đẽ nhất của văn chương Việt Nam.

Tôi cũng chẳng có thể đồng ý với ông khi ông chỉ thuần túy nhìn lại và phán xét những tác phẩm của mình như những tác phẩm văn chương, nhưng chẳng hề đề cập tới ảnh hưởng tâm lý, xã hội và chính trị nữa của chúng đến cả một thế hệ thanh niên trí thức đương thời với ông cũng như nhiều lớp thanh niên nam nữ sau này đọc sách học sách của ông. Nhân vật Dũng của *Đoạn Tuyệt* và *Đôi Bạn* đã trở thành một hình tượng lớn mà lối sống, lối yêu, lối hành động của nó đã tràn ra khỏi và vượt luôn ra ngoài tác phẩm để đi vào lãnh vực rộng lớn thâm trầm và phổ quát của nhân vật thần tượng, một hiện tượng quí báu và hiếm có của dòng văn hóa dân tộc.

Trở lại với chuyện viết lách của tôi là rồi tôi cũng có một truyện ngắn chỉ có vài ba trang, *Cơn Giận*, tôi dựa vào chính ba tôi để viết lên, mà sau khi tôi đưa ông xem lần đầu tiên, ông đã trả lời và chỉ mấy chỗ ông gạch bút chì ở dưới và khen, "Mấy chi tiết về tâm lý nhân vật này được đấy. Khá tế nhị . . . Cháu cứ tiếp tục viết và đào sâu hơn nữa, có nghĩa là cứ viết về những người mình hiểu rất rõ, viết về những kinh nghiệm sống của chính mình về những rung động mình thực sự cảm thấy. Cháu đừng quên cuốn *L'Enfance* của Tolstoi, những truyện ngắn của chú Sáu, cuốn *Nhà Gạch* và *Những Ngày Thơ Ấu* của Nguyên Hồng . . ."

Nhưng ông đã vào ở với bác Cả lúc đó được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Bưu điện. Vì sinh kế gia đình và sự thúc đẩy của ba tôi, tôi đã phải bỏ học ngang năm đệ nhị, và với chức vụ Trưởng toán Tuyên truyền Xã hội, tôi đã sống nhiều tháng lặn lội trong tất cả những vùng nông thôn của Hải Phòng, Kiến An và những nhân vật tôi đã gặp, những cảnh sống mới, những xúc động kinh nghiệm bản thân trong giai đoạn này trung thành với những lời chỉ dẫn của ông, tôi đã dùng làm nền cho cuốn truyện dài *Cái Lưới*. Đó là một loại nửa hồi ký nửa hư cấu, cuốn tiểu thuyết cuối cùng tôi viết mà bản thảo tôi đưa trước cho ông đọc. Lúc ấy tôi làm việc tại trường Đại học Quân sự ở Đà Lạt, sau khi trường này đã bị đẩy lên đây "nghỉ mát" sau vụ chính biến 1960.

Ông đã trả lời bằng một lá thư ngắn gọn, một trong những lá thư hiếm hoi ông viết cho tôi: ". . . Bác rất cảm kích là cháu đã xin phép được dựng bác

như một nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết cháu đang viết. Giờ đây cháu viết đã hay rồi, cứ tiếp tục viết nữa và cũng chẳng cần phải đưa bác xem trước."

Tôi thực sự chẳng hiểu hết những ẩn ý trong những dòng thư ông và lời thổ lộ như mang một ý nghĩa khó hiểu đối với tôi, khi có dịp về Sàigòn ghé thăm ông, ông đã trao trả tôi tập bản thảo *Cái Lưới* (tập I) ít lâu trước khi ông tự hủy mình, "Vào lúc này bác không cảm thấy thú đọc sách nữa và đây cũng là lần đầu tiên trong đời bác không còn cảm thấy quan tâm đến cái hay của văn chương . . ."

Tôi đã nhận tập bản thảo từ tay bác và suy ngẫm thắc mắc về nguyên nhân sâu xa nào đã khiến bác tôi thốt lên lời tâm sự ẩn chứa một ý nghĩa phần nào như lời than thở tiếc rẻ, nhưng cũng như thường lệ trong tương quan giữa hai bác cháu tôi đã im lặng không gặng hỏi gì ông thêm và từ biệt ông và cũng không thể ngờ đó là lần cuối cùng tôi gặp và trò chuyện với ông. Từ khi ông về nước vào năm 1952, mối tương quan của tôi và ông khởi đi bằng sự kiện tôi trao ông đọc những truyện ngắn đầu tay và cũng kết thúc bằng cũng một sự kiện ông trao lại một tập bản thảo mà ông nói là ông không đọc cũng như ông không còn muốn đọc bất cứ cuốn sách nào khác. Hoặc giả tuy ông vẫn còn đọc sách, kể cả bản thảo của tôi nhưng lại dùng một cách gián tiếp nhấn mạnh vào một sự kiện có vẻ như mâu thuẫn với tâm tính ông để chuyển đến tôi một thông điệp về một chuyện khác, một quyết định ông đã đạt tới về cuộc đời mình những giây phút đó chưa tiện tiết lộ?

Tôi nhớ tôi đã say mê viết một mạch truyện ngắn đầu tiên *Chồng Con Tôi*, một truyện ngắn trọn vẹn đúng theo nghĩa một tân truyện, chứ không phải là những mẩu văn về một xúc động, một nhân vật mà trạng thái tâm lý của nó, mới còn mang cái dạng của những nét phác đầu của một bức tranh. Tôi thấy cần phải bỏ ra ít dòng nói qua về cái hoàn cảnh sống trong đó tôi đã viết không mấy cực nhọc khó khăn như tôi trước đó vẫn nghĩ. Bởi vì đơn giản ngay vào những ngày ngay trước khi đặt bút viết tôi vẫn còn như một con cá đang giẫy giụa khá tuyệt vọng trong cái màng lưới của sự nghi ngờ và hoang mang không thể định hướng và cũng vẫn hoa mắt choáng váng trước những vấn đề tưởng như không thể giải quyết: Viết gì đây? Giọng văn ra sao? Viết theo kỹ thuật của ai thời hay và hợp với tiềm năng của chính mình – một tiềm năng còn ẩn kín sâu xa trong con người mình và vẫn thôi thúc mình viết nhưng lại đầy thách thức như một bài toán phức tạp chưa có đáp số.

Vào lúc ấy, tôi đang theo học trở lại lớp đệ nhị trường tư thục Hàn Thuyên. Tôi cũng hay lên ở chung và đàn đúm với hai người anh họ lớn hơn tôi một và hai tuổi, anh Trí con trai thứ bác Ba trai và anh Bình con trai thứ bác Cả. Cũng lại anh Trí một lần nữa lại làm đầu tầu lôi kéo tôi vào những trò chơi đầy kích thích và cám dỗ của những thí nghiệm nhục thể.

Tôi tuy ít tuổi hơn nhưng vì đã ra đời sớm nên cũng không xa lạ với những thí nghiệm loại này nhất là trong giai đoạn bỏ ngang học để làm trưởng toán

trong một Đoàn Quân Thủ Lưu động, tôi cũng có tiền và được các bạn hữu dưới quyền nhiều tuổi hơn đôi khi có vợ có con lôi kéo mách nước.

Kết quả trong tôi chỉ là dư vị chát đắng, nhức nhối như một cơn đau răng chỉ vì trong sự tò mò tìm hiểu khoái cảm nhục thể thật mạnh, nhưng thật đáng nản vì chẳng hiểu sao tôi đã tự kiềm chế và đã rời những nhà chơi đó vẫn nguyên như khi tôi tới. Sau này, tôi chỉ cảm thấy căm ghét những thí nghiệm què quặt đó mà tôi chỉ cảm thấy buồn nôn tởm lợm trước những cử động máy móc và cũng chẳng thấy bị kích động chút nào trước những thân hình đàn bà tự phơi bày trước mắt tôi và những lời giục giã những cử chỉ hướng dẫn lôi kéo mà khi tôi uốn mình theo lại chỉ cho tôi cái ấn tượng là đưa tay sờ mó cầm lấy một đồ vật không thuộc về mình trong một hành động có phần ám muội. Hình như tất cả các tục lệ vào đời này đã làm sai và rồi chỉ cảm thấy tự giảm mất một giá trị quí giá của con người sâu kín mà sự nguyên vẹn của nó tôi vẫn chưa có quyền động chạm tới.

Tôi chỉ hài lòng là khi rời khỏi những căn nhà chơi đó đã có thể ung dung nói giọng bất cần và tự tín và đọc thấy trong cặp mắt soi mói và chế nhạo của anh một vẻ đồng lõa thoáng khâm phục, "Thú lắm! Gặp em thật có nghề . . ." cứ làm như mình đã trở thành một tay chơi sành sõi.

Điều lạ là cũng trong cái hoàn cảnh sống có vẻ như không mấy thích hợp cho việc làm văn đó, chẳng hiểu sao tôi lại nẩy ra ý nghĩ viết một truyện ngắn về sự đau khổ của một người đàn bà chồng chết và mất nốt đứa con trai thân yêu độc nhất! Theo đúng những lời dặn dò chỉ dẫn của bác Ba trai chỉ nên viết về những xúc động mình đã thực sự cảm thấy và những nhân vật gần gũi với mình mà mình biết rõ nhất, tôi chỉ việc đưa vào chuyện những nỗi đau đớn mẹ tôi đã trải qua khi mất em Quân mà tôi đã chứng kiến khi còn nhỏ, cộng với những đau đớn chắc bà đã cảm thấy vào những năm tôi chông chênh giữa cái sống và chết của bệnh sốt chấy rận. Tôi đã thuật lại hầu như đúng hết những gì đã xảy ra cho tôi: những cơn ác mộng, những cơn khủng khoảng tâm thần gần như điên dại, những lời thốt ra đã khiến mẹ tôi hãi sợ. Tôi cũng đã dùng đến một nỗi đe dọa có vẻ thần bí và mê tín của quan niệm "cái chết trùng" trong một gia đình để tạo ra những hình ảnh trùng hợp nhắc đi nhắc lại, một thứ *leimotiv* của cái chết trùng mà nhân vật người mẹ – một phụ nữ Việt – chắc đã kinh hoàng khám phá ra qua những câu nói, cử chỉ, dấu hiệu của cái chết không thể tránh được nơi đứa con nhỏ. Tôi đã lần đầu tiên ứng dụng cái giọng Dostoiesky mà tôi vẫn say mê và ôm ấp tham vọng dựng nổi những truyện theo dòng văn đầy bi kịch điên loạn và cái không khí thế giới lấn quất những ám ảnh xuất phát từ cái từng sâu thẳm của nội tâm con người. Mà tôi tự nhiên ngay từ hồi đó đã nghĩ là sẽ thích hợp hơn với tôi so với lối viết nhẹ nhàng trong sáng trữ tình thật đẹp và tế nhị của các bác các chú trong Tự Lực Văn Đoàn. □

(Còn một kỳ)

BẠT XỨ

làm thế nào cuộc đời

Những con đường lên những con đường xuống
không nhìn thấy nhau
Nhân dạng em nhân dạng tôi
Nói-cười-rao-bán
Mỗi ngày tôi đi qua cuộc đời
Lần giở tâm hồn từng vết thương roi rói
Thuở nào em trưa nắng hanh hao nét nhíu mày
tóc rối cánh rừng hoang khuya
Tiếng thở dài
Băng ngang vầng trán nóng

Làm thế nào được em
Cánh tay vẫy đã chìm con sông mùa nước lũ
Cuốn luôn ra biển những nụ cười xanh những đêm đắng khan
Dù mất dù còn tôi và em thành phố bụi đường đèn vàng đèn đỏ
Đứng hai bên dòng ngược xuôi không ngớt
Xuống lên
Cống rãnh thì lạng lờ
Lòng chúng ta không bày biện
Và chúng ta
Có còn nhìn vào mắt nhau
Để làm gì hai con người đục lờ dù nước mắt đã tuôn
không kể xiết
Làm thế nào được em
Mưa xuyên ngang
Tôi giấu hình tôi trong cỏ ướt

NGUYỄN MINH ĐỨC

tôi không muốn làm loài người nữa

(độc thoại của một người điên)

truyện ngắn

Hỏi quê rằng biển xanh dâu
Hỏi tên rằng mộng ban đầu đã xa
— Bùi Giáng

– Bạn tuổi gì vậy?

– . . .

– Vậy mười hai con giáp, bạn con gì?

– . . .

– Hổng nói hả? Giấu hả? Coi bộ khinh người hay sao ta?

– . . .

– Nói đi mà. Vậy chứ bạn thứ mấy trong nhà? Nói cho nghe đi. Giấu hoài. Tôi biết nhà bạn ở Gia Định chớ gì nữa? Đúng không? ông già hồi đó làm thầy giáo phải không?

– . . .

– Sao làm thinh hoài vậy? Không thèm trả lời người ta hả? Nhát gan hả ta? Sợ mẹ gì? Còn chơi hết thôi đi chớ. Tuổi nầy chắc là tuổi con sò hay con hến gì đây. Im ỉm hoài như miệng hến...

– Thôi mà bạn quý. Sao theo chọc quê tôi hoài vậy? "Cái phận tôi nghèo chọc ghẹo tôi chi". Tôi là con người chớ có phải sò hến gì đâu. Nhịn hết nổi rồi. Bạn muốn biết quê quán tôi ở đâu hả? Lại còn hỏi con cái nhà ai nữa. Sao kỳ lạ vậy? Sao lại muốn biết lý lịch của người ta? Rồi thì bạn cũng như mọi người khác, đều trở thành kẻ thù của tôi thôi. Hay bạn là công an mật vụ giả dạng thường dân đến đây theo dõi tôi hả. Nói thật đi. Coi chừng đó nghe cha. Tôi mà nổi sùng lên thì khốn cho bạn đó, khó sống đó nghe. Ở đây tôi chỉ còn có mỗi một mình bạn là người thân cận duy nhứt. Đừng có tính chuyện phản lại tôi chớ. Bạn nói gì? Bạn nói mình là tri kỷ với nhau hả. Đúng rồi, cũng phải như vậy chớ. Tôi chịu bạn rồi đó. Mình là huynh đệ kết nghĩa với nhau đi.

– Thì hồi nào tới giờ vẫn như vậy chớ sao. Tứ hải giai huynh đệ mà. Bgiải in biển một nhà. Biển Đông là biển Thái Bình. Biển bao bọc dịu hiền như đất mẹ quê cha. Đất mẹ mà. Đất đai là của chung. Mẹ là của chung. Đẻ ra trăm

cái trứng gì đó... Bài hát hay lắm nghe. Mình cùng chung máu mủ. Bạn là tôi và tôi cũng là bạn nữa, chịu chưa?

– Ở đời muốn sự của chung mà. Cứ tự nhiên đi. Tự nhiên như ở nhà. Nhà của tôi cứ coi như nhà của bạn vậy thôi. Đồ dạc của tôi cứ coi như của bạn. Cứ coi như chung vậy đi.

– Thì đồng ý như vậy rồi. Vậy hỏi nó bạn có vợ chưa?

– Ủa? Hỏi chi vậy. Đừng có nghĩ bậy nghe cha. Cái nầy thì kỳ cục à. Nghe không được đâu. Người mình chnhưng bộ Tây tà gì mà đòi chơi kiểu hội đồng. Cha nội nầy tầm bậy tầm bạ quá trời.

– Thôi đừng có nổi nóng chứ bạn. Giỡn chơi cho vui vậy thôi. Đã nói mình là tri kỷ, kết nghĩa đệ huynh rồi mà. phải có tình có nghĩa chớ.

– Ổ, nói vậy nghe được đó. phải có chuyện tình nghĩa điệu nghệ thì mới ấm lòng nhau ở nơi xứ lạ quê người nầy. Mình cần có nhau lắm bạn ơi. Chuyện tôi nó như vậy, để tôi kể hết tâm sự cho bạn nghe.

*

Chung quanh đây toàn là người Tây, mình cô thế lắm, mình không nói chuyện với nhau thì còn nói chuyện với ai nữa. Ở đây buồn chết được. Họ đâu có cho tôi đi ra ngoài. Suốt ngày đi lại chỉ quanh quẩn mấy căn phòng sơn trắng nầy thôi. Buồn tình ngồi ngó mông qua khung cửa sổ thì ở ngoài cũng chỉ một màu trắng phau.

Ở đây cái chi cũng trắng. Không phải màu trắng trinh bạch như bạn tưởng đâu, tội lắ đầy trời mà làm gì còn trinh bạch nổi. Đây là loại màu trắng rất vô tình. Bạn hỏi là tình gì hả? Không phải là thứ tình trai gái đâu nghe. Cái đó thì thừa mứa, nhan nhản khắp nơi. Có thiếu chăng là thiếu cái tình nghĩa kìa. Còn màu trắng ở đây là loại dửng dưng, trơn tuột từ trên trần nhà cho đến bốn bức vách tường trơ trọi, với thứ ánh sáng trần truồng lạnh lẽo của những ngọn đèn ống néon. nhưng ở bên trong bốn bức tường nầy ít ra còn có máy sưởi, có hơi ấm thở được. Còn ngoài kia, bạn thấy không, mùa nầy buốt giá, chỉ toàn một màu trắng tang chế bao phủ lạnh lùng. Bạn xem kìa, chiều nay gió lại về nhiều, gió tạt dữ, bông tuyết rơi rụng bay tới tả, cây cối cũng lạnh run, múa may những cánh tay khẳng khiu, đen đúa, trơ trụi, chịu chết dề dưới bầu trời màu xám chì nặng chình chịch. Tôi nhìn bọn tụi nó mà hãi hùng. Bạn thấy đó, chúng nó đang giẫy chết, kêu gào, quơ quào. những cành cây đói khát. Tại chịu lạnh không thấu. Có ai cứu chúng nó không? Có ai cứu được đâu. Chỉ lấy mắt nhìn mà thôi. cũng như những kẻ lạc loài ngoài đại dương sóng gào, cũng tan tác, bơ vơ, lạnh, đói, khát . . .

Bạn coi kìa gió còn luồn qua khe cửa rít lên những tiếng hú ghê rợn. Nghe dễ sợ như đêm đen sóng búa gào thét, như vẻ mặt đanh ác, lạnh lùng của bọn cướp ghe. Gió còn hú lên những tiếng hăm dọa dám người tội nghiệp ở trong tòa nhà nầy nữa. nhưng tôi không sợ đâu, ở đây ngày đêm lúc nào cũng có nhân viên an ninh tuần tiễu. cũng có được cái lợi đó. tạm yên vậy đi.

Bạn hỏi tôi tại sao vô đây hả? chuyện cũng hơi lòng vòng một chút, mà tôi cũng hết biết tại sao nữa. Chắc là tại tôi sợ đàn bà. Bạn đừng có vội cười, chưa chắc bạn ngon hơn tôi đâu. Để tôi nói bạn nghe từ từ, đừng có hối gấp, bạn còn ở với tôi lâu mà.

Không biết bạn ra sao chứ đời tôi chỉ ngán có đàn bà thôi. Ngán từ hồi nào hả. Để coi, từ hồi còn nhỏ xíu tôi đã ngán cô giáo ở lớp mẫu giáo, bả có cây thước bảng khẻ tay đau muốn bậy ra quần luôn.

Từ hồi nào tới giờ, chung quanh tôi toàn là đàn bà. Ở trong gia đình, chỉ có ba tôi và tôi là phái nam thôi, kỳ dư là phái nữ hết. Bạn tính coi, má tôi, hai chị tôi và hai đứa em gái. Toàn là nữ phái. Bởi vậy tôi biết quý trọng phụ nữ cũng là chuyện tự nhiên vậy thôi, phải không bạn? Họ là mẹ, là chị, là em gái mình chứ ai vô đó?

Hồi đó hễ có ai nói xấu tới dàn bà con gái là có chuyện với tôi à nghen. Hổng phải tôi ngon, chớ nghiệp chịu chơi hết mình à.

Cả nhà chỉ có mình tôi là con trai nên được cưng lắm. Ba má tôi cưng đứa con trai duy nhứt thì cũng dễ hiểu, cháu đích tôn của ông nội tôi mà. Bạn biết không? Còn các chị và em gái tôi cũng ùa theo chiều chuộng tôi nữa, thiệt không hiểu tại sao. Có điều tôi cứ bị mọi người theo chọc ghẹo vì tánh hay mắc cỡ. nhưng không có ai ăn hiếp tôi đâu. Chỉ chọc ghẹo giỡn chơi vậy thôi. Tôi còn nhớ hoài những ngày tháng êm đềm sống trong sự yêu thương dùm bọc của gia đình, của các chị em, cha mẹ . . .

Cũng lạ là tôi được sống bao bọc giữa dám nữ phái, vậy mà tôi nhát gái lắm. Nữa, bạn lại cười tôi nữa rồi. Tôi nói thật tình đó. Đừng có cười thì mới gọi là tri âm tri kỷ với nhau chớ. Đúng chưa? Đúng hả? Vậy là được rồi.

Bạn hỏi tại sao tôi nhát gái hả? Thật tôi cũng không biết trả lời bạn ra sao nữa. Rchúngi bạn sẽ hiểu, chuyện rắc rối lắm, để hạ hồi phân giải nghe.

Tôi là người tình cảm bạn à. Tôi nặng với chuyện tình, chuyện nghĩa lắm. Bạn biết không? Về vấn đề phụ nữ, tôi không chịu "chậm tiến" đâu. Tôi cũng văn minh biết quý trọng phái đẹp lắm chớ bộ. Nhứt là các chị em gái tôi . . . Thật là tội nghiệp . . . Tôi thương lắm, có khi nào tôi đám có ý nghĩ bậy bạ gì đâu.

Nhưng hồi tôi mới lớn, tuổi chừng mười ba, mười bốn gì đó, lúc chị Hai tôi về nhà chồng, sau hôm đám cưới, tôi cứ thắc mắc mãi, theo hỏi mấy thằng bạn trong lớp: "Không lẽ chị Hai tao là con gái con nhà đàng hoàng mà cũng có cái vụ đó hay sao?"

Không nhớ tụi bạn trả lời bậy bạ gì đó, chỉ nhớ tôi cứ nhất định không chịu tin làm tụi nó theo chế ngạo mãi.

Vậy mà sau nầy tôi phải chứng kiến bạn ơi. Tệ hại ghê gớm . . . Thật là đau lòng hết sức . . .

Bạn hỏi tôi gốc gác ở đâu hả? Bây giờ quen biết nhau rồi, tôi mnhưngi dám nói cho bạn hay. Mà phải hứa giữ kín, đừng kể lại cho ai biết nghe không, hết có bạn bè à. Lý do là tôi có nhiều kẻ thù lắm, chúng nó chỉ chực

hại tôi thôi. Tôi cũng còn chưa hỏi gốc gác của bạn nữa kìa, nhưng thôi không quan hệ gì, tại vì tôi tin cậy bạn rồi. Bạn không nói tôi cũng biết, hay vậy đó.

Mình là tri kỷ đã kết nghĩa huynh đệ rồi mà. Huynh cũng cần biết lý lịch của tôi chứ. Bạn nói gì? Đúng rồi phải không? Với bạn bè thì tôi không giấu giếm đâu.

Tôi thiệt người xã Bình Hòa, Gia Định, quê ở xóm Gà miệt cầu Quéo. Đó, thấy không, tôi biết là bạn biết hết rồi mà, tôi nói có sai đâu. nhưng thôi, để tôi kể hết cho bạn nghe cũng không sao. Tôi tuổi con gà, còn bạn sanh năm nào? cũng tuổi Dậu hả? Mình cùng tuổi nhau rồi. nhưng là năm Dậu nào? Năm Ất dậu hả? Vthời y là huynh lớn hơn tôi hai con giáp. Mình là bạn vong niên với nhau nghe. Để tính coi. Ất Dậu là năm 1945, năm đặc biệt đa. Huynh nhớ không? Lúc đó có hoàng đế Bảo Đại thoái vị, từ ngôi, về làm thường dân. Ổng nói: "Trẫm thà làm dân nước độc lập còn hơn làm vua nước nô lệ . . ." gì gì đó. thời mạt pháp mà. Bạn biết không? Đó là năm khởi đầu chiến tranh với giặc Pháp. Bởi vậy tôi nghĩ tuổi gà của chúng mình không khá, từ đó cứ giặc giã liên miên hoài. Chắc tuổi gà Ta không hợp hợp với tụi Tây, cũng tự xưng là loại gà Gô-loa gì đó.

Bạn nói sao? Gà mình là loại gà đá hả? Đúng rồi, loại gà tre nhỏ con mà đá ngon đa. Qua tới bên nầy rồi mà cũng còn dòi đá hoài với tụi Tây, rầu quá đi. Bạn hỏi qua bên nầy từ năm nào hả?

Tôi vượt biển bạn à. hồi 78 cả gia đình tôi gồm bảy người. Ghe nhỏ chỉ bằng nửa căn phòng nầy thôi, ba thước rưỡi chiều ngang, khoảng mười thước bề dài, chồng chất lên nhau như cá mòi hộp.

Bạn bảo có bị chuyện gì không hả? Đâu có gì đâu. Với lại tôi hết nhớ vụ đó, quên rồi. Đừng có hỏi nữa nghe. Cả nhà tụi nầy bây giờ còn có ba người. Ba má tôi lúc nầy buồn quá, dọn về ở trong chung cư, chung quanh toàn là người ngoại quốc, có rành tiếng nói của họ đâu. Cui cút chỉ có hai ông bà với nhau. Rầu lắm.

Còn tôi hả? Thì có sao đâu. Tuổi còn trẻ mà, ăn thua gì. Tuy vậy, tình trạng của tôi cũng không khá hơn. Chung quanh chẳng có bạn bè gì ráo trọi. Lại còn nằm trong nhà thương nầy gần hai năm trời nay rồi, cu ky lắm bạn ơi.

Cũng may còn nói chuyện được với bạn, chớ ăn không ngồi rồi, cả ngày chẳng có chuyện gì để làm thì chán chết được.

Nói cho ngay, ở đây họ cũng có ba cái chuyện vẽ tranh màu cho qua ngày, hay tập thể dục lặt vặt, nhưng khổ nỗi, tôi lại không thích . . .

Còn coi vô tuyến truyền hình hả? Vụ đó tôi còn ký dữ nữa. Cứ nghe trong TV nó nói xấu về mình hoài. Không hiểu sao nó còn chửi xiên chửi xéo tôi nữa chớ. Nó nói dàn ông gì mà hèn nhát, sợ chết, không biết nhục, để cho dàn bà phải chịu khổ một mình . . . Đó, đó, nó còn hát "Đàn bà đi biển mồ côi một mình . . ." gì nữa đó. Mà làm sao dàn bà đi biển một mình hả? Tôi

thiệt không hiểu. Luôn luôn có đàn ông với người nhà đi theo nữa chớ. Tụi nó ở đây thì biết gì? Bộ tụi nó tưởng nó ngon hơn mình sao? Có trong hoàn cảnh thì mới thấm thía bạn ơi.

Đâu phải như trong mấy phim "cô bồi". Đâu phải cứ đấm đá, bắn giết, rồi giựt súng, bắn qua bắn lại... Trong phim là loại súng giả mà, có bắn nhau cả ngày cũng có chết ma nào đâu. Còn súng thật thì khác xa ghê lắm. Người ta nói súng ống có cô hồn đó. Ngó nó là thấy có chết chóc. Trước họng súng có ai mà dám kháng cự nổi.

Bạn thử nghĩ coi, trong lúc nguy biến bạn có dám chắc mình còn giữ bình tĩnh được không? Đừng có nói ẩu nghe, nói thiệt tình đi. Lúc đó chẳng có ai còn đầu óc tỉnh táo để suy tính chuyện gì hết. Trí óc như tê điếng lại chứ.

Bạn biết không, cứ phải chọn lựa, lấy quyết định là tôi mệt rồi. Nhứt là những chuyện quan trọng sống chết thì làm sai quyết định tức thì được hả? Bạn bảo là theo số mạng cho khỏi lo à? Bộ bạn cho là cứ ngồi yên trơ ra đó là hay lắm sao? Dẫu bạn ngồi yên không làm gì hết cũng đã là một quyết định rồi đó! Ở đó mà nói tuân theo số mạng.

Làm hay không làm? Nhào vô hay đứng yên? Muốn chết hay muốn sống? Quyết định đó chỉ có cách nhau trong làn tơ kẽ tóc, chỉ còn là một phản xạ tự động thôi. Cho bạn hay, điệu nghệ anh hùng hay phản bội hèn nhát chỉ cách nhau một tích tắc giây đồng hồ đó. Tôi đã kinh nghiệm rồi.

Tụi trong TV mà biết gì, vậy mà nó cứ lẩm nhẩm chửi rủa tôi mãi. Đó, nó còn ngạo tôi là con gà ướt, gà mắc nước... Thiệt nghe mà tức ấm ách. Mà mình với nó có quen biết gì đâu. Nó lại biết cả tên tuổi của mình mới là kỳ cục chớ.

Huynh cũng biết tên tôi rồi chớ gì. Nó nói hoài trên TV đó.

Tên tôi là Nguyễn Văn Xê, có cha mẹ đàng hoàng, có chị em đủ hết. Còn độc thân nghe, 20 tuổi tây, tuổi ta là 21, phải kể luôn một tuổi ở trong bụng mẹ chớ. Hồi mình còn trứng nước là đã có linh hồn, đã là con người rồi, chớ không đợi tới lúc sanh ra đâu. Hồi đó ở trong bụng mẹ tôi đã biết hết. Bạn bảo tôi xạo hả? Tôi còn nghe được tiếng nói nữa là đằng khác. Bạn bảo tôi nói chuyện một mình à? Thì tôi đang nói chuyện với bạn chứ với ai, đâu có nói một mình. Bà bác sĩ ở đây cũng có những câu hỏi lẩm cẩm như của huynh vậy. "Tên gì, mấy tuổi, có nghe tiếng nói gì không? v.v." Tôi ngán những câu hỏi đó lắm rồi.

Tôi thứ tư trong nhà, có biệt hiệu là Tư Gà. Tại sao hả? Nói rồi. Tại tuổi Dậu. Với lại tánh tôi hay lôi thôi, lớ ngớ lắm. Lại còn hồi nhỏ tôi thích nuôi gà, nuôi gà Mỹ trong chuồng đó mà. Tôi còn ham nuôi chim cút nữa. Vụ nuôi chim cút hồi đó lỗ lã quá trời. Ở Sài Gòn ai cũng bị mấy chú trong Chợ Lớn làm giá giả tạo, mọi người đều bị cho vào xiếc hết, kỳ đó ai không bị sạt nghiệp cũng là may.

Lúc đó bạn ở Sài Gòn hả? Bạn có bị lỗ như tôi không? Có hả, tôi biết ngay mà, bạn rốt cuộc cũng bị như tôi vậy thôi. Có hơi khác một chút là bạn có vợ

con, còn tôi thì cứ cu ky một mình. Chắc tại tôi "gà" quá chứ gì. Người ta nói nào là gà mờ, nào là "như gà", "như chim cút" gì đó.

Đó, đó, thấy không, có đứa ngạo tôi nữa rồi đó. Nó nói "gà mờ, mầy gà mờ, mầy như con chim cút . . ." Bạn có nghe chúng nó nói ngạo tôi không? Tụi nó núp trong vách tường nói lén tôi đó. Bạn bảo không nghe hả? Sao kỳ vậy? Thật bạn không nghe thấy gì hết sao? Chắc bạn bị lãng tai nặng rồi đó. Lâu rồi không ngoáy lỗ tai chớ gì? Phải đi khám bác sĩ để họ rửa tai cho nghe không. Để lâu điếc luôn đó.

Nhưng nhớ đừng có đi khám bác sĩ đàn bà. Tại sao hả? Tại tôi có kinh nghiệm với các nữ bác sĩ rồi. Họ không hiểu mình đâu. Bạn có biết bà bác sĩ R.N. không? Bạn biết bà mà, đừng có nói là không biết. Bà bác sĩ hiện đang trị cho tôi ở đây chớ ai. Tôi biết là bạn rành hết. R.N. là gì hả? Cha nầy tỏ mò dữ, là Râu Ngô chớ là gì, cũng tại bà có tóc đỏ au như râu bắp chớ còn gì nữa. Bả tên thật là Renée N., tôi đặt lén chơi vậy mà, để cho dễ nhớ. Đúng không? Bạn hiểu hết mọi chuyện rồi đó. Thấy không, hết chối cãi nghe. Tôi nghe bạn nói "ừ" rồi đó.

Cũng hơi kỳ, từ ngày qua xứ nầy, tôi nghe hết ý nghĩ trong đầu mọi người. Dù bạn có nói ra miệng hay không cũng vậy thôi. Tôi nghe hết, khỏi phải giấu nghe.

Tôi cho bạn hay tôi còn hiểu được tiếng chim chóc nữa. Mà bạn đừng nói cho ai chuyện nầy à. Lần trước tôi kể chuyện đó cho bà R.N., bả có vẻ ngạc nhiên lắm, nhưng chỉ một vài giây thôi, bả cũng mau hiểu, gục gặc đầu một lúc, rồi cứ hỏi tôi chuyện đó mãi. Bả nói: "Vậy chứ chim nó nói với anh chuyện gì?" Tôi nghĩ bụng chuyện hiểu đi tiếng chim hót thì có gì lạ lùng đâu. Thiếu gì những thi sĩ nói chuyện với gió, với trăng thì có làm sao? Nghĩ vậy nên tôi mới mạnh dạn nói: "Chim nó kể chuyện đời xưa ấy mà. chúng nó hót véo von nghe hay lắm. Nó nói rằng thuở xưa có một loài chim biển bay xa cả ngàn dặm để tìm quả đào tiên cho bà Tây Vương Mẫu. Một hôm bay qua vùng biển Đông gần vịnh Thái Lan, chim biển tình cờ chứng kiến một vụ cướp ghe tàn nhẫn. Cả đám hải tặc thân mình trần truồng đen đúa đang hãm hiếp tập thể bốn nàng con gái trên boong tàu. Chúng kề dao mã tấu vào cổ mỗi người. Bốn đứa con gái nước mắt đầm đìa cắn răng nhịn nhục. Xong rồi chúng còn lùa họ qua tàu cướp chở đi mất, mặc cho đám thuyền nhân tội nghiệp van lạy xin tha. Chim biển vội bay về báo tin. Bà Tây Vương Mẫu hóa phép đánh chìm tàu bọn cướp biển, cứu bốn nàng thiếu nữ đem về cho ăn đào tiên để được lột xác trường sanh . . ."

Nghe tôi kể, bà R.N. vẫn mỉm cười không nói gì, vậy mà sau vụ tiết lộ đó bả cho tôi chích thuốc nhiều thêm mỗi tuần, đau ê cả mông. Vì vậy ôi bảo bạn giữ kín giùm, Tây nó ác lắm đó.

Hồi tôi mới qua xứ nầy, cứ mỗi lần đi xe buýt là có chuyện. Mọi người cứ nhìn mình chằm chằm, cứ làm như mình là khỉ đột Cà Mau không bằng. Rồi chúng nó lầm bầm với nhau nói xấu mình. Mấy lần tôi bị lôi thôi với cảnh sát

cũng vì những chuyện đó. Tại tụi nó khiêu khích tôi trước. chúng nó nói mình "Đồ gà ướt, mày gà ướt, dàn ông gì mà chết nhát v.v." Còn nói tục tĩu nữa chớ. Bạn nghĩ coi, nhịn hoài sao nổi. Mà mình có chọc ghẹo gì tụi nó đâu, tự nhiên vậy à. Bởi vậy mới có vụ ẩu đả. Tôi đập mấy thằng gẫy răng luôn. Tại vậy, lần đó ở quận Q., tôi bị cảnh sát bắt nhốt vô khám hai ngày. Thật oan ức hết sức. Xong rồi, họ không hiểu gì mình cả. Có cãi cũng vô ích thôi.

Tụi nó ác lắm bạn ơi, mình chống không lại đâu, cũng như trên biển cả vậy mà. Làm gì có luật pháp, nói chi tới chuyện nhơn đức.

Rồi nó chở thẳng tôi vô bịnh viện nầy đây. Từ đó mới có chuyện bà bác sĩ R.N. Bà nầy cũng độc lắm, mấy lần tôi đòi đổi bác sĩ khác mà đâu có được với họ.

Tôi cho bạn hay, bà bác sĩ nầy có tư thù với đàn ông tụi mình. Bạn không thấy mặt bả sao? Tóc tai loe hoe cắt ngắn cũn cỡn, lại không son phấn chi cả. Gương mặt tái mét, quạu đeo thuộc loại "hận tình đen bạc" đó mà. Thuở còn xuân thì bả đã tình duyên lận đận. Chẳng hiểu có bị ông nào hiếp đáp gì không mà bây giờ đâm ra hận thù phái nam dữ quá. Tôi đã bảo là tôi có bịnh kín, lại hay mắc cỡ lắm, không thể kể với bác sĩ đàn bà được. Vậy mà bả cũng dòi khám. Tôi dâu có chịu. Bà nầy thuộc đảng "chủ nghĩa nữ phái" loại quá khích, chỉ lăm le báo thù cho đám đàn bà. Nếu bả khám thì nguy hiểm lắm. Rủi bả thuận tay đè ra cắt đi luôn thì rồi đời, hết thuốc chữa. chẳng qua bả lấy cớ khám bịnh để thực hiện âm mưu "đen tối" đó thôi. Bả có thâm thù với dàn ông đời nào không biết, lại nhè tôi mà hạ thủ thì thật "oan ơi ông Địa". Bạn thấy không, tôi là người tình ngay đàng hoàng, biết quý trọng phái đẹp chứ phải dâu như loại vũ phu chuyên môn hành hạ đàn bà con gái.

Còn những tên hiếp dâm, những tên cướp biển nhan nhản ra đó sao không thấy ai đến bắt? Bây giờ lại đem tôi ra để báo thù. Không lẽ sanh ra làm đàn ông đã là có tội hay sao? Thân phận đàn ông ở xứ nầy sao tệ hại quá vậy? Bạn có đồng ý như vậy không? Bạn nói sao? Còn phụ nữ xứ mình hả? Ở, nhứt là đám phụ nữ vượt biển. Thật tội nghiệp hết sức. Nghĩ tới là tôi muốn tuôn nước mắt. Chẳng lẽ sanh ra làm đàn bà trên biển cả đã là mang tội lỗi lớn? Làm thân phận đàn bà vượt biển sao phải chịu cảnh đau đớn quá vậy? Nhục nhã bất công thái quá! Cũng tại cái đám đàn ông hung dữ, ăn cướp hiếp dâm mà làm vạ lây cho tôi tới bây giờ.

Thiệt khổ quá, tôi dâu phải đại diện cho tất cả đám đàn ông? Tôi là người vô can, vậy mà họ không chịu tin. Hết thảy tội lỗi của đám đàn ông trên thế gian nầy lại đem đổ trên đầu một mình tôi. Hết nước nói rồi. Bạn bảo tôi phải làm sao đây. Thấy huynh đệ mắc nạn là phải giải cứu nghe. Bạn có kế gì không? Bạn bảo chịu thua hả? Sao yếu quá vậy. Bạn bảo leo rào trốn hả? Bộ không thấy đầu tuyết giá ngoài trời hả ông nội? Muốn xúi bậy cho tôi chết lạnh hả?

Nói thật với bạn là tôi cũng đã thc rồi, mùa hè trước tôi trốn được ra ngoài cả hơn tuần lễ. Bởi tôi muốn tìm bác sĩ đàn ông mình để khám bịnh kín thôi.

Chớ ra ngoài tình trạng còn tệ hơn, suốt ngày cứ nơm nớp lo sợ. Bề gì ở trong nầy còn có người bảo vệ mình. Xứ Bắc Mỹ nầy nổi tiếng mất an ninh, súng ống, xì ke, hung dữ lắm, bạn không hay biết gì hết sao? Bạn mới thật là gà hơn tôi nữa.

*

Để tôi kể bạn nghe vụ vượt rào kỳ đó. Lúc đó tôi cứ suy nghĩ mãi, đắn đo hết sức, chỉ sợ có đưa nào đưa mình vào tròng nữa thì chết. Bị chúng gạt năm lần bảy lượt rồi chớ ít ỏi gì. Cái hồi vượt biển đó mà, cứ bị bể hoài. Toàn là những vụ tổ chức "ma" không thôi. Bị mắc móp mấy lần chớ phải chơi sao. Bạn coi, mỗi lần cứ mất mấy "cây", riết rồi trong nhà trống trơn, không còn món gì ráo trọi. Lần cuối cùng ba má tôi phải bán luôn căn nhà của ông nội để lại mới góp đủ số cho cả nhà đi. Rốt cuộc thiệt tai hại hết sức.

Thôi, rầu lắm, không nhắc lại chuyện đó đâu, để nói chuyện vượt rào ở đây cái đã. Bạn biết không, cuối cùng rồi tôi cũng phải lấy quyết định, cả đời tôi đã phải khổ sở vì "vấn đề" nầy, tôi nghĩ tại sao lại không tìm cách giải quyết phứt một lần cho xong? Để dây dưa mãi chỉ càng chịu khổ thêm thôi, chẳng ích lợi gì. Để lâu sợ còn sanh ra biến chứng nữa là khác.

Nhiều khi ở đời phải biết làm liều một chút mới mong ngoi đầu lên được, nhứt là trong xã hội ngày nay bạn ơi. Lớ ngớ, chậm chạp như tôi thì chỉ "trâu chậm uống nước đục" thôi. Tôi có tật nặng là hay lưỡng lự, xét đi xét lại mãi mọi việc mà không dám làm gì cả. Trước khi lấy quyết định cho một điều gì, tôi thật khổ sở gần chết. Cứ tính đi rồi tính lại, điên đầu luôn. Nhiều khi nghĩ ngợi nhiều quá đến mờ cả mắt, trên đầu như muốn bốc khói. Bởi vậy tôi bị mất ngủ liên miên cũng do cái tật hay lo đó.

Ngó tôi coi, bạn thấy không? Hai cặp mắt cứ thâm quầng, mặt mày hốc hác, đâu còn được cái dung nhan của ngày nào nữa. Phải làm sao gấp rút lên chớ không thì cứ "phòng không gối chiếc", chần chờ mãi thì chỉ có nước ở giá cả đời thôi. Bạn nghĩ coi, hai mươi mấy tuổi đầu rồi, còn trẻ trung gì.

Lần đó, dù phải qua mấy đêm mất ngủ, cuối cùng tôi đã lấy quyết định leo rào ra ngoài thử thời vận, đi tìm cái "thế giới tự do" một lần nữa. Lần nầy tôi có sẵn dự tính đàng hoàng" tôi đi kiếm vợ bạn à. Dù sao tôi có còn gì để mất mát thêm nữa. Đâu có như lần vượt biển hãi hùng kỳ đó. Lần nầy chỉ vượt rào thôi mà, có té rào đi nữa cũng có gì nguy hiểm lắm đâu. Đàn ông con trai đâu xá gì ba cái chuyện lẻ tẻ đó. Nếu may mắn thành công thì đời tôi kể như lên hương luôn. phải sửa sai cái "vấn đề" đó. phải chữa trị nó chớ. Đâu phải cứ để như con nít vậy hoài được. Thật không thể thoái thác, không còn lối thoát nào khác. Tôi tự nhủ: chỉ một lần rồi thôi, một lần cho xong. Chỉ còn cách đi tìm thầy chữa chạy. Dù có phải bị giải phẫu, cắt xén gì tôi cũng phải chịu, miễn là sửa sai được "vấn đề" đó thì thôi.

Bạn có biết thuốc gì hay chỉ cho tôi, thuốc Tàu thuốc Bắc gì cũng được, miễn chữa được cái "vấn đề" thì tôi mang ơn bạn lắm đó, còn hơn xây mấy

kiểng chùa nữa. Bạn hỏi là "vấn đề" gì hả? Thì cũng tại nó mà tôi nhát gái khổ sở cả đời đây. Nó cứ như con nít, coi bộ không làm ăn gì nổi bạn à.

Bạn lại cười tôi nữa rồi. Đừng có vội khi dễ, tay nầy hồi nhỏ tuy hơi nhát gái, nhưng cũng một cây nghe. Cũng hôn hít đủ thứ hết, hôn miệng kìa, chớ không phải chỉ trên má thôi đâu. Bạn không tin tôi hả, vậy chnhưng bạn có biết con nhỏ má lúm đồng tiền nhà ở đầu ngõ hẻm nhà thờ Tân Định không? Biết hả, em tên Lan, bồ cũ của tôi đó nghe. Em có duyên ghê phải không? Cái miệng cười thấy muốn hôn, lại hay cười luôn luôn, đôi môi hồng phơn phớt. Nhứt là đôi mắt hay liếc, ướt rượt. Em hay ăn hàng ở mấy xe bán gỏi khô bò, bò vò viên, bánh cuốn ở xéo trước nhà. Tôi mê mấy món nầy và cũng mê mẩn luôn cái miệng hay cười khoe đôi má lúm đồng tiền.

Hôm nào đi học về tôi chẳng ghé qua mấy xe hàng bò vò viên đó? Bữa nào không thấy em ra, tôi cứ la cà thật lâu, ăn hết món nầy đến món khác để nhìn lén về phía nhà nàng. Hình như nàng cũng biết và để ý đến tôi, nên thường tôi chỉ ngồi một lát là có nàng đi ra, có khi còn dắt theo đứa em trai nhỏ. Rồi từ khi tôi điều tra biết được tên nàng, cả ngày tôi cứ gọi thầm tên em, đến nỗi mấy nhỏ em gái tôi nghi ngờ theo chọc ghẹo mãi.

Có một hôm tôi được lân la đến ngồi kế bên nàng ở hàng gỏi khô bò, tôi nghe thoảng mùi nước hoa bông bưởi hay bông lan gì đó làm tôi bàng hoàng. Mà tôi cũng không chắc là nước hoa đâu nghe, nghe lạ lắm, chắc là mùi con gái thứ thiệt, nghe gây gấy khó tả lắm, tới bây giờ nhớ lại tôi còn nghe mê mẩn. Nhớ lúc đó trông bộ tịch tôi ngơ ngẩn, đờ đẫn ra. Còn nàng thì có vẻ e lệ. Tôi lén nghiêng đầu nhìn qua bên, bất chợt bắt gặp nàng cũng lén liếc qua với nụ cười lúm đồng tiền. Tôi hồn vía như bay mất, lúng túng đến nóng cả hai tai, quên cả đáp lại nụ cười xã giao của nàng. Ăn hết đĩa khô bò rồi mà tôi chưa tìm ra câu nói nào thích nghi. Đầu óc cứ như trống rỗng.

Hình như nàng cũng biết tôi lúng túng, nên cứ tủm tỉm cười khuyến khích hoài. Cuối cùng tôi bậm gan nói một câu vô duyên trống không: "Lan có thích phim sữa rừng gì . . . gì . . . đó không". Tôi đã uốn lưỡi mấy lần trước khi phát âm mà cũng còn cà lăm. Nàng chớp chớp mắt, lắc đầu nhè nhẹ làm rung rung mấy sợi tóc mai bồng bềnh trước trán, "Em cũng hổng biết nữa . . ." Thấy tôi cứ mỉm cười lúng túng nàng nói tiếp, "Anh Xê tối nay cho em coi hát đi". Mẹ ơi, chỉ hỏi một câu mà đã có kết quả. Tôi nghe choáng váng, trống ngực cứ đánh thình thình, không hiểu sao nàng lại biết tên tôi nữa. Tôi không biết trả lời sao hết, chỉ dám gật gật đầu. Tôi không kiếm được câu nào để nói, hồi lâu trước khi đứng lên nàng nói nhỏ: "Đợi em ở cửa rạp Văn Hoa tám giờ tối nay". Tôi nghe mà không hiểu, không mở miệng nói thêm được một chữ. Nàng đã đi rồi, cả đến mấy phút sau tôi mới hơi định tỉnh.

Bạn nói tôi nhát quá phải không. Thôi tôi không kể chuyện đó nữa đâu. Tại đó là lần đầu, làm sao có kinh nghiệm hả bạn? Nghĩ đi nghĩ lại, tôi thấy chẳng thà như vậy mà hóa ra hay. Bạn thấy không, trong yêu đương người con gái sung sướng biết bao nhiêu. Tôi nhớ mãi cái thời đó, mà chắc người

con gái nào khi yêu cũng vậy, chớ không riêng gì em Lan của tôi đâu. Cái thuở yêu dương đời đời, với những hẹn hò nhung nhớ, với bao lần giận hờn xa cách . . . Tôi nhớ em lúc nào má cũng đỏ hây hây, lúc nào đôi mắt cũng long lanh bẽn lẽn. Nhìn em là thấy liền đôi mắt ướt tình, em đang sung sướng đó bạn ơi. Mỗi lần nắm lấy bàn tay nhỏ mềm và nóng hổi, mỗi lần hôn em trong bóng tối của rạp hát . . . Thiệt tình mà nói, cảm xúc đến rụng rời. Mà tôi biết chắc nàng cũng cảm động ghê gớm, nhiều lúc tôi nghe như run lên, mềm nhũn.

Chắc huynh hồi nhỏ cũng vậy chớ gì? Huynh cũng bay bướm, mèo mỡ dữ lắm mà. Lúc đó nếu bạn thử nhìn vô đôi mắt của em Lan coi. Thiệt tình! Cả những lúc giận dỗi em cũng mê ly lắm nghe bạn. Em Lan ơi, tội tình chi mà em phải đọa . . . đày . . .

Nhắc tới em làm nhớ chết được, nhưng thôi, cũng may mà tôi không lấy được nàng. Chớ không cũng giập "nát một đời hoa" rồi. Tôi đâu có muốn làm cho em khổ, tôi chỉ muốn cho nàng sung sướng thôi mà. Thiệt đó, phụ nữ chỉ sung sướng trong tình yêu mà thôi. Tới hồi lấy chồng sẽ bị khổ sở đủ thứ hết. Bị bầm giập nhục nhã lắm bạn ơi. Tại lấy chồng thì phải có cái vụ đó, trốn tránh sao được.

Bạn nghi ngờ tôi không nói hết sự thật cho bạn nghe chớ gì? Mà thôi, cũng không giấu được bạn chuyện gì hết. Nói thiệt ra thì cũng một phần tại kẹt cái "vấn đề" đó mà thôi.

Lúc trốn khỏi bịnh viện, tôi tìm được ông bác sĩ T. nghe nói hay giúp đỡ người đồng hương lắm, chuyên trị bịnh về đường thận. Tại sao hả? Tôi yếu cái phần đó bạn à.

Gặp ổng tôi cũng hơi khớp nên nhập đề liền: "Em biết bác sĩ hay thương đồng bào mình, nên mới dánh bạo đến nhờ bác sĩ chữa trị cho cái "vấn đề" của em. chẳng giấu gì bác sĩ, em cũng vậy, em cũng như bác sĩ, em thương đồng bào mình lắm, nên em nghĩ kỹ rồi, em không lấy vợ người Việt Nam đâu".

Bác sĩ T. ngẩng đầu lên, trố mắt nhìn tôi, hảo: "Ủa, sao anh lạ vậy? Bảo thương người Việt mà không chịu cưới vợ Việt là nghĩa làm sao? Tôi không hiểu".

Tôi vội nói: "Thì tại em thương phụ nữ người mình nên sợ lấy vợ Việt về làm khổ họ tội nghiệp".

Bác sĩ T. nói: "Anh nói tôi cũng vẫn không hiểu, tội nghiệp là tội nghiệp làm sao?" Thấy ông bác sĩ T, cứ thắc mắc mãi, tôi đành phải kể: "Em đã chứng kiến rồi bác sĩ ơi, họ khổ lắm . . . nhục nhã nữa . . . Đâu ai muốn nhìn, đâu có ai mà thèm muốn chuyện đó . . ."

Bác sĩ T. lắc đầu: "Nhưng nếu anh không phải là sở khanh, anh là người đàng hoàng, không ăn giựt, ăn chạy, anh hiểu biết bổn phận làm chồng thì tôi nghĩ anh sẽ đem lại hạnh phúc cho người đàn bà anh yêu chứ".

Tôi nói: "Cũng không được đâu bác sĩ, lấy vợ là phải có vụ đó, mà phụ nữ mình tội nghiệp lắm . . . không được đâu . . ."

Bác sĩ T. thở ra một hơi dài, lắc đầu nhè nhẹ, rồi mỉm cười với giọng vui vẻ: "À, thôi rồi, tôi biết ngay, anh thích dầm hơn phải không? Các anh trẻ tuổi độc thân qua đây anh nào cũng như nhau cả, các anh bảo phải trả thù dân tộc gì gì đó phải không?"

Tôi vội đính chánh: "Không phải vậy đâu bác sĩ ơi, em lại càng không thể nào lấy vợ dầm được. Từ ngày qua xứ nầy, em bị người ở đây ăn hiếp hoài, nên sợ lắm, không lấy đầm được đâu".

Bác sĩ T. cười bảo: "Anh nầy khó tánh dữ. Người Âu mắt xanh tóc vàng mà anh còn chê nữa?"

Nghe ổng hiểu lầm hoài, tôi mới nói: "Cũng không phải vậy đâu, không phải em chê họ không xinh đẹp, nhưng thấy họ lớn quá, mình nhỏ con mà".

Bác sĩ T. cười: "Người mình nhỏ người, nhưng cái vụ phòng the đâu đến nỗi nào. Chắc anh mặc cảm với người mẫu quốc hả, hết thời thực dân phong kiến lâu rồi, đừng có mặc cảm chứ, anh phải làm rạng danh trai Việt mình mới được".

"Nhưng vụ đó thì thôi bác sĩ ơi, em thấy hình ảnh đang trên báo ở truồng 'P.' rồi".

Bác sĩ T. trợn mắt: "Hình trong báo Mỹ vậy mà chưa mê hả? Hình người ta chụp nghệ thuật sexy như vậy . . ."

Tôi vội nói lại: "Em thấy sợ thôi, còn ham gì nữa bác sĩ? Tại em nhát gái, lại mặc cảm nữa. Tại . . . tại . . . mình đâu xuể . . ."

Bác sĩ T. lắc đầu: "Anh Xê ơi, không biết tôi có thể giúp gì được cho anh đây?"

Thật chuyện khó nói quá, đã mấy lần tôi mấp máy môi mà không nói nên lời. Thấy tôi cứ ngần ngừ không đáp, ổng cười cười nói tiếp: "Anh không chịu vợ Việt, vợ đầm, chứ anh muốn lấy ai đây? Hay là anh muốn tôi làm mai cho anh cưới vợ Nhật hả. Anh nào cũng sành điệu dữ. Đúng là ở nhà Tây, ăn cơm Tầu, lấy vợ Nhật. Nhất anh rồi".

Thấy ổng cứ tiếp tục hiểu lầm, tôi đành nói luôn: "Không phải em khó tánh, nhưng lấy vợ Việt chỉ sợ làm khổ cho người ta, còn lấy vợ đầm em lại càng sợ dữ nữa. Em thà ăn tô hủ tiếu . . . Trái ớt bỏ trong tô hủ tiếu mà . . ."

Thấy ổng trợn mắt ngạc nhiên, tôi càng ngượng dữ, nghe nóng cả mặt mũi, mặc dầu ổng là người đồng hương, lại là đàn ông nữa. Sợ ổng giận tôi vội tiếp luôn không kịp nghĩ ngợi gì hết: "Em thích ăn hủ tiếu mì mà bác sĩ à. Bác sĩ có biết tiệm mì Cây Gòn trong Gò Vấp không? Ngon hết xẩy. Chắc em kiếm vợ người Tầu, nghe nói công dung ngôn hạnh gì đủ hết, lại chiều chồng nữa".

Bác sĩ T. ngả mình vào ghế dựa, giọng chậm rãi: "Tôi nghĩ anh có vẻ hốt hoảng, lo sợ chuyện không đâu. Chắc anh bị dồn nén tâm lý từ lúc nhỏ. Hay là lúc trước anh có đi chơi bời ở Ngã Ba, Ngã Năm trên Hạnh Thông Tây gì

đó, rồi mắc bệnh huê liễu nên đâm ra sợ chuyện tình ái chớ gì? Anh thú thật đi. Chỗ đó có còn bị đau nhức gì không? Bây giờ y khoa tiến bộ lắm. Ống khói có bể hay thông nòng gì cũng làm được hết. Để tôi cho toa thuốc . . ."

Thấy ông bác sĩ nầy cứ hiểu lầm hoài, tôi dâm ngán quá. Rủi ổng cho thuốc lộn thì chết. Chỗ không đau thì đòi chữa. Thiệt lạ lùng không? Đúng là ổng nghi ngờ tôi rồi. Tính dùng thuốc độc địa để trị tuyệt nọc cái giống đàn ông thôi. Mà tôi thiệt không hiểu, ổng cũng là đàn ông như mình chớ bộ. Chắc là ông nầy thuộc loại đạo đức giả rồi. Ổng còn rành ba cái vụ đó nữa là khác. Bộ ổng không biết là đàn bà con gái con nhà đàng hoàng bị đau đớn, nhục nhã trong mấy cái vụ đó sao? Ổng bề gì cũng là bác sĩ chớ bộ. Đâu có dốt nát. Tôi đã chứng kiến rồi. Nói thiệt. Thật dã man vô nhân đạo hết sức.

Tôi muốn nói với ổng: "Hổng có bịnh huê liễu gì đâu bác sĩ. Thú thiệt hồi nhỏ em cũng có léng phéng với mấy đứa bạn ở chỗ động chị Tình đó. Sạch sẽ đâu có bịnh hoạn gì đâu. Với lại mấy em chơi bời chỉ có vui thôi. Mấy em diệu nghệ, tình tứ lắm nghe. Đâu có thấy đau đớn khổ sở gì đâu? Chỉ trong vấn đề vợ chồng là em ngán thôi. Nói thiệt với bác sĩ em đã chứng kiến rồi. Tội nghiệp lắm. Tàn nhẫn lắm bác sĩ ơi. Thiệt họ khổ hết còn nước nào nói. Em nói rồi, em không lấy vợ người mình đâu. Làm khổ họ tội nghiệp. Em thà thích tô hủ tiếu mì . . . trong Gò Vấp đó. Ngon hết xẩy. công dung ngôn hạnh đủ thứ hết."

Bác sĩ T. lắc đầu, ông không nhìn tôi nữa, nhưng vẫn mỉm cười. Ổng tháo cặp mắt kiếng gọng vàng ra cầm tay, với tay kéo chiếc khăn giấy trong hộp *Kleenex* để ở đầu bàn, vừa lau đôi tròng kiếng vừa nói: "Nói chuyện với anh cũng vui, nhưng anh thông cảm, tôi bận quá, còn mấy người khách đang đợi ở ngoài. Để tôi ghi cho anh giấy giới thiệu đi khám bác sĩ thần kinh tâm lý vì là ngoài phạm vi chuyên môn của tôi . . . Có lẽ bác sĩ Renée Nadeau ở gần đây tận tâm lắm . . ."

Tôi nghe ổng nhắc đến tên bà R.N. nên dâm hoảng quá, vội vàng xua tay: "Thôi, thôi, hkỏi bác sĩ, hkỏi cần, bác sĩ có bận thì em xin trở lại khi khác chớ không sao dâu. Thôi em xin chào bác sĩ". Tôi lật đật kéo ghế đứng dậy, đi như chạy ra cửa, không đợi ổng trả lời, không dám ngoái đầu ngó trở lại. Chỉ sợ ổng kêu cảnh sát bắt gởi đi bà R.N.

*

Từ phòng mạc bác sĩ T., tôi phóng ra đến đường cái lúc nào không hay. Như người mất hồn, tôi nhập vào dòng người đông đảo trên vỉa hè đường phố. Ở đây, cứ mỗi hè về là đường phố trở nên tấp nập, rộn rịp cho đến khuya. Trên gương mặt mỗi người đều có vẻ hớn hở, dáng điệu vui tươi trong những y phục mùa hè nhiều màu sắc. Có những thiếu nữ coi bộ con nhà lành trông hớ hớ. Họ đang tung tăng cười giỡn, nắm tay nắm chân với dám bạn trai, có cô còn cặp kè với người tình vừa đi vừa hôn nhau giữa đường nữa. Cho mấy cô cứ việc phô bày. Cho mấy cô cứ việc tiếp tục ngây thơ đi. Các cô

đâu có biếy các cô sắp sửa rơi vào bẫy của ái tình. Các cô không biết những gì sẽ xảy đến khi các cô đi lấy chồng hay sao. Nhưng làm sao các cô biết được. Các cô gái đó đâu có chứng kiến những cảnh tượng như tôi. Họ cứ thản nhiên tung tăng khắp thành phố, hít thở cho thật đầy những buồng phổi khí trời trong lành và ấm áp. Thật thấy họ vô tư mà mình ham. Tôi cũng muốn được như họ, tận hưởng những ngày hè quý báu, cho bõ những trói buộc của những tháng đông dài lạnh lẽo. Tôi cũng muốn ngây thơ vô tư như họ, cũng muốn hưởng đời, chơi cho chết luôn. nhưng làm sao được bạn ơi, lỡ đã biết nhiều sự thật phũ phàng thì làm sao còn vô tư cho nổi. Thiệt người ta điếc không sợ súng vậy mà sướng. "Không biết, người ta bảo ngu dần. Biết, lại buồn đến thân" là vậy. Câu nầy tôi học lóm trong truyện Tầu nghe. Tại tôi không biết nói chữ, chớ nếu biết chữ Nho như ông nội tôi, xổ ra nghe còn nổ nữa. Nhưng thôi, bao nhiêu đó cũng nhức đầu lắm rồi. Suy nghĩ nhiều chỉ làm lo lắng thêm thôi. Thiệt, bạn thấy không, càng thấy nhiều chuyện đời càng phát sợ.

Lúc đó tôi nghe thân thể mỏi nhừ, đầu óc choáng váng. Mọi việc càng lúc càng rắc rối quá. Mọi người ở đây sao lại có thể dửng dưng đến như vậy? Họ làm như không biết những gì hung bạo, hiểm nguy đang chờ đợi. Họ vẫn nhởn nhơ, ồn ào khắp đường phố. Thiệt tôi hết hiểu nổi. Mọi việc đều như vuột khỏi tầm tay. tất cả đều quá nhanh, tất cả đều quay cuồng với một vận tốc điện tử chóng mặt. Tôi nghe chán nản, mệt mỏi đến không còn cử động được. Tay chân nghe nặng nề nhấc hết lên nổi. Bên trong tôi như bị rỉ sét, mọi cảm giác như bị cô dọng, mơ màng. Tôi nghe như người mộng du, đi trong giấc mơ của một thế giới khác.

Trên hè phố, mọi người chung quanh tôi đều có vẻ căng thẳng, bận rộn với việc gì, bước chân họ hấp tấp như người đang trễ giờ hẹn. Mà thật vậy, tôi biết họ thế nào cũng có những vụ hẹn hò lén lút, để làm chuyện bậy bạ. Chớ nếu không, sao lại hấp tấp ào ào như đi chạy giặc vậy?

Bạn biết không, dàn ông đàn bà gì ở đây cũng đều có nhiều máu nóng lắm, nhứt là những lúc trở mùa thì tha hồ có những buổi "gió lạnh đêm hè . . ." Sẵn có những phim ảnh, báo chí ở trường phụ giúp vô thêm nữa. Trên đường phố mọi người nhìn tôi với những ánh mắt khi dễ, họ biết tôi nhát gái, "chậm tiến" về vụ đó. Đáng lẽ họ phải tội nghiệp cho tôi mới phải, một người đã trải qua bao nhiêu thảm cảnh. Họ đâu biết tôi đã ớn da gà, vì đã thấy mặt trái của vấn đề rồi. Đè người ta ra . . . nhục nhã cho người ta . . . dơ dáng, tội nghiệp cho người ta lắm . . .

Tôi không dám nhìn thẳng vào mắt ai hết. Ở đây họ có hiểu gì về mình đâu. Họ chỉ muốn chế nhạo mình thôi. Đó, dứa nào lại nói tôi lẹ như gà nữa kìa.

Trên đường phố mùa hè hôm đó, giữa những bước chân tấp nập, rậm rật ồn ào, chỉ riêng có những bước chân của tôi lững thững như một khách nhàn du không định hướng, âm thầm, lạc lõng trong dòng thác đời cuồn cuộn.

Mọi người chung quanh đang vui sống những mùa hè của họ, tuy ngắn ngủi mà dậm màu, như những cánh bướm nhởn nhơ bay lượn, như những cánh ve vang lên điệu ca vui sống, giản dị và không suy tính. Theo kiểu ngụ ngôn "con ve" của ông Tây Lã Phụng Tiên đó mà. "Mùa hè kêu ve ve . . ." gì gì đó. Còn tôi, một người lạc đến từ thế giới khác, không một liên hệ, ràng buộc gì với đời sống này, không một kỷ niệm nào ở đây. Một người bên lề cuộc đời. Cuộc đời hung bạo và điên đảo. Chỉ còn có tôi tuy ở bên lề là còn tỉnh táo thôi. Ở đây không ai giống tôi. Ở đây tôi như một người không có cả lý lịch. Một người không mặt mũi. Vô danh. Vô hình. Đâu có ai quen biết tôi trong thành phố này. Dĩ vãng của tôi đâu rồi? Nỗi khổ và nỗi lo sợ của tôi không ai quanh đây hiểu được. Tôi đâu phải là ve, đâu phải là bướm, tôi tuổi gà mà.

Nhưng đâu phải chỉ có dân Tây, dân Mỹ không hiểu tôi. Cả những người đồng hương của tôi ở đây cũng không ai hiểu tôi hết. Cả đến người bác sĩ đồng hương cũng đã bỏ rơi tôi rồi.

Thật không dễ gì khai bịnh. Ông bác sĩ T. là hy vọng cuối cùng, tôi chỉ mong ổng khám rồi cho thuốc hoặc giải phẫu một lần cho xong. Vậy mà rắc rối quá. Ai cũng hiểu lầm mình hết. Cả người cùng tiếng mẹ đẻ mà cũng không cảm thông được. Thật sự không ai hiểu mình hết rồi. Cái mặc cảm tội mang từ nhỏ sao lại đeo đuổi làm khổ tôi mãi. Nước mắt tôi cứ chực trào ra. Mọi vật chung quanh đều nhạt nhòa, không còn thể chất hình dáng gì nữa.

Cả ngày hôm đó tôi đi lang thang khắp thành phố đến rã rời cả chân cẳng. Ở đây bạn bè thì không có, ba má tôi lại ở rất xa, một tỉnh khác cách xa nơi đây đến nửa ngày trời xe buýt. Vả lại đi xe buýt lại càng thêm rắc rối nữa. Nỗi khổ của tôi bây giờ chẳng phải bắt đầu bằng những vụ ẩu đả trên xe buýt đó sao? Trong túi tôi lại không có tiền, bụng đói meo, cả ngày rày có hột cơm nào đâu.

Liên tiếp trong mấy ngày, tôi tấp vô với đám người vô gia cư vô nghề nghiệp lang thang khắp đầu đường xó chợ. Mà tôi cũng không dám đến gần họ lắm, chỉ dám đứng luẩn quẩn xa xa thôi. Trong đám nầy có những tên mặt mũi có cô hồn, dáng điệu gì mà thấy phát ghê. Đêm đến tôi ngủ ở mấy băng ghế đá công viên. Quần áo dơ dáy hôi hám . . . Nói bạn đừng cười, chớ lúc đó đói quá, tôi lây lất được cả hơn tuần lễ là nhờ lục lạo những thùng rác kiếm món ăn thừa.

*

Cuối cùng tôi cũng bị bắt trở về đây. Chắc có người thấy hình dáng tôi không giống ai, nên họ báo cáo với giới chức thẩm quyền. Lúc cảnh sát đến, tôi cứ im lìm đi theo họ, đầu ngẩng cao, miệng mỉm cười, một nụ cười ruồi với nhân thế. Bạn hỏi sao tôi cười được à? Lạ lắm bạn ơi, lúc đó tôi vừa thấy thảnh thơi, khỏi phải lo đói khát, khỏi phải lo sợ tai nạn gì nữa hết, lại khỏi phải lựa chọn, số phận đã an bài rồi. Nhưng cùng lúc, lại vừa nghe trong cõi xa xăm nào đó dâng lên một nỗi thiết tha đau đớn cho cuộc đời. Tôi chẳng tỏ

một thái độ phản kháng hay làm một cử chỉ kháng cự nào hết, cũng chẳng thanh minh bào chữa lấy một lời. Chống cự với đời cũng vô ích thôi bạn ơi. Tôi xót xa tự nhủ trong lòng, quả thật người ta đã bỏ tôi rồi, tôi hết còn là con người. Tôi muốn gào to lên cho mọi người rõ rằng: TÔI KHÔNG MUỐN LÀM LOÀI NGƯỜI NỮA. Bạn nghe rõ chưa? Nếu không, tôi phải hét to hơn nữa, rồi bà R.N. lại bắt tôi đè ra chích thuốc thêm cho, cả hai bên mông tôi đều bị sưng phồng, chai cứng hết rồi đây nầy! Nếu tôi còn la hét kháng cự, bả sẽ không ngần ngại cho người trói gô tôi lại như một con vật. Phải, như một con vật sắp sửa bị hành hình, cho vào lò sát sinh . . .

Phận tôi tuổi Dậu, chắc chỉ còn có giống gà mới không kỳ thị, ruồng bỏ tôi thôi. Chỉ còn có tình gà mà thôi . . . Tôi là người tình cảm mà. Tôi đã nói với bạn rồi. Tôi không thể sống mà không có Tình Yêu được . . . Từ hồi nhỏ tôi vẫn được sống bao bọc trong tình yêu thương gia đình. Tình yêu thương của bạn bè, cha mẹ. Tình yêu thương của các chị em gái tôi . . . Chị em gái tôi . . . Thật hết rồi . . . Tình người, nhân đạo . . . Thật hết rồi . . . Tôi phải sống . . . Sống trong tình yêu . . . Dẫu là tình của giống vật . . . Dẫu là tình gà . . . Và tôi dâm ra yêu . . . giống gà bạn à.

Lúc bị bắt đi giữa đám cảnh sát mà đầu óc tôi cứ nghĩ ngợi đâu đâu, mặt mũi cứ tỉnh bơ. Bỗng tôi dâm tức cười khan. Bây giờ thì tôi cười ra tiếng. Tôi cười ha hả. Cười lớn giòn giã như trong tuồng hát bội "Lữ Bố hí Điêu Thuyền". Cười như chưa bao giờ được cười thỏa thuê như vậy. Cười trả thù cho những khổ đau của cuộc đời nầy. Tự nhiên tôi bỗng nhớ tới một cảnh trong phim Charlot làm tôi càng mắc cười dữ nữa. Cười hô hố đến chảy cả nước mắt. Cái anh chàng Charlot nầy, cả đám bạn bè hồi nhỏ tụi tôi đứa nào cũng mê mệt. Đứa nào cũng bắt chước cái dáng đi hề thật là hề đó. Thiệt tức cười hết sức. Tưởng đi hai hàng với đôi giày quá khổ, đôi chân chữ bát. Đồ rách mà lúc nào cũng vẫn diệu nghệ quân tử ra phết, luôn luôn quý trọng phụ nữ. Trong cuốn phim đi dào vàng ở Bắc cực đó, bạn nhớ không? Charlot bị một anh bạn đói quá hoa mắt nhìn thành con gà to tướng, tính rượt bắt làm thịt. Con gà Charlot hoảng hốt, chạy trốn vỗ đôi cánh bành bạch. Lúc đó đang đi, tự nhiên hai cánh tay tôi trở nên ngứa ngáy như muốn cử động mình ên thành hai cánh gà. Tự động đôi tay tôi giãng thẳng ra phẩy phẩy, đập mạnh lên như đôi cánh chim muốn lả lướt tung bay trong gió. Thình lình tôi nghe một vật gì thật nặng giáng vô phía sau đầu đau nhói đến nổ đom đóm, thấy đủ ba mươi sáu ngọn đèn cầy. Tôi nghe đôi chân mềm nhũn không còn đứng vững, mặt đất ngả nghiêng quay cuồng. Nhưng tôi vẫn còn rán sức đập mạnh đôi cánh bay lên một khung trời khác . . .

Lúc tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trên chiếc giường sắt, một mình trong gian phòng nhỏ. Trời đã tối, đã lên đèn, những ngọn đèn ống néon lạnh lẽo. Chung quanh là màu sơn trắng quen thuộc. Đúng đây là nhà thương của bà R.N. Tôi định chống tay ngồi dậy, nhưng bị vướng mắc vào thành giường,

vô phương cử động. Tay chân tôi đã bị cột chặt bằng những sợi nịt da bò to bản có móc ống khóa cẩn thận.

Đây không phải là lần đầu tiên tôi bị khóa cột lại như vậy. Lần trước bị bắt vô đây tôi đã kháng cự dữ đội và la hét đến lạc giọng, nên bị bà R.N. cho trói bỏ vào phòng giam riêng mấy ngày. Nhưng lần nầy tôi có chống sự gì đâu? Tôi cũng đâu có la hét, tôi chỉ có cười thôi mà. Tôi cũng chẳng cười ai hết, tôi chỉ thấy mắc cười thì tôi cười. Tôi thấy chuyện vui thì tôi cười, có mắc mớ gì tới ai đâu? Chuyện riêng của tôi có can dự đến ai? Vậy mà họ đã đối xử với tôi tồi tệ hết nước nói. Tôi có làm gì nên tội hở, Trời? Cả đời tôi hiền lành, chẳng biết đến một con ruồi, con muỗi. Cả đời tôi quý trọng mọi người, quý trọng phái nữ, quý trọng những bông hoa. Tôi đã làm gì đâu? Tôi đã hại đời trinh nữ nào đâu? Tôi đâu dám ruồng bỏ người đàn bà. Tôi đâu phải loại sở khanh hại đời con gái người ta. Tôi đâu có gian ác, cướp bóc hãm hiếp ai . . . Trời, cái nầy tội lỗi mới ghê rợn nhứt . . .

Vậy mà họ theo bắt tôi tận tình. Đến tận nơi tận chốn. Không biết họ thù tôi từ bao đời bao kiếp rồi nữa? Họ coi tôi như một tội phạm nguy hiểm nhứt. Còn dám người dâm dật, chơi bời, cưỡng hiếp đàn bà con gái con nhà dàng hoàng thì có ai dụng tới đâu? Tụi nó nhởn nhơ hành sự . . .

Nằm trong phòng giam riêng, đầu óc tôi vẫn còn choáng váng. Tôi không nhớ rõ việc gì đã xảy ra. Chỉ nghe đau ran trên đỉnh đầu. Tôi nằm nghĩ ngợi lơ mơ rồi lại thiếp đi lúc nào không biết.

Qua ngày hôm sau tôi mới được cởi trói ra. Đầu óc vẫn quay mòng mòng. Chắc trong lúc tôi mê man, bà R.N. cho chích thuốc vô mông nữa. Trên đỉnh đầu vẫn còn đau nhói, tôi đưa tay rờ thì quả thật đã mọc lên một cục u to như cái trứng gà, rờ tới càng nhức nhối thêm. Tôi nhớ lại rồi, lúc tôi bị bắt trở vô đây, thấy tôi giãng hai cánh tay dập cánh phành phạch, chắc tên cảnh sát đi phía sau chơi xấu. Hay là hắn tưởng tôi là gà nên tính đập đầu nấu cà ri. Thiệt tụi Tây nầy dã man hết sức, bộ muốn ăn thịt tôi luôn sao chớ. Tụi nầy dữ quá mà, cắt chim nó nấu canh chua đi.

Bạn thử rờ lên chỗ này coi. Đã hơn nửa năm trời rồi mà sao lạ lùng quá, không chịu lành. Chỗ đó còn trổ da non, thọc dô lòm cứ mọc to ra mãi. Bạn coi nè, đúng là mòng gà trống chưa? Gà nầy là gà đá, gà nòi nghe. Đá quạo à. Gà Gô Loa tụi nó mà ăn nhằm gì. Giống gà nòi dích tông nầy của ông nội tôi nổi tiếng khắp miệt Xóm Gà nghe. Loại nầy đá chết bỏ, chết thôi chớ đâu chịu chạy mặt. Để bạn coi, mùa hè tới đây tôi sẽ lại leo rào trốn ra ngoài. Bạn hỏi để làm gì hả? Cha nội nầy nói giả ngộ hoài. Để đi kiếm vợ chớ còn đi đâu nữa. □

TRIỀU HOA ĐẠI

ở mãi đời nhau

có còn một chút mùa đông
theo nhau về nở cuối lòng nhân gian
có ai cất bước dịu dàng
cây đời hé búp, lại mang nhánh sầu

có tôi quay quắt nơi đâu
theo người, tình lại trổ màu lãng quên
có ai ngồi thật ngoan hiền
trên môi thoáng nở, chẳng phiền lụy sa

có ai về vội hôm qua
lời ca dao ấy đậm đà dáng thân
nên chi thôi chỉ một lần
hôm nay, mai nữa, lần khân trở về

có thêm chút nắng đêm khuya
nói lên ràng buộc, chia lìa xót đau
mà sao ở mãi đời nhau
chắt chiu, lần lữa lạc màu tóc sương

có còn lúc nhớ, khi quên
ai kia như thể tình yên một lần
ngày vơi, thật cũng phân vân
dọt xa chưa nhú, trời gần đã rơi

NGÔ NGUYÊN DŨNG

hương cổ thi

Đường thi chưa ráo mực
giữa muôn dòng thời gian
hương trăng còn thao thức
đêm ẩm màu mang mang

Hoa xưa chưa phai sắc
trên cổ tự ngát hương
nét dặm đà giấy bồi
loang loáng mùa phong sương

Đường thi chưa cạn lệ
đáy nước vầng trăng soi
tự trầm theo bóng nguyệt
khúc hồ cầm là lời

Giai nhân còn yên giấc
giữa nghìn trang cổ thi
chờ khắc giây hạnh ngộ
bước ra giục giã: Đi!

NGUYỄN VIỆT

lẽ sống

truyện ngắn

Bốn giờ rồi nhưng Thùy vẫn chưa đến. Không dằn được cơn bồn chồn, Phan bước tới mở cửa, nhìn ra dãy hành lang chung cư. Hai bên tường, những cánh cửa im ỉm khép kín của những gian phòng khác, nối tiếp nhau chạy dài hun hút. Và từ trần nhà thấp, dãy bóng đèn rải một thứ ánh sáng buồn bã lên mặt thảm, tạo thành những vòng tròn rời rạc hiu hắt. Vắng vẻ. Tất cả là một vắng vẻ làm Phan cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết.

Phan lại nhìn đồng hồ. Thời gian như dãn nở, úp chụp lên người chàng biết bao thất vọng. Một thứ bẫy vô vị. Một thứ bẫy thừa thãi. Phan đóng xầm cửa lại, đến ngồi trên chiếc ghế đong đưa. Chàng kiễng chân nhịp theo ghế, nghe hơi hướm Thùy như còn vương lại đâu đây.

Hơn hai tháng nay, mỗi trưa thứ bảy Thùy vẫn đến với chàng trong một chu kỳ tưởng không thể nào thay đổi. Thùy đến, tự động mở cửa phòng, gương mặt dìu dịu tỏa một thứ ánh sáng đầy quyến rũ khiến Phan không kềm chế được, chồm tới ôm ghì lấy nàng. Rồi Phan đặt Thùy ngồi vào chiếc ghế đong đưa, rót cho nàng một ly *champagne* ướp lạnh. Qua mấy nhấp rượu, má nàng như hồng hơn, đôi môi nàng như ướt hơn, đôi mắt nàng lung linh như hai giọt sương sớm. Phan đến phía sau ghế, chồm tới trước, cúi xuống hôn vào vùng ngực người yêu đang căng phồng nhịp thở. Chiếc ghế ngả ra sau, tà áo lụa của Thùy nhẹ nhàng rung theo làn môi Phan đang lướt trên da thịt nàng. Hai người không cần nói nhiều lời, nhưng từ tâm khảm, Phan nghe như cả hai đã nhập vào nhau. Khi Thùy vừa cạn giọt *champagne* cuối cùng, thân hình nàng như bốc lửa. Phan dỗ nàng nằm xuống mặt thảm êm ái, say sưa trong một thế giới mà âm dương hòa tan, mà mặt trăng và mặt trời chỉ còn là một thực thể.

Chiều dần xuống, vài cơn gió thoảng mơn man tấm màn cửa sổ. Thùy trở dậy sửa lại sóng áo, mỉm cười với Phan đang nhìn nàng qua tấm gương lớn. Thùy đó, ngắm mãi vẫn không no mắt. Nàng chải tóc, đánh lại chút má hồng,

tô lại chút môi son, rồi hôn nhẹ trên má Phan, trước khi quày quả ra đi, để đến nhà kịp lúc chồng nàng trở về.

Còn một mình, Phan lười biếng nằm dài trên thảm, lan man với phần *champagne* sót trong chai. Chàng uống từng ngụm nhỏ, nghe chất rượu tràn khắp thân thể một cảm giác thỏa mãn, đôi lúc xen lẫn với những tiếc nuối vì đã không gặp Thùy sớm hơn. Khi còn nhỏ, Phan sống trong một khuôn phép lễ giáo khắt khe. Lúc nào chàng cũng phải che đậy những ý nghĩ riêng tư, có khi biến thành những uẩn ức mà cho tới nay cũng chẳng dám nói với ai. Lớn lên, được du học nước ngoài, Phan vẫn tâm niệm những giáo điều kia. Chúng đã giúp chàng vượt qua biết bao cám dỗ của thế giới Tây phương, nhưng vô tình cũng trở thành một bức tường ngăn Phan với những thú vui bình thường. Phan gác ra ngoài tất cả những ham muốn mà chàng cho là vô bổ, chú tâm xây dựng cho mình một sự nghiệp vững chắc. Bốn mươi tuổi, Phan khá thành công trong công việc nhưng vẫn sống đời đơn chiếc. Tệ hơn nữa, chàng chưa từng dám yêu ai, dù chỉ là yêu thầm. Tình yêu trai gái có một cái gì tội lỗi khiến chàng không muốn lao vào.

Rồi tình cờ Phan quen Thùy. Trong buổi đầu tiên gặp gỡ ở một tiệm sách, chỉ cần một tích tắc ngắn ngủi, Phan nhận ra là mình đã sống quá thiếu sót trong thời gian qua. Tuy biết Thùy có chồng, nhưng Phan vẫn cố theo đuổi nàng. Bản ngã tiềm tàng bấy lâu nay bừng bừng trỗi dậy, chàng đã bất kể tất cả, liều lĩnh xô ngã luân lý, từ chối lương tâm, để chiếm cho được Thùy, dù chỉ vào những chiều thứ bảy ngắn ngủi. Đối với Phan, Thùy là vì sao dưa lối duy nhất, có thể dẫn dắt chàng vào cõi yêu đương tuyệt vời, mở cho chàng những cảm giác lạ lùng trong ái ân nồng cháy.

Phan nhìn đồng hồ, lại mở cửa ngóng về phía cuối dãy hành lang. Màu thảm như đỏ hơn, tụ vào những vòng ánh sáng, xốn xang dập vô mắt Phan. Thùy vẫn chưa đến. Chàng đứng tựa cửa một hồi rồi quay vào tìm bao thuốc lá, rút một điếu, châm lửa. Phan rít một hơi dài, đầu óc có phần nhẹ bớt theo từng cơn khói tỏa. Trên tường, chiếc gương lớn phản chiếu bóng chàng đang nằm trên mặt thảm. Phan nhìn chiếc gương quen thuộc, có cảm tưởng thấy được bóng dáng Thùy đang ngồi trước gương chải tóc. Thùy không đẹp lắm nhưng càng gần gũi, Phan càng thấy nàng có sức quyến rũ tuyệt vời. Khuôn mặt Thùy chẳng có gì xuất sắc, ngoại trừ đôi mắt lá răm, lúc nào cũng có vẻ như đang nhướng lên. Nàng cao vừa phải, thân hình thon thả với làn da tươi mát mịn màng. Thùy ăn nói nhỏ nhẹ, giọng ngọt ngào như rót mật vào hồn Phan, nhất là những lúc hai người cùng ân ái. Thật ra Phan chưa làm tình với ai khác ngoài Thùy, nhưng đối với chàng, cái giọng nói có chất ngọt kia nhất thiết không thể thiếu được để đưa chàng đến tuyệt đỉnh khoái cảm.

Điếu thuốc cháy tàn dần, Phan rít một hơi cuối rồi đứng dậy rót một ly nước lạnh. Chàng đến bên cửa sổ, uống cạn ly nước, cúi nhìn xuống phía dưới khu chung cư. Chiều hè, ánh nắng vẫn còn gay gắt đổ lửa trên con đường loang loáng ảo ảnh. Và trước dãy cao ốc, bãi cỏ vàng úa tênh hênh vài thân

thể trong bộ *bikini* mong manh như những sợi dây sắp đứt. Phan nhìn nét cong lồ lộ của đám con gái da trắng đang nằm phơi nắng, lòng không mảy may rung động. Những xác thịt kia dù tuyệt mỹ đến đâu, nhưng nếu thiếu một sự đồng điệu thì cũng chỉ là một hình thức hời hợt, không thể nào lôi cuốn được Phan.

Có tiếng lách cách trong ổ khóa. Phan quay lại, bao nhiêu nỗi bực bội chợt nhanh chóng tan biến. Chàng chạy tới mở cửa, đón Thùy với nụ cười dễ dãi. Sao trễ vậy em? Rồi không chờ Thùy bước hẳn vào phòng, Phan ôm chầm lấy nàng, hôn lên khuôn mặt ánh hồng gợi cảm.

– Đừng, anh . . . Thùy nghiêng người khép cánh cửa lại, nhẹ nhàng gỡ những ngón tay Phan đang bám trên thân thể nàng như những chiếc vòi bạch tuộc.

– Có chuyện gì vậy? Em có sao không? Phan buông người yêu ra.

Thùy không đáp, đến ngồi ở chiếc ghế bành. Thật tự nhiên, chiếc áo lụa hở cổ phơi làn da nàng trắng ngần mát rượi.

– Em uống chút rượu nhé? Phan hỏi, cố kềm chế cơn rạo rực đang tràn trề.

Thùy ngước nhìn Phan, ánh mắt có một cái gì hơi lạ lùng. Vén lại mấy lọn tóc lòa xòa trước trán, nàng ngập ngừng:

– Em đã có thai.

– Em có thai? Phan ngạc nhiên, trong lòng vừa như có một trận mưa trút nước, dập tắt ngọn lửa đam mê mới phút trước còn ngùn ngụt.

Không suy nghĩ, Phan hỏi tiếp:

– Của ai? Phải của anh không?

Đôi mắt Thùy chợt long lanh. Nàng im lặng quay đi. Bên ngoài, ánh nắng chừng gay gắt hơn, tỏa hơi nóng trên khuôn mặt Thùy vừa ửng đỏ. Biết mình lỡ lời, Phan nắm tay người yêu, đặt vào lòng bàn tay mình:

– Ý anh . . . có thể đứa con là của chồng em.

– Ánh bị bất lực. Thùy cúi đầu ấp úng.

– Lâu lắm rồi tụi em không còn ngủ chung.

Có một cái gì lênh đênh trong trí óc Phan, chàng như đang bay trong một thế giới vô trọng lực. Xưa nay ăn nằm với Thùy, Phan chưa bao giờ nghĩ tới chuyện Thùy có thai. Những lúc gần gũi ngắn ngủi, như có một thỏa ước ngầm, hai người đều không hề nhắc tới chuyện gia đình Thùy.

– Bây giờ phải làm sao? Thùy ngẩng lên, hai hàng nước mắt lăn dài trên má.

Đột ngột quá, Phan không biết phải ứng xử thế nào. Chàng ôm người yêu vào lòng, rồi bỗng dưng nghe một niềm kiêu hãnh dâng lên dào dạt. Mình sắp được làm cha! Phan reo nhỏ trong lòng, sung sướng với cái thiên chức to tát mà chàng chưa bao giờ nghĩ tới.

Phan hôn nhẹ trên tóc Thùy, cảm thấy mình như một loài cổ thụ có bổn phận che chở cho sợi tầm gởi yếu ớt.

– Ly dị. Em ly dị rồi mình làm đám cưới. Anh hứa sẽ yêu thương, chăm sóc em và con.

Thùy xô nhẹ Phan ra, giọng nhuốm chút hờn dỗi:

– Ly dị? Anh làm như dễ lắm.

Rồi mủi lòng, nàng khóc nức lên:

– Chồng em mà biết, chắc em không sống nổi.

Phan trấn an:

– Em đừng suy nghĩ nhiều. Ngay bây giờ, em có thể đến ở luôn với anh.

– Chồng em sẽ không bỏ qua chuyện này. Tính ảnh xưa nay du côn du đãng, em sợ ảnh sẽ giết em.

– Không đáng sợ như vậy đâu.

Thùy thở dài:

– Có chuyện gì mà ảnh không dám làm. Mấy vụ bắn nhau ở phố Tàu vừa rồi là do ảnh làm đó . . .

– Thiệt không? Phan hỏi theo thói quen.

Lần đầu tiên không dằn được bực tức, Thùy lên giọng:

– Anh không tin hả? Thôi được, anh cứ để mặc em sống chết với cái thai. Nàng đứng dậy, bước về phía cửa.

– Thùy, Thùy. Bình tĩnh lại!

Phan kéo Thùy trở vô. Chàng dìu người yêu ngồi xuống chiếc ghế bành, với tay lấy mấy tờ *kleenex*, lau nhanh những giọt nước mắt ướt đẫm má nàng

– Em đừng lo, anh sẽ có cách giải quyết.

Lời trấn an của Phan như một sợi gió mỏng, không làm vơi bớt bầu không khí ngột ngạt giữa hai người. Chàng ngồi xuống cạnh Thùy, ngập ngừng muốn choàng tay qua vai người tình nhưng lại thôi. Cả hai bỗng lặng thinh. Đâu đây, một con ruồi lạc loài đang vo ve những âm thanh vô vọng ray rứt.

Ánh nắng dịu dần, lung linh vẽ trên tường những vệt nắng nhạt nhòa. Bất chợt Thùy nhổm dậy, chạy đến bên cửa sổ, len lén nhìn xuống đường. Giữa không gian chìm dấm, có tiếng động cơ vọng lại rồi tiếng Thùy thảng thốt như thủy tinh vỡ:

– Thôi chết rồi!

– Chuyện gì vậy? Phan chồm tới, kịp thấy một người cỡi xe mô-tô vừa khuất sau hàng cây rậm rạp nơi góc đường.

– Chồng em. Chồng em. Thùy thở hổn hển, hai bàn tay hốt hoảng nắm chặt tay Phan.

– Bây giờ phải làm sao? Chồng em chắc đã biết chuyện của tụi mình.

– Đừng sợ. Phan thốt lên, chẳng biết trấn an Thùy hay trấn an cho chính mình.

Từ xa, tiếng động cơ vọng đến rõ hơn rồi từ góc đường, một chiếc mô-tô lớn hung hăn chồm tới như một con ngựa chứng. Người đàn ông cỡi xe không đội nón an toàn, mái tóc dài tung bay trong gió. Trên khuôn mặt sần sùi, đôi mắt kính lớn màu đen không giấu được một vết thẹo ở một bên má. Hắn mặc

một chiếc quần *jean* rách rưới với chiếc áo chẽn bằng da bạc thếch, phơi đôi cánh tay trần rám nắng, ngoằn ngoèo những hình xăm như muốn nứt ra trên các bắp thịt cuồn cuộn.

Người đàn ông rồ máy đảo mấy vòng trước tòa chung cư rồi ngừng lại ở bãi cỏ phía trước. Hắn xuống xe, gỡ cặp kính đen, nheo mắt nhìn quanh, chậm rãi bước từng bước nặng nề về phía cổng trước của chung cư. Thời gian bỗng ngưng đọng, đè nặng lên thần kinh Phan một căng thẳng tưởng có thể vỡ tung từng mạch máu. Bằng phản ứng của một kẻ đang đứng trước hiểm nguy cận kề, chàng né người tránh ánh mắt của người đàn ông vừa nhìn lên. Tim Phan đập mạnh, hơi nóng ngùn ngụt bốc lên đỉnh đầu. Chưa bao giờ chàng cảm thấy sợ hãi như vậy. Trời ạ, nếu bắt gặp Thùy trong phòng chàng, chẳng biết hậu quả sẽ ra sao. Phan thụt lùi từng bước nhỏ rồi vụt quay lại. Phải làm sao đây? Phải làm sao đây? Chàng cuống quít như đang rơi vào một cơn trốt mãnh liệt.

Nơi góc phòng, Thùy đứng dựa người vào tường, khuôn mặt nhợt nhạt giàn giụa nước mắt.

– Trốn ở đâu bây giờ? Thùy cố dằn giọng.

– Để anh tính.

– Tính gì tính lẹ lên. Coi chừng ảnh có súng . . .

Phan lúng túng, đầu óc hoang mang không còn suy nghĩ được nữa. Căn phòng bỗng như hẹp lại, trở thành một chiếc rọ nhốt hai người để chờ tử thần đến mang đi. Phan ngồi bệt xuống sàn, cảm thấy tất cả sức lực đang tàn lụi theo từng tiếng nấc của người tình. Lảng vảng trong phòng, con ruồi vẫn vo ve những tiếng trầm bổng, nhức nhối như một vết thương đang giết lần mòn từng tế bào.

Giữa những bối rối tưởng không thể nào tháo gỡ được, bỗng dưng từ dưới đường có tiếng đề máy xình xịch. Phan bật dậy như một cái lò xo, lao nhanh về phía cửa sổ. Dưới kia, người đàn ông đang rồ ga inh ỏi, rồi trong làn khói đen mù mịt, chiếc xe vụt chồm tới trước, phóng vút đi.

Thoát nạn. Phan thở hắt ra, bao nhiêu sinh lực bỗng ào ạt trở về. Đợi tiếng xe mô-tô nhỏ dần rồi mất hẳn, Phan mới quay vào trong. Chàng cố làm vẻ thản nhiên, tiến tới vỗ về Thùy. Ôm người yêu trong lòng mà chàng thấy như đã xa cách ngàn trùng. Một quyết định đến thật nhanh, Phan nâng mặt Thùy, nhìn thẳng vào mắt nàng:

– Em phá thai đi.

Không gian như đặc lại. Thùy lặng người, đôi mắt lá răm nhướng lên, thăm thẳm nhìn vào hư vô. Rình rập đâu đây, một đe dọa vẫn đang chờ một sơ xuất nhỏ để đổ ập xuống biết bao tai ương. Phan nhắm mắt lại. Từ vô thức, khả năng tự vệ khiến chàng không thể giữ im lặng lâu hơn:

– Em nghe lời anh đi. Anh không ngại tốn kém để em gặp các bác sĩ giỏi nhất.

Không đợi Thùy trả lời, chàng lập lại, giọng nghe có phần khẩn khoản:

– Thùy, nghe lời anh đi.

Con ruồi quanh quẩn nãy giờ chợt bay vụt ra ngoài, bỏ lại một trống vắng hụt hẫng.

*

Buổi chiều xuống thật nhẹ. Ánh nắng dịu dàng như rưới lên vạn vật một lớp mật ong ả. Mùa thu đã về. Những chiếc lá vàng ẻo lả bay trong gió, phảng phất một cái gì êm đềm nhưng cũng rất tha thiết. Một buổi chiều vàng. Một buổi chiều lẻ loi. Rất xa lạ trong một thành phố mà các tên đường Phan vẫn chưa quen thuộc. Ba tháng rồi, từ ngày quyết định bỏ lại tất cả để đến một nơi chốn khác, Phan vẫn không quên được người tình cũ. Vết thương trong lòng Phan như một chứng ung thư vô phương cứu chữa, cứ tiềm tàng âm ỉ, khiến chàng không còn tâm trí tập trung vào cuộc sống mới.

Phan đến ngồi ở một chiếc băng gỗ trên lề đường. Con phố hẹp chiều chủ nhật, sau một tuần bon chen mệt mỏi, nằm lười biếng giấu mình dưới hai hàng cây úa vàng sắc lá. Phan dựa người vào thành ghế, lơ đãng ngắm bầu trời bàng bạc với những đám mây bồng bềnh. Gió hiu hiu, hai hàng cây như cúi xuống nhìn Phan. Bỗng dưng chàng có cảm tưởng mình đang nằm dưới mộ, đếm thời gian trôi theo từng chiếc lá lìa cành, mơ mộng một ngày siêu thoát theo những đám mây. Phan chợt nghe lòng rờn rợn, thấy mình chẳng còn sức lực để gượng dậy sống với đời.

Mây vẫn bay, càng lúc càng lan rộng như muốn che khuất cả ánh mặt trời muộn màng. Bất chợt, Phan giật mình tự hỏi, mình chờ đợi gì ở những đám mây kia. Một kiếp sau được gần gũi người yêu, hay chỉ là một chiếc lá vô tri giác, chưa kịp nhìn đủ bốn mùa, đã rụng rơi theo gió? Phan ôm mặt trong hai bàn tay, cái rờn rợn trong lòng trở nên nặng trĩu. Hình ảnh Thùy hao gầy với bao khốn khó như hiện diện đâu đây. Phan chợt nhớ tới ánh mắt nàng, nhận thấy có một cái gì vừa xót xa, vừa sâu thẳm những thầm kín mà có lẽ nàng chưa có dịp thổ lộ. Hóa ra bấy lâu nay Phan không hiểu Thùy nhiều lắm. Cái mà trước đây chàng cho là sự hòa điệu giữa hai người, thật sự chỉ là một đồng cảm thể xác, một đam mê thói quen mà thôi. Nhưng dù thế nào đi nữa, đối với Phan, đó vẫn là một tình yêu, một tình yêu không cần đến quá nhiều ngôn từ.

Phan vẫn ôm mặt trong hai bàn tay, đôi vai run lên vì một nỗi ân hận đang dậy sóng trong lòng. Ba tháng trước, với tiếng xe mô-tô sắc bén như một mũi dao nhọn kề trước cổ, Phan chỉ có ý nghĩ chạy trốn. Tình yêu trong giờ phút thập tử nhất sanh, không khác gì một thứ xa xỉ phẩm mà chàng không thể dùng tính mạng để đổi lấy. Lúc ấy, đưa cho Thùy một số tiền, rồi tự dứt bỏ quá khứ để đi tìm một cuộc sống mới, Phan nghĩ rằng sẽ thoát được những rắc rối ràng buộc. Nhưng bây giờ chàng biết mình lầm, đời chàng đã trở thành vô nghĩa từ khi vắng bóng Thùy. Bên cạnh đó, lương tâm Phan cứ ray rứt, không bao giờ để chàng yên ổn. Phan bỗng ước ao được như cơn gió kia,

ôm ấp những nỗi niềm của từng chiếc lá yếu đuối, dù chỉ trong khoảnh khắc. Chàng cúi xuống, nâng một phiến lá không còn nguyên vẹn, rồi nhận ra mình đã xử sự như một kẻ hèn, đã né tránh những trách nhiệm, đã vứt bỏ những tin yêu, mà lẽ ra chàng phải dang tay chấp nhận, bảo vệ, cho dù phải hy sinh cả mạng sống. Phan nhất định phải về thành phố cũ để gặp lại người yêu. Chàng đứng dậy, vùng bỏ chạy. Trong tay, phiến lá vỡ vụn như một định mệnh, cuốn hút Phan vào những thử thách mà chàng chẳng cần biết hậu quả.

Phan trở về căn phòng chàng mướn ở một chung cư, gọi điện thoại đặt vé máy bay, rồi lẹ làng thu góp quần áo dồn vào chiếc va-li nhỏ. Bên ngoài trời tối dần. Ánh nắng cuối ngày chỉ còn lãng đãng trên ngọn giáo đường xa xa như một giục giã, thúc hối.

Phan xách hành lý, mở cửa bước ra ngoài. Chàng lục túi tìm chìa khóa, tiện tay châm điếu thuốc rồi quay nhìn căn phòng lần cuối. Rít một hơi thuốc, Phan nắm nắm cửa định đóng cửa lại. Rất bình tĩnh, không như ba tháng trước có lần chàng đã phải xô vội cánh cửa căn phòng cũ, lén đi cửa sau của tòa chung cư trong lúc tiếng xe mô-tô ròn rã ở cổng trước. Nhưng rồi Phan bỗng giật nảy mình, đâu đây tiếng xe mô-tô ngày nào trở về lồng lộng. Phải mất vài giây định thần Phan mới nhận ra tiếng xe có thật chứ không phải từ một cơn ác mộng nào.

Xa xa vọng lại, rồi tiếng xe rú lên, vụt đến gần hơn như một nhát dao chém vào những vết thương chưa lành lặn trong ký ức Phan. Bằng một phản ứng tự nhiên, chàng chạy đến bên cửa sổ, nhìn xuống. Phía trước chung cư, con đường hẹp như uốn mình theo một luồng ánh sáng hùng hổ vụt đi chẳng khác gì sao xẹt. Tim Phan đập dồn dập. Trong ánh hoàng hôn tím thẫm, chàng nhận ra mái tóc dài tung bay trong gió của người cỡi mô tô. Không lẽ nào, Phan tuyệt vọng bật thành lời, điếu thuốc trên môi vô tình rơi xuống sàn. Dưới kia, chiếc mô-tô phóng vọt đi rồi đột ngột quay đầu lại, dừng ngay trước dãy nhà đối diện. Phan nép người sau tấm màn cửa, nghe xương sống chạy dài một luồng lạnh buốt.

Bên kia đường, người cỡi xe tắt máy, bước xuống, đi lừng lững như một con gấu đang dồn mồi vào thế bí. Qua ánh đèn đường vừa bật sáng, khuôn mặt hắn hiện rõ một vết thẹo ở một bên má, và trên cánh tay trần rắn chắc, những hình xâm ngoằn ngoèo như sống động hẳn lên. Đúng là chồng của Thùy, Phan bàng hoàng. Hắn tới đây làm gì? Làm sao hắn biết được địa chỉ? Phan lùi lại, lùi lại như ngày nào còn ở căn phòng cũ, khác chăng là lúc đó có sự hiện diện của Thùy. Còn bây giờ, Phan nhìn mình run rẩy rồi chợt hổ thẹn. Chàng nhắm mắt lại, bỗng dưng một ý nghĩ lóe lên trong đầu, Phan thấy mình phải một lần đến gặp chồng của Thùy. Cuối cùng, tệ nhất là một phát súng. Chàng chết, hắn đi tù; hay hắn chết, chàng đi tù, cách nào cũng tốt cho Thùy, cũng sẽ giải thoát nàng khỏi người chồng vũ phu. Phan thở mạnh, hài lòng với cách giải quyết gọn gàng của mình, rồi thật nhanh, chạy lại cửa sổ,

nhìn xuống đường để xem chừng. Bên dãy nhà đối diện, đèn đóm sáng rực như cùng tập trung chiếu vào chiếc xe mô-tô nằm một mình lẻ loi. Có tiếng gõ cửa gấp rút. Phan quay phắt lại, chồm tới chụp chai rượu trên bàn rồi lẹ làng nép cạnh cánh cửa ra vào. Với vị trí này, chàng có thể dập cho tên du đãng một cú trời giáng, nếu hắn dám tông cửa nhào vô.

– Phan à, mày có nhà không? Thành đây.

Phan nhìn qua lỗ kính trên cửa, thở phào nhẹ nhõm. Chàng mở cửa cho Thành, người bạn thân từ hồi mới du học, hiện đang ở căn phòng kế cận:

– Hê, Thành. Có chuyện gì không?

Thành lao nhanh vào, đóng xầm cửa lại:

– Tao ở đây chơi một chút . . .

Chưa dứt câu, Thành vội vàng chạy tới bên cửa sổ, hé màn nhìn xuống. Từ bên dưới, tiếng xe mô-tô lại xình xịch nổ, rồi rú lên những tiếng đinh tai nhức óc.

Thành chậm những giọt mồ hôi đang chảy dài trên mặt, quay nhìn Phan, nói trong hơi thở dồn dập:

– Mày có dư tiền không? Cho tao mượn gấp mười ngàn đô-la.

– Để làm gì? Phan buột miệng.

Gỡ cặp kính cận xuống, Thành ấp úng mãi mới thành lời:

– Nói mày đừng cười, con bồ tao đang có mang với tao hai tháng . . . Tao, tao cần tiền để cho nó phá thai, bằng không, cả hai đứa chắc không được yên thân đâu.

Ngừng lại để nuốt nước bọt, Thành run run:

Này . . . nãy giờ mày có thấy cái thằng cỡi chiếc mô-tô quần quần dưới nhà không? Chắc nó đang tìm tao. Giọng Thành lạc hẳn đi. Nó đó . . . nó là thằng chồng con nhỏ bồ tao đó. □

ĐÀI SỬ

hư vô

Vóc hoa mơn man
Gầy ngọn năng sớm
Giọng khẽ chuông ngân
Đánh tiếng hoàng hôn
Tóc dài rũ ngọn
Cuốn nát cuộc đời
Bước từng vấn lệ
Đi vào hư vô

THƯỜNG QUÁN

đá

Ngươi có sẽ hát ca khi ngươi là khí hơi tan vào vùng không?
Đi! Mọi thứ đều đi qua! Hiện hữu của ta bọt rỗng
Niềm kiên nhẫn thánh thiện rồi cũng tiêu vong
— Paul Valéry

Nơi đá biết sẽ nát hình hài với nắng
Trời đổi thay trời có nói chi đâu
Biển ánh sáng thêm một mùa thâm tạ
Thêm một ngày đi quá cuộc dãi dầu.
Chiều hôm trước ngồi run nhìn kẻ lạ
Nửa hiên ngoài con mắt đã thẫm, sâu
Bóng trên bóng bao phố thành đắp mặt
Kẻ ấy đi qua, tôi dừng lại ngả đầu
Trước những bóng không phải là thân thế
Đã ôm tôi bằng khoảng cách thiên thu
Những chiếc cửa, những con đường đi xuống
Trận nắng rồi trận gió xác xao

Chiều như một bãi lau sáng nước
Người kêu đi như một mụ xẩm mù
Thơ như một tiếng nửa trưa choàng dậy
Bọt sóng hỏa trầm ao giếng cháy lòa
Những vùng biển vừa đi qua khô cạn
Cơn khát nhìn bầu trời như sơ dầu
Màu xanh trang kính! Màu xanh trang kính!
Rễ đá nằm chốn chẳng còn đau
Ai uống rễ xanh? Rễ xanh đang hút
Mạch đất và tủy đá rã màu
Những trận gió kinh hồn đã lấy đi thân tộc
Sông ơi sông đã lạc nơi nao!
Con lạch nhỏ con hói nằm run rẩy
Vốc nước đục bốc hơi đường kẽ tay
Cọng sậy không kêu chiếc dầu không nói
Đất như tim, môi nứt nẻ ngày
Vẫn cơn khát nhìn bóng trời trang kính
Chịu cho qua nhận hết dẫu là đâu
Căn nhà trống cửa trưa bóng ảnh
Vừa đi qua, chưa tới, lại tiễn chào
Một lần gặp mấy phù sinh soạn sửa

HOÀNG TỪ QUYÊN

đốm lửa

truyện ngắn

Chuông reo hai hồi dài, báo giờ tập họp. Năm phút sau, phòng hội đồng tấp nập những giáo viên ra vào. Huyên náo những mẩu chuyện trao đổi khi chuông vào lớp. Một cuốn phim mới, một quyển sách hay, một buổi hẹn hò . . . đang là những đề tài sôi nổi của nhóm giáo viên trẻ quây quần ở cửa lớp nhìn ra sân chơi. Mọi hôm không thể thiếu Hoàng ở "câu lạc bộ bỏ túi" ấy. Song hôm nay anh lặng lẽ ngồi một mình ở góc phòng, vẻ mặt trầm ngâm và dường như không để ý tới ai. Thỉnh thoảng, anh lại thở sâu vào, đôi mày nhíu lại. Anh đang bị dằn vặt bởi một ý định đau xót: bỏ nghề.

Bỏ nghề? Anh nhớ lại khuôn mặt của người trưởng phòng tổ chức khi anh mở tờ công lệnh ghi đậm mấy chữ "Sở Giáo Dục Thành Phố", nói khẩn khoản:

– Tôi không hề có nguyện vọng được phục vụ giáo dục. Tôi muốn tập trung cho công tác nghiên cứu. Muốn đi dạy thì ngay từ đầu tôi đã thi vào đại học Sư phạm.

Ông trả lời gọn lỏn:

– Đó là sự phân công của trường và bộ. Tôi không thể có ý kiến gì thêm.

Ông đưa mắt nhìn người đứng bên cạnh anh. Anh bước ra khỏi phòng, bất mãn và chán ngán.

Anh về trường phổ thông, muốn kiểm tra lại mình trước khi thực sự từ chối sự phân nhiệm của tổ chức. Giờ lên lớp đầu tiên là tiết dạy thay cho một giáo viên nghỉ bệnh. Anh viết rõ hai chữ "Tắt Đèn" – tác phẩm anh đã chọn để làm luận văn tốt nghiệp với bao nhiêu hào hứng say mê – trên bảng và

quay nhìn học trò; anh tưởng như các em cùng muốn chia sẻ với anh lòng yêu mến ấy. Anh dừng lại ở chi tiết chị Dậu bán con, người tê đi vì xót xa. Long lanh trong ánh mắt các em là nỗi đau đớn và căm phẫn tột cùng. Anh chấm dứt bài giảng trong một cảm xúc bàng hoàng. Anh đã từng sống qua những giờ học mà người thầy và tác phẩm chiếm lĩnh trọn vẹn tâm hồn nhưng không khi nào anh có thể ngờ rằng mình sẽ tạo ra không khí đó, cảm xúc bàng hoàng đó. Anh sẽ đứng nơi đây, trên bục giảng này, vì anh đã tìm thấy thêm ý nghĩa cho việc nghiên cứu văn học. Nghiên cứu để làm gì, nếu không phải để khám phá và truyền đạt? Đối tượng để truyền đạt của anh là đây: những em học trò có trí tuệ đang khơi nguồn, có tâm hồn sáng trong và mơn mởn ước mơ đang đâm chồi, nẩy lộc. Và vậy đó, thay vì bỏ nghề, anh đã đến với ngôi trường này với một tình yêu đầu mới nhen nhúm nhưng không kém phần mãnh liệt và say đắm. Những ngày ấy, anh không bao giờ nghĩ rằng sau này mình có thể bỏ nghề.

Bỏ nghề? Anh nhớ lại bốn năm trời qua dưới mái trường dậm đà những kỷ niệm đẹp đẽ. Bốn lớp học trò đã nối tiếp nhau qua cổng lớn, đến với trường đại học, đến với xã hội, với cuộc đời.

Bỏ nghề? Các em học trò của anh chắc sẽ cảm thấy nhiều mất mát. Tấm lòng các em đôn hậu và trong sáng ngần nào. Mới hôm qua đây thôi, khi anh vào lớp với một bàn tay xây xát vì chưa quen với việc đóng thùng mà anh nhận làm thêm, khuôn mặt non nớt của các em bỗng chùng lại, xa xót. Giờ học ấy, các em hết sức ngoan ngoãn và tích cực. Một cách chia sẻ vô cùng đằm thắm dễ thương, ngoài lòng anh mong ước.

Bỏ nghề? Các bạn đồng nghiệp của anh chắc chắn sẽ bị bất ngờ. Học kỳ I, sau khi dự tiết thao giảng, một chị bạn đồng nghiệp băn khoăn nhìn mãi vào cổ áo sờn, vụt hỏi anh:

– Giờ nào anh cũng dạy hết mình như thế hay sao? Sự tận tâm ấy có cái nghịch lý với cuộc sống của anh hiện giờ . . . tôi nghĩ như vậy.

Anh dừng sững lại một lát:

– Chị và tôi, tất cả chúng ta, các em học trò của chúng ta đều bị những khó khăn dè nặng trên mỗi cuộc đời. Cuộc hành trình mới của đất nước – chị và tôi cũng như mọi người đều đón nhận cái đáp số nghịch lý, không phải chờ khi bài toán giải xong, mà trong mỗi phút, mỗi giờ, có điều tôi tự nguyện với lòng là không để lạc bước chân mình. Tôi không nỡ đem những khó khăn của mình đến với lớp học khi các em cũng có những thiệt thòi riêng. Vả lại khi bước vào cửa lớp, dường như tôi quên đi tất cả, tôi chỉ nhớ rằng mình đang là người gieo hạt và các em học trò của mình sẽ làm nên những mùa gặt lớn.

Phải, hoàn cảnh của anh hình như đã lùi bước trước những đôi mắt học trò đăm đăm nhìn anh, thương yêu tin cậy. Bỏ nghề? Đâu chỉ là ý định của hôm qua, hôm nay. Đó đã là một ám ảnh đày vò anh nhiều tháng trời.

Bỏ nghề? Anh nhớ lại cử chỉ ân cần của người bạn học cũ, hiện giờ là tổ trưởng của tổ hợp sản xuất phụ tùng xe đạp, "Nếu cần, cậu cứ đến với mình, thu nhập khá lắm, vợ chồng mình bây giờ dỡ vất vả rồi, cuộc sống đã ổn định".

Bỏ nghề? Anh nhớ lại khuôn mặt cháy nắng của một người bạn học khác, "Xin lỗi, tao tiêu một ngày bằng cả tháng lương mày! Mày định bám theo cái nghề này đến bao giờ?"

Những câu trao đổi ngắn ngủi thế thôi, thế mà bao lần anh đã tưởng đời mình đã rẽ vào một khúc ngoặt mới dưới sức ép của những lời nói đầy hiệu lực đó, trước những khó khăn dồn dập.

Ý định bỏ nghề bây giờ không chỉ vì chọn lựa nhiệm vụ này hay nhiệm vụ khác. Đó đã là sự giằng co của nhiều cách sống.

Năm ngoái, khi vợ anh trở bệnh, nằm bệnh viện nhiều ngày và phải xin nghỉ dài hạn, kinh tế gia đình trở nên mối lo toan thường nhật, anh đã quyết định bỏ nghề. Buổi chiều trước khi gởi lá đơn xin nghỉ việc lên ban giám hiệu, anh ngồi chấm xấp bài tập làm văn số bốn cho học trò. Anh chấm thật kỹ trong tâm trạng bùi ngùi nghĩ rằng đây là lần chấm bài cuối cùng cho các em. Nhưng càng chấm, nỗi vui mừng về sự tiến bộ của các em đánh bạt đi tâm trạng bùi ngùi. Công sức của anh trong một học kỳ qua đã được các em thể hiện thật xứng đáng và vô cùng tế nhị. Ngay cả Ngọc Loan, cô học trò viết chính tả và ngữ pháp nặng nề trong bài viết số một bây giờ cũng đã có được lối hành văn sáng sủa. Lá đơn đó anh đã xé ngay vào buổi chiều hôm đó với cảm xúc phấn chấn cao độ.

Bỏ nghề? Quyết định ấy cho đến mãi hôm nay vẫn còn là một dự định. Khi thì buổi học cuối cùng – như anh tưởng – bỗng thật sống động. Lời giảng của anh có một đường bay hết sức nghệ thuật để đến với học trò và anh nhận được một "liên hệ ngược" như mong mỏi. Khi thì, những biểu hiện đậm đà của tình đồng nghiệp làm anh cảm kích sâu xa . . . Dự định bỏ nghề vẫn chỉ là một suy nghĩ day dứt nội tâm anh chứ chưa bao giờ được bày tỏ và càng về sau này, khi dự định đó trở lại anh càng bị dằn vặt sâu sắc và anh hiểu rằng mỗi ngày qua dưới mái trường này lòng yêu nghề của anh ngày một thiết tha hơn. Thật đau xót thay! Anh nghĩ, nếu anh không bị những khó khăn riêng và chung chi phối, hẳn không bao giờ lòng yêu nghề đó lại bị thử thách liên tục như những ngày tháng vừa qua. Mỗi lần xếp được dự định bỏ nghề đi là mỗi lần lòng anh reo vui dắc thắng. Những lần đó, trong tâm trạng một người tìm thấy lại hạnh phúc, anh vẫn thường tự nhủ lòng yêu văn học của anh trước đây chỉ ở mức độ ngưỡng mộ một nhan sắc; phải trải qua bao nhiêu khó khăn để lòng ngưỡng mộ ấy chuyển hóa thành tình yêu chân thật và chung thủy!

*

Vừa bước vào lớp anh đã thấy có cái gì bất ổn. Tiếng xì xào vẫn cứ nổi lên đầu anh đã đứng trên bục. Anh vẫy tay, ngồi vào ghế. Quanh dãy bàn đầu gần cửa ra vào, các em vẫn xôn xao bàn tán. Nhiều ánh mắt e ngại nhìn anh. Chắc chắn có chuyện gì đó không hay. Sao các em không nhanh chóng nói cho anh rõ?

Hường đã bước ra khỏi chỗ ngồi. Em dùng dằng một hồi lâu như không muốn nói.

– Thưa thầy . . . em mới mất cây viết máy.

Mặt em tái xanh đau khổ. Giọng nói run run. Anh thở sâu vào một cái, không nói năng gì. Mọi tiếng xì xào chìm xuống. Lớp im phăng phắc. Trên khuôn mặt của anh bây giờ có vẻ gì tuyệt vọng mà các em đã bắt gặp hồi ba Tuấn hớt hải tới trường báo tin Tuấn trốn học đi Đà Lạt; hồi Lan đem theo một tập giấy chằng chịt để quay trong giờ kiểm tra . . . Phải chi thầy có thể nói lên điều đó.

– Thưa thầy, em mới mất đây, hồi ra xếp hàng đầu giờ. Hường nói tiếp, giọng nói nghe cứ như lời nức nở.

Anh hiểu. Gia đình em nghèo, đông anh em. Cây bút đó ba em đã hết sức chắt chiu mới mua được để thưởng cho khi em thi đậu vào cấp ba. Ngày biết kết quả, em nôn nao ra cửa đợi ba về. Quái ác thay, mọi hôm ba về rất đúng giờ, còn hôm nay bóng tối đã buông xuống mà chưa thấy ba đâu. Mãi tám giờ tối, ba mới về tới. Thì ra, ba đã biết được kết quả và tan ca, ba đi thẳng xuống phố, mua thưởng cho em cây bút máy bấy lâu nay em mong ước. Khi ba mở rộng bàn tay to lớn, lấm lem dầu mỡ cho em thấy món quà, em xúc động rưng rưng nước mắt. Ba đã yêu thương và hy sinh cho con cái cả cuộc đời ba, cây bút ấy, với Hường, là một bảo vật. Trên trang báo tường viết về những kỷ niệm đẹp nhất, em đã viết về cây bút của ba cho.

– Thưa thầy . . .

Em bỗng run lên, không nói tiếp nữa. Em nghèo. Chưa bao giờ anh thấy em ăn một món quà gì trong giờ ra chơi. Nghèo nhưng gìn giữ mình từng li từng tí. Áo quần, sách vở phẳng phiu, sạch sẽ. Đi học đúng giờ. Bài vở đầy đủ. Hết sức gương mẫu.

– Thưa thầy, thầy cho em . . .

Em bậm môi lại, ngập ngừng. Cây bút của ba cho không lẽ không bao giờ em được cầm nó trên tay nữa sao? Em sẽ nói thế nào đây với ba mà chiều nay khi ba má đi làm về? Tại sao cây bút của em lại mất ngay trong lớp? Bạn bè em, từ đây, ba má sẽ nghĩ gì?

Em ngẩng đầu lên, quả quyết, nhưng ánh mắt thầy làm em chùng lại. Thầy hiểu cả. Dưới kia, những bạn bè em tỏ thái độ đồng tình. Có rất nhiều em hăng hái bỏ cặp lên bàn, nôn nóng được nói lên rằng mình thẳng thắn. Cây bút mới mất đây. Có thể ở một cái cặp nào trong lớp, nó đang sợ hãi nép sau những cuốn tập. Từ đầu năm đến giờ, lớp chưa hề bị mất cắp. Giá như bây giờ cây bút được tìm thấy trong cái cặp của một em học trò . . . Anh hình

dung học trò lấy cắp bị khám phá. Em sẽ cúi gằm xuống, mặt mũi đỏ bừng không dám nhìn ai để khỏi đối phó với những ánh mắt khinh bỉ. Em sẽ vênh váo, xấc xược cãi lại, giữ thái độ ngang bướng? Em sẽ tìm mọi cách biện hộ đối trá, gạt lường.

Anh nhìn em học trò đang đứng trước mặt. Khuôn mặt nhỏ nhắn chưa phai nét hoảng hốt. Bất giác anh đưa tay về túi áo, nơi có cây bút máy do lớp chủ nhiệm năm học đầu tiên anh về trường tặng anh ngày các em liên hoan ra trường. Anh rút cây bút ra, giữ lại trong tay một lát. Lớp chủ nhiệm của anh năm ấy chắc sẽ không buồn, không trách anh đâu. Người học trò của anh rất xứng đáng.

– Thầy cho em.

Hường lùi lại. Cây bút Pilot 57, màu cà phê sữa, xinh xắn. Cây bút này thầy đã soạn giáo án. Cây bút này thầy đã chấm bài cho em, sửa những chỗ sai, khen ngợi em những chỗ viết hay, viết đúng. Cây bút này có khác chi người bạn của thầy. Đôi khi, những đồ vật trên tay thầy vụt biến đi đâu mất, rất lâu mới trở lại: cái đồng hồ, cái nhẫn đeo ở ngón tay áp út . . . chớ cây bút này từ ngày học đến nay chưa bao giờ em thấy rời thầy. Nó theo thầy, gần gũi, thân thiết biết chừng nào. Không, sẽ không bao giờ em dám nhận.

Thầy vẫn đưa cây bút về tay em:

– Cây bút kia, ba cho em phải không? Thầy cho em cây bút này, em cứ coi như . . .

Thầy còn trẻ, trẻ hơn ba nhiều lắm, nhưng chưa bao giờ em làm trái ý thầy, cũng như ở nhà, em đoán trước ý muốn của ba. Em không thể nào . . . Em nhìn thầy. Thầy nhìn vào mắt em. Ánh mắt thầy như ánh mắt ba. Thương mến bao dung. Nước mắt bắt đầu rưng lên. Em muốn lắc đầu. Nhưng thầy đã đặt cây bút vào những ngón tay đang run rẩy của em. Em đi về chỗ. Tủi cực quá, em gục xuống bàn khóc lên nức nở.

Trên này, anh đã mở sổ kiểm tra bài. Bài tiết giảng văn, "Tầm nhìn xa" hôm ấy đã trở thành một trong những lần lên lớp thoải mái nhất của anh.

*

Anh về nhà muộn hơn thường lệ. Khi thấy vợ anh ra đón ngoài cửa có vẻ thư thái, lòng anh như nhẹ nhõm.

– Học trò đợi anh nãy giờ. Anh kéo ghế ngồi cạnh người học trò. Em nhìn dăm dăm xuống bàn. Em cao lớn là thế, bây giờ trông nhỏ bé hẳn đi. Tâm trạng nặng nề không chỉ để dấu ấn trên gương mặt bơ phờ mà còn hằn lên dáng điệu và cử chỉ. Em không nói và không nhìn anh. Nhưng phút im lặng lúc này đối với anh quý báu xiết bao. Em bỗng đưa tay nắm lấy tay anh. Cái táo bạo có thể hiểu được. Lòng bàn tay của em ướt đẫm mồ hôi. Em đứng lên và đến lúc đó em mới dám nhìn thầy. Đôi mắt con trai thường ngày lạnh lẽo, giờ này bỗng đỏ hoe lên khi nói mấy tiếng rất nhỏ mà rõ mồn một: "Em xin lỗi thầy". Anh đặt bàn tay của anh lên vai em nhẹ nhàng âu yếm. Bóng

em mất hút trên con đường đã bắt nắng hoàng hôn. Anh cúi xuống, trìu mến nhìn cây bút máy trên lòng bàn tay mình. Vài giờ, trước đây, cây bút đã bị hoen ố; và trên tay anh lúc này, vết hoen ố đã được gột rửa để cây bút hồi phục lại nét tinh khiết thường ngày. Sự tinh khiết trải qua thử thách càng sáng ngời và đẹp đẽ. Niềm vui cứ như đợt sóng trào dâng, lớn mạnh vỗ vào tâm hồn anh, làm mềm mại những góc cạnh mới đây thôi đã làm anh nhức nhối.

Con đường trong nắng chiều đi xuống như bỗng rực sáng hẳn lên. Trên con đường ấy, em học trò của anh đang trở về nhà, đang muốn khóc, đang muốn mỉm cười, đang muốn xúc động đến nghẹn ngào như anh bây giờ. Cái bục giảng, chỉ trong khoảnh khắc thôi, anh hiểu rằng sẽ là nơi khám phá vô tận về lòng trân trọng và yêu mến con người. □

LƯU HY LẠC

giữa đêm

Khuya dạm hồi cửi mười phương
Lòng chưng hửng mọi phía giường mắt nhìn
Thê thiếp chảy nước ân tình
Lội đuổi bắt chỉ ảnh hình hư không
Gọi giựt giọng ngập mặt sông
Lũ lụt cuốn mất dấu đồng quạnh mơ
Nhốn nháo ở ngõ ngách, bờ
Bật dựng dậy mở ơ hờ thịt da.

không đề

(Gửi TPK)

Ngó về như thể lưt hưt
Giữa gang tấc mà rợn tứ lự người
Mặt âm hồn mở mắt cười
Đợi tối bủa chụp bóng đời trầm luân
Có chăng đôi chữ gian truân
Mới hôm sớm nhuốm buộc hằn đời đau . . .

LUÂN HOÁN

một chút buồn bỗng dưng

bài một

ngoảnh lại một đời bát ngát thơ
đời ta lộng lẫy quá không ngờ
cảm ơn thiên địa cho ta thở
cảm tạ giai nhân dạy ước mơ

ta đã yêu em đến thế à?
lòng ta em còn hiểu hơn ta
lâu nay cứ tưởng mình vay mượn
một chút tình em để thở ra

chợt biết rằng em quí hơn thơ
chợt hay ta sống đến bây giờ
chẳng qua là để làm thi sĩ
trau chuốt em thành những áng thơ

tội lỗi này đây sám hối chăng?
bao nhiêu kinh kệ chắc không bằng
thả rơi thân xác vào cát bụi
trần trọc làm chi nữa ánh trăng!

ta đã về sai chỗ ta đi
hỡn đâu linh hiển mà em quì
câu thơ tuyệt mệnh không đành viết
em thử coi giùm trên khóe mi

à thế . . . là em cũng còn yêu
lòng ta sung sướng biết bao nhiêu
một giây ảo tưởng hồn siêu thoát
đừng khóc thầm em, chỉ bấy nhiêu . . .

bài hai

cứ tưởng rằng tôi đang tiễn người
bước năm mươi bước lại quay lui
quẩn quanh phòng khách xoay vào bếp
bước mỏi không qua nổi ngậm ngùi

người đã đi rồi, chắc thảnh thơi
ta chừng như thấy trên vành môi
vết răng ghìm giữ dòng hận tủi
vừa rớt vào tim ta đó thôi

ôi lệ của người hay của ta
hình như cũng ngần đó xót xa
xin người cho phép ta nâng bút
sao khựng tay vì người hay ta?

thôi thế đành thôi, bất lực thôi
tưởng thơ thay đất tiễn chân người
nhói lòng hiểu rõ từng hồn chữ
không cõng giùm nhau cạn hết lời

thôi thế đành thôi, bất lực thôi
bước năm mươi bước lại quay lui
tiễn người chỉ ngộ chân ta bước
quanh quẩn buồn theo một kiếp người

THẾ UYÊN

những du ký của tương lai

điểm sách

Từ nhiều năm, tại hải ngoại, hồi ký là một trong những thể văn được sử dụng nhiều. Cả một quốc gia đã tiêu tùng ở Đông Nam Á đâu phải là chuyện nhỏ, do đó từ cấp lãnh đạo đến thường dân – chưa kể những nhà báo nhà văn – thiếu gì điều để ghi lại, phổ biến cho nhau biết, và để lại chứng từ cho thế hệ sau. Nhưng dù do ai viết chăng nữa, thể văn hồi ký, như tên gọi của nó, vẫn là chuyện hướng về quá khứ và của quá khứ. Đọc những cuốn sách này, cùng lắm là độc giả rút ra được một số kinh nghiệm nào đó về lịch sử.

Nhưng vấn đề là *Việt Nam bây giờ* và Việt Nam tương lai sẽ ra sao? Người đọc gốc Việt hải ngoại từ nhiều năm thường chỉ tìm hiểu được những vấn đề này qua những ký giả báo chí, vô tuyến truyền hình, các nhà sưu khảo . . . không phải là Việt Nam mà thôi. Ít có báo chí, hội đoàn đoàn thể nào của người Việt cử người về tận nội địa để tìm hiểu mọi vấn đề. Bởi thế có sự mỉa mai đâu đây là làm người Việt hải ngoại mà cứ phải tìm hiểu các vấn đề của đất nước mình xuyên qua cái nhìn của người ngoài.

Phải đợi sang thập niên 90, với tình hình thế giới đổi thay, sự đối nghịch Nga-Mỹ không còn, chúng ta mới thấy xuất hiện một thế hệ mới, tinh thần mới, thay thế cho "thế hệ nội chiến" và tinh thần cũ của chiến tranh lạnh. Những người viết có tinh thần mới và thế hệ trẻ hơn này biết hưởng tự do và cư xử như người tự do hơn nhiều. Họ đi đây đi đó, đi Đông Âu như Phạm Quốc Bảo, đi Nga như Đinh Quang Anh Thái . . . và dĩ nhiên họ không ngại gì mà không về thăm quê hương cũ Việt Nam. Những du ký về những nước Cộng sản của Đông Âu cũng như về chính Việt Nam, lần này do người Việt viết, mỗi ngày xuất hiện mỗi nhiều.

Nhưng in thành sách, về Việt Nam, viết có nhận xét chu đáo với suy tưởng đáng kể, mới có được hai người. Đó là Bùi Đông Triều và Nguyễn Quốc Cường. Hai người này đều không phải là nhà văn nhà báo, họ chỉ là những chuyên viên kinh tế mà thôi. Không làm chính trị do đó không bị lập trường chính trị nào bóp méo cái nhìn của mình, hai người này đã không những cung cấp được cho độc giả gốc Việt hải ngoại những ghi nhận về Việt Nam hiện tại, mà còn đưa ra được những suy nghĩ, dự đoán cho Việt Nam tương lai.

*

NGƯỢC GIÒNG CỬU LONG của Nguyễn Quốc Cường

Ngược Giòng Cửu Long, Ký Sự Một Chuyến Đi *của Nguyễn Quốc Cường, không đề tên nhà xuất bản, xuất bản tại Houston, Texas, USA, 1992. Sách 110 trang, hình bìa của Trần Cao Lĩnh, không đề giá bán cũng như không ghi địa chỉ phát hành.*

Mở cuốn du ký ra, độc giả nên lướt qua phần "Mở đầu" bởi vì tác giả dùng phần này lo rào trước đón sau, chắc là để đề phòng nhỡ có ai chụp nón cối sau này – mặc dù bản thân tác giả đã từng là cựu sĩ quan bộ binh của quân lực miền Nam xưa kia.

Nhưng đến trang 7, tác giả đã dám đi một đường "ta cứ là ta" để nhận xét như thế này về quyết định đi Việt Nam của mình: "*Tại sao họ* (những ký giả, cựu chiến binh Mỹ) *về được mà mình lại không dám về? Đáng lẽ họ phải là những người có một lòng hận thù hơn chúng ta, vì không có một mối tình tự dân tộc, tuy vậy, tại sao họ tự cho họ cái quyền thăm thú và bàn tán về đất nước tôi, dân tộc tôi? Tại sao họ tại tự cho họ cái quyền có một thái độ rộng lượng, trong khi chính tôi lại đi phủ nhận cái quyền đó của mình?*"

Đã nghĩ như thế thì tác giả đi thôi. Và ghi lại những nhận xét và cảm nghĩ, về Việt Nam hiện tại, về cả quá khứ nữa.

Riêng về nhận xét về quá khứ, Nguyễn Quốc Cường đã độc đáo ở điểm chiếu cái nhìn của chuyên viên kinh tế vào vấn đề nguyên nhân đưa đến thắng bại của hai miền Nam Bắc trước đây:

"*Vào khoảng thời gian đó, miền Bắc đã không còn nghĩ đến việc bảo tồn sức sống của dân tộc và đã dồn toàn lực vào việc xâm chiếm và tận diệt miền Nam. Trong khi đó, chiến lược chống đỡ của miền Nam cũng dựa đến việc dồn mọi phương tiện nhân sự vào chiến cuộc, thiếu một chính sách nhân dụng đứng đắn và hợp lý để bảo tồn tài nguyên và nhân lực quốc gia. Đảng Ka-ki đã tràn ngập và chằng chịt trong mọi cơ cấu và hệ thống. Những sự bổ nhiệm quân nhân vào mọi ngành, mọi cơ quan, quy chế ngầm đặc quyền đặc lợi lan tràn, dựa đến tình trạng tê liệt những hoạt động của chính phủ trong những lãnh vực ngoại giao, thông tin, phát triển, đưa uy tín miền Nam đến một cấp độ yếu kém thê thảm. Chính phủ và dư luận quần chúng tại những nước Tây phương, đáng lẽ phải thuận lợi cho miền Nam Tự do, thì phần đông lại tỏ ra khinh miệt, khiến cho những tầng lớp sinh viên Việt Nam du học tại đó trở nên hổ thẹn với*

sự liên hệ với miền Nam, và khi họ lên tiếng chỉ trích thì thường bị chính quyền vơ đũa cả nắm và coi tất cả là "thiên tả", "Cộng sản". Trong khi đó thì chế độ quân dịch mãn dời đã đưa những tinh túy của dân tộc vào vòng lửa đạn . . ." (trang 33-34)

Tuy có cái nhìn quá khứ như trên, Nguyễn Quốc Cường không để quá khứ ám ảnh và chi phối tương lai. Anh viết: "*. . . Tôi thừa biết rằng không thể, và cũng không nên, luyến tiếc những gì đã qua và không bao giờ trở lại. Chỉ bằng hãy nghĩ đến những gì mọi người có thể đóng góp được vào việc gây dựng tương lai, trong những điều kiện và hoàn cảnh hiện tại, và vĩnh viễn đóng trang sử đó lại, đồng thời hy vọng rằng những kinh nghiệm đau thương trong quá khứ sẽ khai phóng lòng người, để cho những trang sử mới không còn chứa đựng những đổ vỡ*". (trang 42)

Với "*một lòng người*" đã được "*khai phóng*" như thế (chữ của chính tác giả), Nguyễn Quốc Cường đi trên mọi nẻo đường, mọi phố phường của Việt Nam, và đã nhìn thấy nghe thấy và có những nhận định khá chính xác về mọi vấn đề của Việt Nam cuối thế kỷ 20. Dưới đây người điểm sách chỉ nêu lên vài mục chính, về những vấn đề người Việt hải ngoại đang quan tâm nhất.

Về thế hệ nội chiến và thế hệ hậu chiến: Nguyễn Quốc Cường đã đưa ra nhận định căn bản sau: "*Nếu cả hai bên (Quốc và Cộng) vẫn tiếp tục giữ một thái độ quy trách tập thể như trên thì, chẳng lẽ, mối thù thuở nào sẽ phải tiếp tục lưu truyền qua bao nhiêu thế hệ? Mặt khác, những thế hệ hậu sinh có sẵn sàng chấp nhận nuôi dưỡng một mặc cảm hận thù hoặc tội lỗi cha truyền con nối không? Tôi vẫn nghĩ là không, và ý tưởng này đã được kiểm chứng, một phần nào, qua những câu chuyện của tôi với những thế hệ ở Việt Nam*". (trang 44-45)

Tác giả cho biết trong những trang kế tiếp tâm trạng của thế hệ hậu chiến tại Việt Nam. Đối với con cháu các đảng viên Cộng sản kỳ cựu, lớp này mặc dù phê phán nặng lời lỗi lầm của đảng trong quá khứ, nhưng chỉ đòi hỏi cha chú trao quyền lãnh đạo về kinh tế lại cho mình mà thôi. Đối với lớp trẻ ngoài đảng, dù họ có tốt nghiệp từ các nước Đông Âu và Liên Sô cũ chăng nữa, nguyện ước của họ về tương lai vẫn không bao gồm mục lật đổ đảng, phá hủy chế độ. Lý do vì:

"*Mặc dù những người trẻ mà tôi đã gặp và nói chuyện, cũng có thể được coi như những thành phần cấp tiến, nhưng dầu sao, họ cũng thuộc thành phần thống trị, cho nên không tránh khỏi khuynh hướng thiên về sự bảo vệ những định chế, và tỏ ra không muốn cổ võ cho những trào lưu cải tổ sâu rộng, mà họ cho là có thể dưa đến những sự xáo trộn khó kiểm soát. Đó cũng là một quan điểm thận trọng để giải thích, vì những xáo trộn ở Đông Âu, ngoài việc dưa đến sự hỗn loạn xã hội, còn làm tiêu hủy tất cả những tầng lớp được ưu đãi, trong đó có họ. Có lẽ chính điểm tâm lý cấm cản đó đã làm cho những thành phần trẻ cấp tiến sẵn sàng nhượng bộ phe bảo thủ và chấp nhận những hạn chế cởi mở chính trị*". (trang 50-51)

Nguyễn Quốc Cường cũng nhận xét khá sâu sắc về thái độ của thành phần dân "Ngụy" cũ. Đối với những người thuộc diện được phép ra đi, diện đoàn tụ gia đình hay H.O., thì co cụm lại tránh mọi phiền nhiễu, để cho chuyến đi sau này của mình được an toàn. Còn đối với đại đa số, do chính sách đổi mới, đã dễ thở hơn trước nhiều nên đã có thái độ thỏa hiệp trên thực tế. Thái độ này thật dễ hiểu và Nguyễn Quốc Cường đã diễn tả bằng những hình ảnh khá sống động như sau:

"*Họ như những người đang từ một nồi nước sôi, nay được thả vào một nồi nước, tuy trong thực tế, vẫn còn nóng, nhưng, đối với họ, cũng đã đem lại một cảm giác tương đối mát mẻ, dễ chịu hơn trước. Cũng chính vì lý do đó, mà những người còn ở lại đều thực sự muốn tận dụng những cởi mở kinh tế để tạo dựng cho mình một vị thế tương đối vững chắc và an toàn*". (trang 53)

Vấn đề tồn vong của chế độ Cộng sản Việt Nam: Nhiều người Việt hải ngoại thường bị ám ảnh bởi câu hỏi sau: Liệu chế độ Cộng sản cổ lỗ sĩ này còn tồn tại bao lâu nữa? Có cơ may nào lật đổ chế độ đó không? Nguyễn Quốc Cường đã giải đáp như sau:

"*Trừ phi nhà nước Cộng sản trở lại một chính sách hà khắc và cấm đoán những quyền tự do buôn bán, thì những sự bất mãn của dân chúng sẽ chỉ ở mức độ chỉ trích, ta thán và châm chọc, và khó có thể trở thành những mầm mống nội loạn*". (trang 51)

Vấn đề dân chủ: Nguyễn Quốc Cường là một chuyên viên kinh tế, về Việt Nam để khảo sát thị trường cho ngành hàng không . . . ngoại quốc, vậy mà anh lại có những nhận xét tới nơi tới chốn về vấn đề dân chủ tại Việt Nam, xưa cũng như nay, trong cuốn sách có số trang khiêm tốn này. Cách nhìn của anh, lối phân tích của anh, là của một trí thức ngay thẳng và sáng suốt nữa.

Trong phần "Tổng kết một chuyến đi", tác giả đã viết ra nhiều đoạn rất văn chương về bút pháp, và rất tình người về nội dung, thí dụ như đoạn sau:

"*Nếu tôi là nhà tu hành, thì tôi sẽ không thể cầm được lòng từ tâm, và sẽ phải nghĩ đến những cách cứu giúp những đứa trẻ ăn mày hoạn nạn nói trên. Nếu tôi là người y sĩ, thì tôi không khỏi bị ám ảnh bởi những đau đớn của nhân loại, nhất là nếu phần nhân loại đó lại là những người cùng dòng máu với tôi. Nếu tôi là một nhà giáo, thì tôi sẽ phải băn khoăn, và tìm cách cứu vớt những đầu non vô tội để đem chúng ra khỏi cảnh tối tăm của trí óc. Nếu tôi chỉ là con người đứng trước những cảnh khổ của con người, liệu tôi có thể kìm hãm được cảm xúc hay không? Liệu tôi có để cho những ràng buộc hoặc ám ảnh của quá khứ vây hãm và chận bước chân tôi?*". (trang 93-94)

Câu hỏi tác giả nêu lên trên đây là một vấn đề lớn, một vấn nạn cho lương tâm mỗi con người Việt hải ngoại, dù họ trước đây đã rời Việt Nam vào thời điểm nào và với tư cách gì. Nhưng dù cách trả lời của mọi người có thể khác nhau, đưa đến những thái độ và hành động khác nhau, nhưng họ sẽ ít hay nhiều lâm vào tâm trạng mà tác giả miêu tả giản dị như sau, ở phần cuối cuốn sách ngắn trang nhưng nhiều ý này:

"Tôi về để thấy một quê hương xa lạ, một dân tộc không còn là của tôi, vì tôi đã có những gắn bó khác. Dù cho tôi có nói cùng ngôn ngữ với họ, nhưng tôi cũng vẫn cảm thấy những cách biệt nào đó giữa họ và tôi... Đất nước Việt của tôi, ngày nay, đối với tôi, đã trở thành quê ngoại, *một nơi tôi sẽ tiếp tục tới thăm, và khi xa cách, tôi sẽ luôn luôn mong nhớ".*

"Nhưng tôi sẽ không trở về".

*

CON ĐƯỜNG CÁI QUAN CỦA ĐỆ TAM THẾ GIỚI của Bùi Đông Triều

Con Đường Cái Quan Của Đệ Tam Thế Giới, *Bút ký của Bùi Đông Triều, do T&D Associates xuất bản, Virginia, USA, 1992. Trần Văn Thế trình bày, phụ bản của chính tác giả, 162 trang, giá đề US$10.00. Địa chỉ phát hành: 644 University Blvd. East, Silver Spring, MD 20901, USA.*

Nếu lùi ra xa một chút mà nhìn lại, chúng ta dễ thấy một đặc tính của nền văn học Việt Nam hải ngoại trong gần hai thập niên vừa qua. Đó là *Buồn*. Là *Nghiêm Túc*. Là *Ưu Thời Mẫn Thế*... Lược một vòng quanh báo chí hải ngoại từ 75 tới nay, ít thấy có mục khôi hài, châm biếm.

Kiểm điểm những người cầm bút, hầu hết đều viết nghiêm túc, làm thơ buồn hiu. Mãi những năm gần đây chúng ta mới thấy xuất hiện một vài người viết vui (và dĩ nhiên hay nữa) như Vũ Huy Quang, Bùi Bảo trúc, Đỗ Kh... Vấn đề đặt ra là: sự thực cộng đồng Việt hải ngoại nói chung có phải là một cộng đồng buồn thiu, tối ngày than thở theo cái kiểu: *"Khô héo lá gan cây đinh Ngự, Buồn vui giọt lệ nước sông Hương"* hay không? Câu trả lời, đối với tuyệt đại đa số, sẽ là không. Nếu bị hỏi cho rõ thêm, thì câu trả lời sẽ đại khái là "Cuộc đời có buồn nhưng cũng có vui".

Trong khi chờ đợi những chủ biên các báo, các người cầm viết đủ loại phản ảnh trung thực hơn nữa cuộc sống hải ngoại – nghĩa là gồm cả buồn lẫn vui – thì cuốn bút ký *Con Đường Cái Quan của Đệ Tam Thế Giới* của Bùi Đông Triều vẫn dễ nổi bật về đặc tính thứ nhất của nó, là vui và lạc quan. Tính chất vui, lạc quan này biểu lộ ngay từ lối chọn hình minh để đăng ở bìa chót: Bùi Đông Triều khoanh tay mà cười – chứ không chọn hình nghiêm trang như đa số các tác giả khác. Như vậy chưa đủ. Mở sách đến trang 3 đã thấy tác giả để cả trang cho lời trích dẫn sau: *"Nụ cười là ký hiệu của sự đau khổ... đã vượt giai đoạn của nước mắt"*. (Và tác giả cũng vui tính đến độ không buồn chú giải câu nói này là của ai nữa! Ai mà chịu khó đọc đến trang 147 mới hân hạnh được biết đó là một ông triết gia Hegel nổi tiếng vì viết lách rất là nhức đầu).

Vốn là một chuyên viên, có dùng chữ thượng thặng cũng không sai lắm, về kinh tế, Bùi Đông Triều đã mang cái tài kinh bang tế thế của mình đi phục vụ khắp thiên hạ, từ Mỹ, Pháp, các nước Tây Phi tới Mã đảo, và Lào nữa. Anh đã đặt bước chân tứ hải giai huynh đệ ấy đến Thái, và dĩ nhiên... cả Việt Nam nữa. Hậu quả là, như chính anh đã thú nhận:

"*Tôi đã bước chân trên những con đường đa dạng. Có đối tượng* (các nền văn hóa các nước dị biệt anh đã sống) *để phân bì, nên lúng túng trong việc lựa chọn phương cách khẳng định sự hiện hữu của mình*". (trang 23)

Mang "vấn nạn" ấy ra hỏi vợ thì *bị nàng mắng liền: "Anh thật gàn dở, ấm ớ! Cỏ mọc dầy sân không chịu cắt. Con khóc không chịu dỗ, cứ ngồi đó làm ông đồ gàn mãi." Tuy vậy, sau đó nàng cũng góp ý: "Trước khi anh đòi 'chọn' nước Mỹ, thử hỏi dân Mỹ có 'chọn' anh không đã nào?" Trước lời phán truyền như vậy của vợ, Bùi Đồng Triều đã thoải mái kết luận: "Vợ mình thì đương nhiên có lý rồi. Và cũng rất tình nữa chứ*". (trang 15-16)

Ở nơi anh có một sự ngay thẳng, như Trần Tế Xương, Hồ Xuân Hương thuở trước (nghĩa là không ngại nói tới chuyện *sex* với một nụ cười đâu đó). Khi đến Tây Phi phục vụ, thấy toàn phụ nữ đen thùi lùi, anh mất tinh thần thấy rõ. Nhưng rồi:

"*Hồi mới bước chân đến Phi châu, tôi nhìn quanh mình rồi tự nhủ sẽ đi tu. Chẳng phải khó khăn gì, hoặc khinh rẻ ai. Chỉ tại mình không quen mắt mà thôi! Một tháng sau, ra đường thấy mấy bóng đen cũng không đến nỗi nào. Ở thêm hai tháng nữa, lại thấy họ duyên dáng, hàm răng cười trắng ra phết. Cho tới khi tu được sáu tháng thì thấy ai cũng đẹp hết . . . Để rồi vui vẻ đi đến kết luận buồn bã rằng mình thật không có căn cốt tu đắc đạo!*". (trang 20)

Trong thời gian ở Bangkok, anh tình cờ gặp một cô gái đẹp như mơ, kích tấc lý tưởng. Anh tán, mời về phòng và: "*Rồi tôi ngắm cặp dùi dài như dòng Cửu Long, và trắng như dải Ngân hà của cô mà thấy nổi máu nóng, muốn làm nhà thám hiểm đi lên tận nguồn sông. Cô gái mắc cỡ, má đỏ ửng như mận Chiang Mai, cứ khư khư ngồi gác chân chữ ngũ . . . như bụi giữ oản! Thôi dời, của gì càng che giấu lại càng nhiều cám dỗ, tôi dành nài nỉ. Nhẫn nại nài nỉ . . . Nhà thám hiểm tới được đích, chưa kịp ca khúc ca chiến thắng, đã khám phá ra . . . có cả cây cổ thụ chắn ngang dòng suối! Tôi tỉnh hẳn rượu, tỉnh hẳn cơn mê . . . Hóa ra cô gái này là một Cậu Gái! Tôi vội vã mời cậu xuống nhà . . .*" (trang 137-138). (Xin chú giải: Cậu Gái, người Mỹ thường gọi là *She-Male*, không phải là người lại cái mà là một phụ nữ có đủ vóc dáng nữ, kể cả bộ ngực. Chỉ có cơ phận sinh dục lại là của nam nhi bình thường).

Nếu Bùi Đồng Triều ngưng câu chuyện kể ở đoạn trên thì anh cũng . . . thường thôi! Nhưng tác giả đã xứng mặt nam nhân quen thói giang hồ vùng vẫy, bằng cách viết thêm như sau: "*Sau đó tôi trằn trọc, không hiểu sao cậu gái lại có một nhan sắc quyến rũ đến như vậy. Rồi nhớ tới một đoạn văn của André Gide:* "Phải tận hưởng mọi khía cạnh của cuộc sống!" *tôi bỗng tìm ra chân lý, vùng dậy, chạy như bay xuống nhà, cốt sao kiếm lại cậu gái . . . Than ôi, cậu đã mất dạng rồi. Xin dành lỗi hẹn cùng ông Gide!*"

Bùi Đồng Triều cũng kể lại cho chúng ta về những người Việt độc đáo mà anh đã gặp ở những xứ xa xôi ấy: Một phụ nữ giàu có làm chủ động điếm ở Bangkok vốn gốc Huế học Couvent des Oiseaux; bà Tàu chủ tiệm cơm ta ở Côte d'Ivoire đã lấy Tây, lấy Ta, lấy Mỹ, lấy Tây đen già rồi sau cùng lấy

Tây đen trẻ xứ này; một phụ nữ Bắc mặc áo tứ thân bán hàng giữa chợ xứ Niger (bà đi quá lâu nên tưởng phụ nữ Việt Nam còn ăn mặc như vậy); ông nhà nho tân thời uống Chivas ôm gái tơ xứ Kenya; cô vũ công xinh đẹp đa tình ở Madagascar (xuất thân bán thuốc lá lẻ trên vỉa hè thành phố Hồ Chí Minh); ông cư sĩ Phật giáo ở Liberia mong hoằng dương Phật pháp bằng cách sáng chế ra tràng hạt có năm hột thôi (để khế cơ khế hợp với dân bản địa vốn hơi kém toán!)

Nhưng dĩ nhiên Bùi Đông Triều viết sách không cốt chỉ để kể chuyện đường xa xứ lạ cho bà con nghe. Khi chọn nhan đề *Con Đường Cái Quan của Đệ Tam Thế Giới*, anh đã bộc lộ nguyện ước muốn đi tìm một đường lối kinh tế chính trị tốt nhất cho những nước Á Phi mới độc lập sau đệ II thế chiến, đặc biệt là cho Việt Nam.

Vấn đề đầu tiên anh cố giải quyết là độc lập hoàn toàn về chính trị có là chìa khóa cho phát triển kinh tế hay không. Và bài học thứ hai là bài học ngược anh đã tìm thấy ở xứ Côte d'Ivoire. Lãnh đạo xứ này sau khi độc lập đã không thực hiện thứ độc lập chính trị toàn diện, mà mời chuyên viên Pháp ở lại giữ mọi chức vụ lớn và trung cấp trong chính quyền, thậm chí cho Pháp để cả một trung đoàn ở lại. Hậu quả là đất nước này phát triển nhanh, thủ đô hào nhoáng xa hoa không thẹn với năm châu bốn biển. Làm Bùi Đông Triều phải nhận xét như sau:

"*Dù biết xứ [Côte d'Ivoire] vẫn còn mắc trong vòng kềm tỏa của cựu mẫu quốc [Pháp] song thực tế là người nông dân, người lao động Ivoirien đã được hưởng thái bình, gia đình không tan nát vì bom đạn, không mắc thảm cảnh chia ly, kẻ đi người ở lại. Lại có mức lợi tức bình quân cao gấp năm lần lợi tức người nông dân, người lao động Việt. Tôi tự hỏi tranh đấu chính trị nhằm mục đích lấy lại chủ quyền hay là làm cho dân giàu. Độc lập mà nghèo hèn, hoặc nô lệ mà trù phú, thì con đường nào ít cay đắng, ít tủi hổ hơn? Nghĩ mãi cũng chưa thấy có câu trả lời nào thỏa đáng*". (trang 42)

Bùi Đông Triều đặt câu hỏi như trên là để dẫn tới những vấn đề khác, chứ tác giả đư biết là dân Việt vốn quen "thà chết chứ không làm nô lệ" từ lâu rồi. Bởi thế anh phóng tầm nhìn về các nước Đông Á và Đông Nam Á để coi những quốc gia cùng hoàn cảnh với Việt Nam đã giải quyết vấn đề chủ quyền chính trị và phát triển kinh tế quốc dân ra làm sao. Với tư cách một chuyên viên đi làm cố vấn kinh tế cho nhiều nước khác nhau, anh tóm lược rất hay tương quan giữa chủ quyền chính trị và viện trợ cùng đầu tư của ngoại quốc như sau:

"*Đến giờ này, các nước châu Phi (và một số nước ở Á châu nữa) vẫn còn trong vòng kềm tỏa kinh tế lẫn chính trị của Âu Mỹ.*

Phương tiện kềm chế cũng nhiều. Trước hết phải kể đến chính sách Viện Trợ. Mục đích của viện trợ là giúp cho các nước nhược tiểu có vốn để phát triển nền kinh tế bản xứ. Giúp vốn bằng cách cho vay tiền với lãi xuất thấp, hoặc cho không. Viện trợ có thể theo dạng song phương: nước tiên tiến trực

tiếp cho tiểu quốc vay. Hoặc viện trợ qua các cơ quan quốc tế (như Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế) theo dạng đa phương. Song chính sách viện trợ – dù song phương hay đa phương – luôn luôn có những điều kiện đính kèm. Chẳng hạn như phải mua thiết bị, dụng cụ của nước viện trợ sản xuất . . . Hoặc phải thuê chuyên viên do cơ quan viện trợ chỉ định. Trừ qua trừ lại, số tiền viện trợ thực sự tới tay người nhận bị thuyên giảm rất nhiều.

Chính sách viện trợ song phương của nước tiên tiến cũng nhằm củng cố quyền lợi của chính mình trước đã. Hãy nghe ông Chester Crocker, một nhân viên cao cấp của chính quyền Reagan luận về đề tài trên:

"Chính sách viện trợ song phương của chúng tôi hướng về những lãnh vực nào có lợi cho chúng tôi, và sẽ được dùng để thúc đẩy chính quyền bản xứ thay đổi chính sách hầu đem lại lợi ích cho thành phần tư nhân tại bản xứ và tại nước ngoài (Mỹ quốc)" (Báo *South*, số tháng 11-1981, bài của D. Peiris).

Lâu lâu nước đàn anh lại dọa dẫm cắt viện trợ để làm áp lực chính trị với chính quyền bản xứ, bắt thay chính sách này, đổi chính sách kia!

Trong lúc đó, các chuyên gia lại đề ra thuyết "Phân công quốc tế", khuyên nhủ tiểu quốc nên chuyên về những ngành sản xuất, những hoạt động cần nhiều nhân công và kỹ thuật thấp . . . như ngành nông chẳng hạn! Lý thuyết thì thật chỉnh, nhưng trên thực tế đã "lệ thuộc hóa" nền kinh tế tiểu quốc: buộc tiểu quốc vào vai trò cung cấp nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp, và biến tiểu quốc thành thị trường tiêu thụ sản phẩm kỹ nghệ của nước tiên tiến. Sự liên hệ trên tương tự như liên hệ mẫu quốc và các thuộc địa hồi thế kỷ 19!

Sau chót, những vị cố vấn Âu Mỹ tại Phi châu cũng có thể coi như phương cách trực tiếp để "giám sát" các nước bản xứ". (trang 73-76)

Đó là một mô tả chính xác và thực tế. Nhưng là về phía chính quyền giàu mạnh của các nước Âu-Mỹ, Nhật. Còn các chính quyền các nước nhỏ chậm tiến đối phó (và sử dụng) ra sao đối với chính sách trên, thì mỗi nước một khác. Bùi Đông Triều đã dành nhiều trang sách để cho chúng ta biết rằng: Có những nước may mắn có thành phần lãnh đạo sáng suốt và giỏi, thí dụ như Nam Hàn, Đài Loan, Singapore thì đã thành công trong việc nương tựa vào vốn liếng đầu tư và nhân tài các nước lớn để phát triển thành công đất nước mình. Có những nước bất hạnh có lãnh đạo tồi, kém sáng suốt, thí dụ như Phi Luật Tân thì đất nước nợ đìa ra mà mức sống của dân vẫn không khá. Có những nước đã chọn "con đường tắt" như Thái Lan, nương dựa tối đa vào vốn liếng và chuyên viên Nhật, nhưng vì quên không áp dụng những cải cách xã hội kèm với phát triển kinh tế, nên sự thịnh vượng chỉ tập trung trong các thành phố và cho giai cấp thượng lưu. Hậu quả là Thái Lan lâm vào thế chông chênh về cả kinh tế lẫn chính trị nội bộ. *"Xét cho cùng, ánh đèn của ngọn hải đăng Vọng Các chưa phải là ánh đèn có đủ sức soi hướng đi tương lai cho các nước Đông Dương"*. (trang 131)

Bùi Đông Triều cũng đúc kết kinh nghiệm bao năm mang tài đi "làm giúp" cho bao nhiêu nước Á-Phi, như sau:

"Có rõ dã tâm của ngoại nhân, song ngửa tay nhận viện trợ chưa chắc đã là điều quấy, nếu biết dùng vốn viện trợ cho đúng cách. Nghĩ cho cùng, điều quan trọng là nên thực tế! Biết tránh những chiêu bài, những khẩu hiệu trống rỗng... Có hào khí ngất trời, tất sẽ không chịu quỵ luỵ ngoại bang. Nhưng rồi lấy đâu ra vốn để phát triển đất nước?

Ngày nay nước nhược tiểu muốn tiến, cần đến khối óc thương nhân, chẳng cần tới hào khí của chàng Kinh Kha!" (trang 90)

Sau cùng, sau khi làm cố vấn kỹ thuật cho chính phủ Lào, Bùi Đông Triều cũng trở về thăm Việt Nam năm 1991. Suốt cả cuốn sách, đến bây giờ mới thấy tác giả có giọng buồn rầu, bởi vì: *"Trở về quê hương, chỉ thấy nước Việt có tên trong sổ đoạn trường thế giới. Đổ nát và điêu tàn, thua thiệt những nước lân bang. Quê hương với muôn vàn khó khăn. Trên đủ mọi phương diện..."* (trang 160)

Bùi Đông Triều mất vui vì còn chính nhận định sau của mình:

"Ngày nay, sự lựa chọn của tiểu quốc trở nên phũ phàng hơn: giữ chủ quyền kinh tế, nhưng trong cảnh đói rách, hoặc chấp nhận ảnh hưởng của cường quốc, với hy vọng người dân đủ ấm no... Con đường Cái Quan của Đệ Tam Thế Giới *đã trở thành đường mòn khúc khuỷu của thế thăng bằng bấp bênh giữa sự thịnh vượng trong vòng lệ thuộc, và nền độc lập trong cảnh túng quẫn".* (trang 153). □

HOÀNG CHÍNH

tội tôi, hạt cát sông hằng

Vén lên
gió gọi tôi về
áo đôi tà vướng cái thề hẹn xưa
Mở he hé cái đong đưa
diều tôi lộng gió, không ngờ đứt dây
Sợi mềm
nắng vướng trên cây
phất phơ giữa chốn đầy đầy, căng căng.

Tội tôi, hạt cát sông Hằng
toàn ôm ngực rỗng
ho khan giữa đời.

MAI KIM NGỌC

chị em

truyện dài

CHƯƠNG BỐN

NHỮNG VẾT CHÂN CHIM

11.

"Mình sắp tới rồi," Tâm nói. Cô giật mình quay sang bên thấy em đang gọn gàng đưa xe ra khỏi xa lộ. Cô mỉm cười nghĩ chỉ ít phút nữa là cô gặp Lương. Bao nhiêu gian truân cũ bỗng không còn quan trọng nữa. Lương vẫn yêu cô, chính Tâm đã nói với cô như vậy. Tương lai quang đãng thoải mái, và không còn gì cản trở hạnh phúc của hai người trong những năm tháng sắp tới . . .

Tâm lái xe vào khu chung cư có cổng gác và tường cao bao quanh. Người gác-dan chắc đã được Lương dặn trước, nhìn qua số xe rồi mở cổng cho Tâm vào. Hoàng ngắm những hàng cây cắt xén mỹ thuật, những mảnh vườn cỏ xanh mát. Mấy cặp trung niên người địa phương nằm phơi nắng bên hồ bơi rộng hay đánh quần vợt tại mấy chiếc sân gần đấy. Cô thấy khung cảnh quá xa lạ với lối sống ngày xưa của Lương. Đây không phải là đồng quê Hố Bò hay khu y sĩ nội trú của bệnh viện Chợ Rẫy. Khi cô tỏ ý ngạc nhiên không thấy con nít, Tâm cắt nghĩa:

"Khu này là khu của dân có tuổi và độc thân. Nửa chừng xuân, khá giả, độc thân hay vừa ly dị xong. Đám này ở Mỹ nhiều lắm, sống vội sống vàng, như sợ ngày mai chết rồi không kịp hưởng nữa . . ."

"Vậy sao."

Cô nghĩ vô tình mà Tâm tả đúng tình trạng của Lương, cũng nửa chừng xuân, cũng ly dị, và chắc cũng khá giả. Tâm đậu xe vào bãi, mở ví lấy tấm giấy nhỏ ghi sẵn địa chỉ. Cô theo em chui ra khỏi xe. Tiếng cười ngặt nghẽo lẫn với tiếng khoát nước của một cặp nam nữ đang trửng giỡn từ phía hồ bơi làm cô khó chịu. Cảnh nô dùa ồn ào của những người đã không còn trẻ nữa nghe

như lạc lõng nhố nhăng. Nghĩ đến Lương có thể cũng nhố nhăng như họ, cô thấy nôn nao lo lắng. Cô chùn chân lại. Giá nói chuyện điện thoại với anh trước, ít nhất cô cũng hình dung được anh đã thay đổi đến thế nào.

Bàn tay cô rịn mồ hôi. Cô tự nhủ thầm, "Vô lý, mình không còn con nít nữa. Phải bình tĩnh mới được . . ." Nhớ lại phép trấn tâm tập dược từ hồi sống tại thiền viện, cô thở chậm lại và từ từ hít một hơi dài và sâu. Không, chỉ có hiện tại là quan trọng. Cô sẽ không để cho gánh nặng của quá khứ cũng như lo lắng của tương lai phá hoại cuộc tái ngộ này . . .

Tâm vừa đi vừa đò số nhà. Dừng lại trước một căn chung cư, nó vui vẻ nói, "Đây rồi." Nhìn qua vai em, cô đọc tấm danh thiếp nhỏ dán trên cửa:

Bác Sĩ Trần Văn Lương.

Bệnh Lý Tổng Quát.

Vừa bấm chuông, Tâm gọi lớn:

"Anh Lương ơi, em đây. Mở cửa cho em."

Bên trong có tiếng xào xạc. Rồi có tiếng người nói vọng ra:

"Tâm hả? Cửa mở đấy, em đẩy mà vào."

Hoàng nhận ra tiếng Lương tuy giọng anh khàn hơn so với ba mươi năm trước. Cô còn thoáng ngạc nhiên vì anh không chạy ra đón khách, Tâm đã đẩy cửa. Một mùi hăng hắc trong nhà bốc ra làm cô khựng lại. Cô nhớ đến mùi bệnh viện, mùi thuốc sát trùng . . .

Một người đàn ông ngồi xe lăn trườn tới. Chớp mắt để làm quen với bóng dâm cô nhận ra Lương đang ngước lên nhìn cô, nét mặt rạng rỡ vui mừng. Anh hỏi dồn dập:

"Hoàng. Em qua bao giờ? Em khỏe không? Sao không gọi anh trước?"

"Trời ơi, anh làm sao vậy?"

"Anh mới bị liệt, độ bốn tháng nay. Phải nằm bệnh viện gần một tháng đấy."

"Sao không cho em hay?" Tâm trách.

Lương không trả lời, tíu tít mời hai chị em vào nhà. "Lâu lắm không gặp nhau, thật là mừng lắm . . ." Anh vừa nói vừa loay hoay quay hướng xe để lăn về phía phòng khách. Lương chỉ chiếc sofa trắng mời hai chị em ngồi. Nhưng vừa yên chỗ, cô đã nhấp nhổm khi thấy anh gắng sức chuyền mình từ xe lăn sang ghế bành. Khoát tay như trấn an cô, anh nói:

"Em khỏi lo, anh xoay xở một mình quen rồi . . . Mà em tới lâu chưa?"

"Em vừa tới chiều qua. Nhưng mà nông nỗi làm sao?"

"Anh bị bại liệt hai chân . . . Bệnh tủy sương sống. Thật là bất ngờ."

Đảo mắt nhìn quanh căn nhà vắng vẻ và bừa bộn, cô buột miệng:

"Không ai săn sóc anh sao?"

"Có chứ. Hồi mới, nhà thương cho người đến tập cho anh hằng ngày. Bây giờ anh vẫn thuê người hằng tuần tới giúp những việc nặng trong nhà. Mai mới là ngày họ tới."

Anh lại nói:

"Anh vẫn tập làm lấy. Trước sau rồi mình cũng phải sống tự lập. Bệnh tật thì bệnh tật, lệ thuộc người ta mãi, đâu có được."

Tâm trách anh:

"Em không thể tưởng tượng nổi . . . Đau ốm thế này mà không cho em hay."

Anh cắt nghĩa:

"Hồi mới đau, anh cứ nghĩ sẽ bình phục trong một hai bữa . . . Về sau thì lại quá bận rộn với trị liệu . . . Họ bắt anh tập suốt ngày, không tập thì chạy điện . . ."

"Em giận anh lắm, anh biết không?" Tâm vẫn ấm ức.

Anh cười hiền lành:

"Thôi thì anh nói thật nhé . . . Nhiều lần anh muốn gọi em mà rốt cuộc lại ngần ngại. Bán thân bất toại trong chiếc xe đẩy có cái à . . . mặc cảm của nó."

Anh quay đầu tránh mắt hai chị em, còn Tâm bậm môi như gắng cho khỏi khóc. Cả ba yên lặng giây lâu. Rồi nuốt khan, Tâm nói:

"Anh chị ngồi đây nói chuyện đi, em chạy xuống bếp làm trà uống nhé."

Hoàng biết Tâm kiếm cớ trốn xuống bếp chùi nước mắt. Thấy anh vịn vào thành ghế bành như lấy đà đứng dậy, cô đưa tay cản lại, bảo để cô xuống giúp em. Bếp nào chả là bếp, cô sẽ tự động tìm ra đủ mọi thứ.

Nhưng cái bếp của Lương làm cô ngạc nhiên. Gạo muối đều đặt ngay dưới sàn vừa tầm tay người ngồi. Một chiếc rê-sô điện lưu động kê trên chiếc ghế đẩu nhỏ cạnh bình nước uống 5 ga-lông có vòi sẵn. Bát đĩa trong chạn đều xếp dồn lại dưới mấy tầng thấp, còn các tầng cao đều bỏ trống không dùng. Một đống chén tách còn nằm trong chậu rửa bát như đợi bàn tay nội trợ không bao giờ tới. Cô mở tủ lạnh, tất cả đồ ăn cũng đều xếp ở mấy ngăn dưới.

"Anh làm vậy cho nó tiện." Cô ngẩng lên thấy anh đã chuyển sang xe và lăn tới cửa bếp tự bao giờ. Cô lúng túng nói cho có nói:

"Anh tự túc được như vậy là giỏi lắm."

Lương khen cô:

"Em vẫn đẹp như xưa . . ."

Cô nhìn mặt anh, biết anh chỉ muốn đưa câu chuyện ra khỏi đề tài bệnh tật. Nhưng cô chau mày. Trong cái bếp kỳ dị và hoàn cảnh bất thường này, lời khen riêng tư nghe sao lạc lõng. Cô cảm ơn anh, lúng túng vì không thể khen trả lại anh một lời tương tự. Anh lại nói:

"Lần trước gặp Tâm, hay tin em đang đợi giấy sang Mỹ, anh vẫn nghĩ bao giờ em tới, anh sẽ lái xe đưa em đi thăm thắng cảnh tiểu bang này. Bây giờ thì . . ."

Anh ngần ngừ rồi bỏ lửng câu . . . Cô rùng mình nghĩ đến hai chữ "quá trễ" anh chưa nói ra. Cô muốn an ủi anh mà lưỡi cứng lại, những lời vừa nghĩ ra trong đầu chưa nói mà đã nghe trống rỗng như chuyện xã giao hời hợt.

Anh làm bộ lạc quan bảo là y sĩ, anh biết bệnh anh. Chịu khó tập tành, anh sẽ thích nghi được với đời sống hằng ngày. Thế nào rồi mai kia cũng hy vọng hành nghề trở lại. Anh làm bộ thản nhiên tự tại, tựa như người bị cảm ở nhà nghỉ ngơi một vài buổi đợi bệnh thuyên giảm.

Nhưng anh không lừa được cô. Cặp đùi bại xuội xẹp lép dưới lớp chăn ca-rô tố cáo cái yếu đuối tội nghiệp của anh. Vừa rửa bộ trà đã mốc meo từ bao giờ, cô thắc mắc về gia đình anh, về sự săn sóc của vợ cũ và đám con anh.

Cô kiếm chuyện vặt nói, "Em mới sang, nhiều tin quốc nội sốt dẻo, anh muốn nghe chuyện gì nào?" Anh bảo thế thì hay quá, và anh hỏi cô về các bạn bè cũ. Cô cho anh hay những khó khăn vật chất tinh thần của họ, ai mất ai còn, ai ở ai đi . . . Nghe cô kể xong, anh bảo, "Thế hệ mình, ai cũng già rồi, và ai cũng khổ cả." Câu chuyện cứ thế, nhạt nhẽo cho đến khi ấm nước sôi. Tâm tìm thấy một hộp bánh LU, đem bày ra đĩa. Hai chị em dọn trà ra phòng khách, và anh lại lẽo đẽo lăn xe theo.

Lát sau mọi người yên vị, và anh tự tay rót trà đãi khách. Anh nói với cô, "Lẽ ra anh phải đưa Tâm và em đi ăn trưa nay, bữa tiệc hàn huyên của anh em mình mà. Nhưng anh tàn tật thế này thì đành chịu."

Cô nghĩ liên hệ cô với anh, nhìn chỗ nào cũng vấp phải những "lẽ ra" những lỡ làng lớn nhỏ. Nhưng giọng anh hoàn toàn bình thản khi nhắc đến hai chữ tàn tật làm cô buồn vì anh đã đóng kịch với cả người thân. Cô lại nghĩ nếu anh yếu hèn hay than vãn thì cũng chẳng hay ho gì hơn. Ngả nào thì cũng ngột ngạt thế thôi. Cô đáp xã giao:

"Chúng em ăn sáng muộn, không đói."

Rồi cô mời Lương lát nữa ra phố ăn trưa với hai chị em.

"Chắc không được đâu, Hoàng ạ. Anh chưa quen sử dụng xe lăn trong tiệm ăn."

Không khí yên lặng nặng nề. Tâm đề nghị:

"Em có ý kiến. Anh chị ngồi đây, em chạy ra chợ Việt Nam kiếm đồ về nấu hủ tiếu Nam Vang. Ngày xưa anh Lương mê món này lắm phải không?"

Mặc cho Lương và cô cản, Tâm xách ví đứng dậy. Cô ước ao có thể theo em đi chợ. Nhưng không nỡ làm hành động tàn nhẫn ấy, cô chỉ ngồi nhìn theo.

Mở cửa bước ra đường, Tâm quay lại nói với, "Em đi chỉ một lát là về thôi." Cánh cửa đóng lại, và cô biết cô phải đối đầu một mình với cảnh huống bất hạnh của Lương.

*

Cô biết Tâm dành cho cô cơ hội riêng tư với Lương. Nhưng cô cũng thấy nó muốn chạy trốn cái cảnh bẽ bàng này. Cô mỉm cười nghĩ em cô vẫn vậy, bao giờ cũng tránh né. Hồi còn bé hễ bị mẹ mắng, dù mắng oan, nó luôn luôn lỉnh đi chỗ khác cho đến khi mọi chuyện yên ổn mới mò ra. Và nó bao giờ cũng may mắn, những phiền toái cứ tự động theo thời gian mà biến đi . . .

Còn cô, bao giờ cô cũng trực diện với những may rủi của cuộc sống. Nhưng cô đang trực diện với gì đây? Cô ngắm anh trên chiếc ghế bành đối diện, râu sần sùi chưa cạo, da mặt nhăn nhúm. Anh bất giác cúi đầu, và cô thấy rõ mái tóc anh đã bắt đầu thưa thớt, chân tóc dọc đường ngôi rộng bạc trắng làm màu đen của thuốc nhuộm giả tạo một cách thê thảm. Cô kiếm chuyện nói:

"Em mới sang đây, cái gì cũng lạ cả. Anh kể cho em đời sống bên này đi."

Cô lại lỡ lời. Tù túng trong nhà về bệnh tật thế này, anh biết gì ngoài cảnh sống của người tàn phế. Nhưng anh vẫn làm mặt vui. Anh kể cho cô nghe chuyện mưa nắng, chuyện hành nghề hồi còn mạnh khỏe. Anh cũng kể cho cô nghe về thiên nhiên ở Cali. Biển đẹp lắm và núi rừng cũng đẹp lắm. Nam Cali có sa mạc mênh mông, mùa xuân hoa dại nở tưng bừng. Bắc Cali có rừng lim cổ thụ, với những cây lim khổng lồ, lỗ hổng gốc cây rộng đủ chiếc xe lái qua . . . Anh lại kể nông thôn phía gần biên thùy Mễ Tây Cơ ruộng đồng bát ngát, trồng lúa như bên mình. Anh khoe:

"Họ cũng có cò nữa, Hoàng ạ. Thấy cảnh đàn cò trắng bay là là trên đồng lúa xanh, cứ tưởng như còn ở nhà . . ." Cao hứng, anh dự tính:

"Bữa nào anh chở em đi xem . . ."

Thấy cô nhìn xuống đôi chân tê liệt của anh, anh vớt vát:

"Bao giờ có tiền, anh sẽ mua một cái xe chế riêng cho người tàn tật, ga với thắng đều điều khiển bằng tay . . ."

"Anh nghỉ việc bao lâu rồi?"

"Quá lâu . . . Lợi tức bây giờ không có, cái nhà này chắc cũng sắp bán," anh gượng cười trả lời. Rồi anh cúi đầu ngồi yên, cam phận và tội nghiệp.

*

Sau cùng anh nói tới chuyện cô và anh. Anh hỏi cô:

"Em còn trách anh không?"

"Em không bao giờ trách anh."

Nói xong, cô buồn bã nghĩ thầm trong đầu là chuyện giận hay trách sao như đã hết quan trọng từ lâu. Cô ước mong cô có thể nói cô vẫn yêu anh và cô tha thứ tất cả, những câu nói chưa thành lời đã đội lên những âm vang không thật. Anh lại nói:

"Tất cả là số mệnh thôi. Nghiệp chướng của anh, nghiệp chướng của em."

Cô nhìn tượng Đức Mẹ treo trên tường, biết anh chưa đổi đạo, và hai chữ nghiệp chướng anh vừa nhắc tới nghe như chuyện đầu môi. Thần kinh căng thẳng, cô buột miệng:

"Em nghĩ chuyện anh với em ăn nhằm gì đến số mệnh. Nó giản dị hơn nhiều lắm."

Cô nhớ tới Huệ, người ở gái mà anh lấy làm vợ vì làm người ta mang bầu. Cái náo nức lúc ngồi trang điểm trước bàn phấn của em sáng ngày đã tan biến đi đâu. Trong cô chỉ có cái lạnh lẽo của lòng thương hại. Thương hại

anh, thương hại cô, thương hại hoàn cảnh của cả hai người. Và cũng cái lòng thương hại ấy đã giúp cô ghi nhận là cô đã tàn ác với anh. Ân hận, cô nói chữa:

"Chẳng qua là mẹ em có quá nhiều thành kiến cổ hủ . . ."

Anh thở dài nhẹ nhõm, nhìn cô như biết ơn. Rồi như đổi ý, mắt anh cứng lại, anh say mê kết tội mình:

"Em không nên khắt khe với mẹ. Thật ra anh là một con người xấu đặc biệt. Mà anh xấu đã từ lâu, từ khi còn ở nhà em hay trước đấy nữa. Mẹ em biết vậy nên mới phản đối hôn nhân chúng mình . . . Thật ra ít có ai vợ đang đau ốm mà đi ngủ với con ở."

Câu nói của Lương như gáo nước lạnh dội xuống cô. Cô chua xót thấy cuộc tái ngộ mỗi lúc một nặng nề hơn. Anh lại nói tiếp:

"Bây giờ thì cái khả năng làm chuyện xấu của anh cũng không còn nữa ."

Anh dứt lời giữa chừng, bèn lẽn cúi xuống nhìn tấm chăn ca-rô che khoảng bụng dưới của anh. Cô nhìn theo, không nghe thẹn thùng hay lúng túng. Cô chỉ thấy mình già lắm, và lòng cô lạnh tanh. Và cô đắng cay vì sao mọi chuyện lại phải dung tục xấu xí thế này. Cô với bình trà định rót thêm ra tách. Bình trà đã cạn. Thế là hết thật, cô thầm nghĩ. Rồi cô ngồi lặng yên.

Bên ngoài Tâm gọi cửa, "Hoàng ơi, mở cửa cho em." Tiếng em gái tới với cô như một sự cứu rỗi, và cô nhẹ nhõm đứng dậy.

12.

Có Tâm, không khí tươi sáng hơn.

Lương nói:

"Em đi chợ mau thật."

"Em ra tới phố bỗng nảy ra ý kiến là mua đồ nấu sẵn mau hơn . . . Coi này, từ món chính cho đến tráng miệng, cái gì cũng ngon lành cả . . . Hôm nay ăn tạm vậy đi, bữa khác sửa soạn trước, em sẽ trổ tài tự tay nấu nướng đãi anh chị."

Rồi Tâm giục Hoàng:

"Chị giúp em dọn bàn đi, mình ăn cho nóng . . ."

Bữa cơm trôi qua nhạt nhẽo, mặc dầu Tâm cố gắng làm mọi người vui bằng cách gợi lên những câu chuyện vô thưởng vô phạt. Lát sau nó nhắc tới chị Năm. Lương bảo:

"Không có hủ tiếu Nam Vang nào ngon bằng hủ tiếu của chị ấy. Về sau khi ở với anh, chị Năm còn học thêm nhiều món Bắc nữa."

"Hai vợ chồng ở với anh có được lâu không?" Tâm hỏi.

"Chưa được một năm, thật là đáng tiếc."

"Tại sao?"

Anh nói, mắt nhìn xuống mâm cơm:

"Cũng tại chị Năm không bao giờ quên thời gian còn ở với ba mẹ em. Lúc nào chị cũng nhắc chuyện cũ, do đó xung khắc với Huệ . . . Về sau chỉ còn

bác tài làm cho anh. Chị Năm ra phố mở tiệm ăn, phát tài lắm. Tiệm gần quân y viện, nên mỗi trưa anh ăn ở đấy thay vì về nhà. Nhiều buổi tối lục dục với Huệ, anh cũng ra tiệm ăn, có khi ngủ lại, và tính đổ đồng, anh ở đằng vợ chồng chị nhiều hơn ở nhà . . ."

Ngắt lời anh, Tâm đổi đề tài. Nó bảo nó nghe nói bây giờ anh viết cho mấy tờ nguyệt san Việt ngữ. Anh gật đầu. Anh bảo anh rất thích viết lách, vừa giải trí vừa đem lại lợi tức cho anh. Họ trả ba chục đồng một bài. Chịu viết đều, một tháng có khi kiếm được hai ba trăm đô-la. Cô hỏi như vậy là nhiều hay ít, Tâm bảo khoảng một ngày lương của anh khi anh còn khỏe mạnh. Tâm lại hỏi:

"Nhưng tại sao em không bao giờ thấy tên anh . . . Anh dùng bút hiệu gì?"

"Thầy Lang Vườn. Phần lớn họ nhờ anh viết về những mục y học thường thức."

Tâm phá lên cười. Nó bảo hóa ra anh là tác giả loạt bài *Trai Gái Trước Ngưỡng Cửa Hôn Nhân*. Nó có con bạn mê mục ấy lắm, và hay khoe hạnh phúc gia đình tốt hơn là nhờ anh . . . Tâm lại hỏi:

"Anh có viết về văn học không?"

"Có, thỉnh thoảng anh viết truyện ngắn hay làm thơ, nhưng ký với bút hiệu khác . . ."

"Bút hiệu gì?"

Anh lúng túng. Tâm giục:

"Nói tụi em nghe đi."

"Là Hoàng Lương. Như trong truyện *Giấc Kê Vàng* ấy."

Tâm cười rành mãnh. Hoàng nói:

"Cho em coi thơ của anh đi."

Anh sung sướng:

"Em đọc thật nhé?"

"Thật chứ anh."

Cô thấy vui dã làm anh sung sướng mà không cần phải nói dối. Anh nhanh nhẹn chuyển qua xe lăn lái vào phòng học. Lát sau anh trở ra đưa cho Hoàng một phong bì lớn.

"Để tặng em đấy," anh rụt rè nói.

Hoàng mở phong bì. Vẫn không ngẩng lên, cô bảo Lương:

"Em đọc bây giờ nhé . . ."

"Em cứ tự nhiên."

Tâm xen vào:

"Đưa em đọc cho . . ."

Hoàng đưa cho em tập thơ. Tâm nhìn qua bài đầu rồi lên giọng ngâm nga:

Những Vết Chân Chim.
Để tặng Hoàng, kỷ niệm một vụ nghỉ hè . . .

Bờ biển sớm
Sóng chưa buồn thức giấc

Mặt trời còn ngái ngủ chân mây
Gió man mác gọi về trên da thịt
Cảm giác êm đềm tự buổi thơ ngây.

Bãi cát trắng trải dài theo vịnh
Gọn ghẽ in hình mấy dấu chân chim
Rón rén về đâu xa tắp cuối ghềnh
Hun hút đi vào quá khứ lênh đênh

Thương nhớ mông mênh
Miền thùy dương khác
Tuổi hoa niên hai đứa chúng mình
Khi cuộc sống hãy còn trẻ lắm
Cây bông gạo sân trường đỏ thắm
Tình học trò phượng nở mùa thi
Yêu ơi, con gái đến thì.

Em còn nhớ gì?
Mùa Hè năm ấy
Nôn nao bông giấy lao xao
Thương nhớ dạt dào
Mà tình rụt rè như buổi sơ giao.

Những hôm ngắm sao
Biển thanh vắng trời cao vời vợi
Bát ngát Ngân hà
Một triệu ông sao mất ngủ
Ôm bệnh tương tư mắt mở thâu đêm

Sương khuya bên thềm
Từng giọt nhặt khoan
Vi vút bên rừng phi lao thao thức
Theo gió bay vào lay bức màn the
Xôn xao giấc mộng đêm hè
Người em gái nhỏ
Nhắc nhở cho em tình tôi chưa ngỏ
Rón rén âm thầm như bước chân chim

Kỷ niệm thâm sâu tận đáy con tim
Năm tháng trôi qua tôi vẫn đi tìm
Những mảnh thân thương quãng đời đánh mất.

Đọc xong bài thơ, Tâm ngưng lại, nét mặt thoáng buồn. Nó nói:

"Chưa ai tặng em một bài thơ như vậy. Anh Hoài em không bao giờ làm thơ, anh ấy chỉ thích xây xa lộ thôi. Tình anh ấy thẳng như con xa lộ tám tuyến xuyên tiểu bang . . ."

Rồi chớp mắt thật mau, lấy lại bình tĩnh, nó trêu Lương:

"Có phải bài thơ viết về vụ hè ba em đưa cả nhà ra Nha Trang chơi không? Tại cái biệt thự của bác Xuân ấy, với cái hiên trồng hoa giấy và rừng phi lao gần nhà. Em còn nhớ anh hay ra thềm ngồi một mình cho đến khuya vẫn chưa vào. Không ngờ ông anh ra dấy tương tư bà chị em . . . Một triệu ông sao mất ngủ . . . Chao ôi là mùi . . ."

Không đáp lời Tâm, Lương hỏi ý cô:

"Được không em?"

Hoàng nói:

"Hay lắm. Hay lắm lắm, anh ạ. Những đêm hè lần đi nghỉ mát ấy, em vẫn còn nhớ . . ."

Chưa hết câu cô đã phải ngưng lại. Cô cảm thấy giọng cô như muốn vỡ . . . Đã chủ tâm làm bộ khen thơ Lương một cách vô tình như khen một bài thơ hay của bất cứ ai, cô đã xúc động bất ngờ khi những kỷ niệm cũ bị gợi lại. Lòng cô như mềm đi. Cô bất giác cười với anh, để ngạc nhiên thấy nụ cười của mình như có phép mầu. Khuôn mặt già cỗi của anh bất thần thay đổi. Dưới lớp da nhăn nhúm, cuộc sống bấy lâu vắng mặt nay bỗng trở về. Mắt anh từ nãy đến giờ chỉ có bất an và ngượng ngập, bỗng sáng lên với một nguồn yêu đời mới. Và đôi mắt ấy cười lại với cô, nụ cười biết ơn mà chan chứa yêu thương.

"Em đọc nữa nhé?" Tâm tinh nghịch đề nghị. "Xem nào, bài tiếp theo là *Bờ Giếng Trong Mơ* . . . Chắc cũng mùi lắm . . ."

"Thôi đừng có vô duyên. Trả lại cho chị . . ."

Tâm kháng cự lấy lệ rồi đưa lại tập thơ cho cô. Rồi nó đứng dậy xuống bếp pha cà phê và sửa soạn đồ tráng miệng.

*

Hoàng ngồi ôm tập thơ vào lòng. Cô nhìn anh, nhìn căn phòng. Cũng ngoại vật này mà sao như có thần, tựa hồ như cô có một nhãn quan mới nhìn được cái gì tốt đẹp lắm cất giấu trong khung cảnh tầm thường này. Cô khẽ nói một mình, "Anh cũng còn nhớ chuyến ba đưa cả nhà ra Nha Trang nghỉ mát sao? Hồi ấy đã có gì đâu . . . Em chưa về thăm Hố Bò với anh . . . Chưa nhận được lá thơ đầu tiên của anh . . . Làm sao anh nhớ?" Cô ngồi nhìn ra cửa mơ màng. Cô không rút tay lại khi anh cầm tay cô. Cô ngồi yên nghe anh hôn trên vai cô, cái hôn nhẹ như một ý niệm. Một cảm giác êm đềm bao phủ lấy cô, và thần trí cô buông thả trôi về quá khứ.

Trong một giây, cô sống lại cái đêm hè năm ấy. Con Tâm nằm bên cô đã say ngủ từ lâu. Lương quay lại cánh cửa sổ thấp mở ra hàng hiên, cô thao thức

đợi giấc ngủ mà giấc ngủ không tới. Cô nhắm mắt nhưng hình ảnh anh vẫn hiển hiện trước mặt. Anh ngưng đàn đã lâu rồi, vậy mà giác quan của cô vẫn căng thẳng, bén nhậy đến đau đớn, để bắt lấy từng động tĩnh bên ngoài. Cô biết anh còn thức, có lẽ đang ngồi bên gốc bụi hoa giấy góc hiên, ngắm trời ngắm đất . . . Hâm hấp trong cái nóng ẩm của đêm nhiệt đới, da thịt cô như bốc cháy với những khát thèm chưa thành hình thành ý, đam mê sôi bỏng mà mơ hồ như cái mơn trớn bâng quơ của lá màn đang theo gợn gió nhè nhẹ ve vuốt lưng cô . . . Cô nghe tiếng côn trùng than van ngoài vườn vẫn hòa với tiếng vi vút từ rừng phi lao vọng lại. Cô nghe gió lùa nắm bông giấy khô trên hàng hiên xào xạc . . . Sau cùng cô nghe tiếng cây banjo bị nhấc lên, bụng đàn quẹt nhẹ vào sàn gạch, âm thanh trống bộng khô khốc, và cô biết anh đang đứng dậy sửa soạn vào nhà. Tiếng chân đều dặn bỗng như thoáng chần chừ khi anh đi ngang phòng cô. Nằm nhắm mắt quay mặt vào tường mà cô như thấy rõ sự việc bên ngoài, thấy anh đang nhìn vào cửa sổ, và cô nín thở, sợ hãi mà vẫn mơ hồ chờ đợi . . . Nhưng cô lầm, anh không dừng lại và lát sau cô nghe tiếng cửa phòng anh mở ra rồi đóng lại. Thế là hết, và cô vụt quay mình nhìn ra cửa sổ để thấy cảnh vật bên ngoài tắm trong ánh sáng mờ ảo của một vòm trời dầy sao . . . Sao Tua Rua chênh chếch lưng trời, chắc đã khuya lắm . . . Cô nằm như vậy ngắm sông Ngân hà, nơi cả triệu ông sao từ xa lắc xa lơ đang nhấp nháy trêu cô. Lát sau nửa thức nửa ngủ, cô tìm chòm sao Bắc đẩu mà không thấy . . . Cô thoáng tội nghiệp cho sao Hôm sao Mai . . . Rồi cô ngủ thiếp đi, và khi ngọn gió mát đầu tiên từ bể thổi vào, cô nằm mơ thấy mình đi vào giấc mơ của Lương, nơi đó cô ăn nằm với anh như vợ với chồng . . .

"Hoàng, anh yêu em, bao giờ anh cũng yêu em."

Tiếng Lương làm cô chợt tỉnh giấc mơ ngày để thấy mặt anh sát gần mặt cô, đam mê say đắm. Anh nói như người xưng tội, "Em tha lỗi cho anh. Lẽ ra anh không có quyền nói gì với em nữa . . . Không được chờ mong gì nữa ."

Cô không đáp, lẳng lặng hôn anh. Cô nghe môi anh khơi sống dậy trong cô những cảm xúc thân thương, những rung động êm đềm cũ, xa xưa mà mới mẻ như ngày hôm qua. "Anh, đêm hè ấy là của em, sao anh biết mà tả được?" Cô hỏi Lương mà không cần nghe trả lời. Cô là anh và anh là cô, và cô biết trời sinh ra hai người để yêu nhau, để chỉ là một. Cô là vợ Lương từ đâu, tại sao bây giờ hai người mới tìm được nhau.

"Cà phê ngấm rồi," Tâm vừa nói vừa lịch kịch đẩy cửa bếp bưng khay bánh ra. Hoàng kịp thời buông Lương ra đứng dậy dọn bàn cho em có chỗ đặt bánh. Lương cũng xốc vác giúp cô một tay. Nhìn anh khéo léo thích nghi với đôi chân bại liệt, với qua với lại, nhặt nhạnh đĩa bát xếp lại một chồng gọn ghẽ, cô bất giác nghĩ ai săn sóc cho anh không hẳn phải vất vả lắm . . .

Cô tức cười nhớ lại phản ứng ban đầu của cô khi bước chân vào căn nhà này. Sao cô có thể trẻ con và ích kỷ đến thế. Hoàn cảnh thật ra không thê thảm. Dù già, dù bán thân bất toại, anh vẫn tích cực và lạc quan, vẫn tự túc

tự cường. Cuộc sống như thế này chưa hẳn là tàn phế. Cô nghĩ đến tương lai của chính cô, và cô thấy mơ hồ một cảnh sống không hẳn là không có hạnh phúc . . .

Và cô cười một mình. Trong khóe mắt cô thấy con Tâm cũng đang cười ranh mãnh. Con này tinh ma lắm, không biết nó đã thấy cái gì. Nhưng nó vờ đi như không để ý đến cô. Nó nói với Lương:

"Em không ăn tráng miệng với anh được đâu."

"Sao vậy?" Cả cô và Lương cùng ngơ ngác hỏi.

Tâm nhìn đồng hồ:

"Ba rưỡi rồi. Bốn giờ em có hẹn với nha sĩ của em, đi đường cũng mất hơn nửa tiếng."

"Thật là tiếc. Nhưng em nhất định phải đi sao?" Lương nói, vẻ thất vọng hiện ra mặt.

Tâm làm bộ chị cả:

"Hai người nghe em đây. Hai người vui vẻ với nhau là em mừng lắm. Vậy mà có lúc em đã tưởng tuyệt vọng đấy . . . Nhưng em có việc mới phải đi, chị Hoàng có hẹn với nha sĩ đâu mà đi theo em . . ."

Rồi quay sang Lương:

"Vậy thì em gửi chị lại anh Lương, tối em sẽ trở lại đón."

Lương quay lại nhìn Hoàng, khẩn cầu và chờ đợi. Cô nói:

"Em khỏi cần đón chị. Nhưng chị nhờ em chuyện này."

"Chị nói đi."

"Tối nay khi trở lại, mang giùm cho chị bộ đồ mát và túi son phấn của chị."

Tâm sững sờ:

"Em không hiểu."

Cô thản nhiên nói:

"Chị ở lại chơi với anh Lương đêm nay."

(Còn tiếp)

tìm đọc

CÁI CHẾT SAU QUÁ KHỨ
tập truyện thứ hai của TRẦN VŨ

Hồng Lĩnh xuất bản

ĐÀO HUY ĐÁN

"dấu huệ hồng", tập thơ trữ tình của triều hoa đại

điểm sách

Dấu Huệ Hồng là tập thơ đầu tiên của Triều Hoa Đại, một nhà thơ đã thành danh khi còn ở trong nước, được trình làng trên dòng văn học ở hải ngoại. Đây là một nhà thơ kỳ cựu đồng thời với Diên Nghi, Kim Tuấn, Từ Thế Mộng, Cao Hoàng Nhân, Luân Hoán, Thành Tôn, Thái Tú Hạp, Hà Nguyên Thạch ...

Tập thơ trình bày rất đẹp trên giấy quý màu tái của hoa Kim liên, tranh bìa Võ Đình với các phụ bản Lê Quang Xuân (ảnh), Nguyễn Hữu Nhật, Hồ Thành Đức, Hoàng Xuân Sơn (họa), do Thái Tú Hạp chăm sóc và Sông Thu xuất bản.

Thơ của Triều Hoa Đại có những câu phảng phất nét trữ tình của ca dao, nhưng vượt lên ca dao, ngôn ngữ thơ anh sắc sảo hơn, thuần chất sáng tạo hơn.

Hôm nào hoa nở trong em
Thử là con sóng tràn lên nỗi sầu
Cuối vườn nở ngát hương cau
Hồn dừng có mỗi một màu lãng quên
Ra về mỗi nhớ mỗi quen
Động lòng, thương rụng đóa sen nhụy vàng

(*Vẽ Bóng*, trang 101)

Triều Hoa Đại là một nhà ảo thuật của vần điệu, của âm nhạc trong thơ. Sở trường của anh là lục bát. Dù sắp xếp cách nào, những câu lục bát của anh cũng reo những âm hưởng bàng hoàng vào tâm hồn người đọc. Ta hãy đọc những câu lục bát ngắt ngang của anh trùng trùng điệp điệp trong tập thơ.

Sông xuôi
đưa nước về đâu?
Cuối ngàn mây thắm, thắm màu biệt ly
Vắng rồi

từ buổi chia lìa
Bấy nhiêu thôi nhé, lòng nghe trĩu buồn

(*Bài thơ hoa đào*, trang 87).

Ngoài ra lời thơ năm chữ cũng được tác giả sử dụng bằng một chiêu thức thao túng và ngoạn mục:

Ôi căn nhà xưa đó
Có ai về nữa không
Thắp giùm lên ngọn nến
Theo năm tháng bập bùng

(*Chim xưa chốn cũ*, trang 15).

Cái đặc sắc trong thơ của Triều Hoa Đại là ở những chữ rất đơn giản, vậy mà mỗi chữ gửi sâu vào lòng độc giả những dư âm kéo dài, những vang vọng thật ngậm ngùi. Anh sử dụng những ngữ pháp rất ít, thơ như vậy là ít trang điểm phấn son, vậy mà, dung quang của thơ lồ lộ ra một vẻ đẹp dị thường.

Khi không bỗng thấy mình đổi khác
Tóc trắng bay quanh những sợi buồn
Về nhé, ngày mai tàn nắng rọi
Giọt nào khuya khoắt mảnh trăng suông

(*Nắng xuân phai*, trang 67).

Cái trữ tình trong thơ của Triều Hoa Đại mơ màng, phiêu diêu mang bóng khói hình sương, hư trộn vào thực, giả lồng với chân. Thơ như thế trải vào tâm hồn người đọc biết bao không gian bát ngát.

Hôm qua lên núi ngắm trăng
Bỗng dâu lòng đã bâng khuâng cõi về
Giăng màn ngủ tạm dưới khe
Nửa đêm bóng động, trăng kề bóng trăng

(*Trăng thôn nữ*, trang 27).

Nhà thơ đã sáng tác những câu thơ như vậy thì công việc đưa thơ vào một cõi kỳ diệu hơn, thoảng khói chiên đàn ngào ngạt, đượm hương đạo hạnh nhiệm màu vẫn là công việc dễ dàng thôi.

Cám ơn buổi tối hôm qua
Thủy ngồi ở đó ngỡ là hư sinh
Ngẫm thương thương quá phận mình
Xuôi dòng nước biếc phù sinh mấy mùa
Cám ơn hoa lại nở ra
Nhánh vàng trộn lẫn nhánh tà dương bay
Người về, hơi ấm còn đây
Khóc cười mấy thuở chim bay cuối ngàn

(*Tiễn biệt*, trang 54).

Triều Hoa Đại đã ngưng viết báo, đã ngưng làm thơ trên 20 năm. Anh đã bắt đầu sáng tác lại giữa năm 1989, giữa mùa văn chương hải ngoại bắt đầu thịnh phóng.

Thơ anh cũng như bao tiếng thơ khác ở hải ngoại, trước hết, những bài hoài hương có một chỗ khá rộng rãi đối với các đề tài thơ khác:

Thế rồi . . .
sao nữa bạn ta
Ngập lòng thương nhớ quê xa ngàn trùng
Người buồn
trời có buồn không?
Ngóng thuyền
thuyền buộc
cuốn dòng nước trôi

(*Về đâu*, trang 62).

Nhất là bài *Trong mơ* (trang 79), tác giả giãi bày tấm lòng hoài hương của mình rõ rệt hơn:

Đêm qua về lại quê nhà
Trong mơ nhưng vẫn thấy ta ngậm ngùi
Vừng trăng nửa mọc lưng đồi
Nửa còn thoi thóp chẳng soi bóng vàng
Vườn nhà bướm lạ bay ngang
Chờ con tóc mẹ điểm hoàng hôn bay

(*Trong mơ*, trang 79).

Ngôn ngữ thơ của thơ hoài hương càng đơn giản càng làm cho tấm chân tình của tác giả biểu lộ sung mãn hơn. Thơ hoài hương mà được cấu trúc

bằng ngôn ngữ đậm đà trau chuốt, hoặc cầu kỳ bay bướm chỉ tổ làm cho tấm chân tình bị phai loãng đi. Đặc biệt nhất là dù ngôn ngữ của Triều Hoa Đại trong thơ hoài hương tuy đơn giản là vậy mà vẫn sáng đẹp, quý phái. Cái đơn giản trong thơ nếu gặp tay ai khác sử dụng thì trở nên xoàng xĩnh, nếu không rơi vào chỗ thô tháp. Nhưng đối với anh thì khác, anh biết dùng cái bình đạm để làm cho ngôn ngữ trở nên trong vắt, làm cho ý tình anh bộc lộ tràn đầy.

Trong *Dấu Huệ Hồng* có vài bài thơ nói lên thảm cảnh cốt nhục tương tàn, chẳng hạn bài *Mùa xuân?* trang 90:

Người nằm xuống chưa xanh nấm mồ
con hoang dàng cắn xé lẫn nhau
tranh đoạt phù vân còn sót lại
hồn linh thiêng chắc hẳn u sầu

Ôi ngày tháng quẩn quanh trăm lối
dặm đường về, dặm một nỗi quên
tình cốt nhục dành tay xé toạc
Đau phận mình, nhục cả anh em

Đấy, như các bạn đọc đã thấy, người thơ Triều Hoa Đại đâu có thể nhắm mắt bịt tai trước mọi cảnh lầm than ngang trái xảy ra hằng ngày trên cố hương chúng ta. Anh vẫn có lúc từ lối thơ trữ tình rẽ qua tiếng kêu đau thương trên đất nước để cộng hưởng vào nỗi đau chung của dân tộc. Chúng ta hãy nghe nhà thơ còn nhắc chúng ta những bạo hành đã man được ngụy trang đạo đức:

Em Thu Hương yêu quý
hãy cố bước mà đi
dẫm lên bọn phù thủy
đã xô ngã đời em
chúng vẫn thường to tiếng
đạo đức ở đầu môi
ở trong ngôi nhà cổ
ở cuối vườn lá che

(*Cảnh nhà*, trang 69 và 70).

Thơ của anh còn được bay ra ngoài biển Đông để chứng kiến:

Cạnh chỗ tôi ngồi
một cụ già đang khóc
ôi chiếc thuyền nan
chở những đớn đau
trên biển sóng bao la

(*Còn ngày mai*, trang 35 và 36).

Dù với đề tài nào, Triều Hoa Đại cũng vẫn bộc lộ tình ý thiết tha của mình. Nhưng anh vẫn hồn hậu, mực thước, nên sự bộc lộ kín đáo, điềm tĩnh. Tiếng thơ do đó súc tích và truyền cảm hơn. Và nhà thơ của chúng ta trước mọi đổ vỡ, vẫn còn giữ một niềm tin.

Và hy vọng sẽ đến
bừng sáng như mặt trời
bọn phù thủy sẽ chết
chúng phải chết đớn đau
chúng phải đền tội ác

(*Cảnh nhà*, trang 70).

Cái buồn, cái đau của anh kín đáo, nhưng niềm hy vọng lại làm cho anh bồng bột, cho nên anh bộc lộ tình cảm có hơi huyên náo, có hơi quá đà. Nhưng mà, nếu xét cho cùng, tác giả còn đứng ở trong cảnh đổ vỡ, trong đêm tối chưa trôi qua. Những lời hò hết ấy chỉ để trấn an cơn đau. Cái khéo là ở đấy. Chính là ở những lời hy vọng đó, độc giả vẫn thấy vết thương của tác giả vẫn còn tươi, niềm đau của anh chưa dứt, và tấn bi kịch vẫn kéo dài.

*

Đầu Huệ Hồng là một ly *cocktail* pha đủ mùi rượu cay, đắng, ngọt, nồng. Người thơ đôi lúc đưa thơ vào cõi tâm linh, đôi lúc đưa thơ vào điệu tình tự quê hương, đôi lúc đưa thơ vào cõi ấn tượng chập chờn những nét siêu thực, đôi lúc đưa thơ vào thảm cảnh dân tộc từ trên quê hương tù ngục cho tới lúc vượt biên, lúc định cư.

Như vậy thì ở hai đề tài dượm tình tự quê hương và tiếng bi ca trước thảm cảnh dân tộc, Triều Hoa Đại chỉ làm một cuộc đóng góp với bao tiếng thơ khác ở hải ngoại. Thơ của anh ở trên hai đề tài đó chưa làm nổi bật được thần trí sáng tạo của anh, dù anh sử dụng ngôn ngữ thơ rất thuần thục, rất nhuần nhuyễn, dù anh chọn những hình ảnh độc đáo:

Nhớ thuở xa xưa bằng hữu có
bỗng đâu tan tác mỗi phương trời
nhiều lúc, lắm khi ngồi đối bóng
bóng, người ngơ ngẩn chuyện buồn vui

chẳng hẹn, bạn xa quay trở lại
ghé nhà quay quắt nỗi tang thương
cạn ly uống tận lòng khô héo
tâm sự đầy vơi nỗi đoạn trường

(*Chuyện cũ*, trang 107).

Chính cái đặc điểm ấn tượng pha đôi nét siêu thực mới làm thơ Triều Hoa Đại thăng hoa vào cõi tuyệt vời lồng lộng sự sáng tạo. Thơ như vậy mang một khám phá mới, một vóc dáng mới:

Tặng em một khúc ca dài
ngang trời hoa cúc miệt mài dấu thân
đời che khuất nẻo đường trần
về vui với lá hoa ngân trăng thu
nửa mai nếu được đền bù
nhớ là hoa ấy trùng tu cổ thành

(*Lá hoa ngân*, trang 13).

Từ cõi ấn tượng, từ nơi siêu thực, tác giả lấn vào địa hạt tâm linh. Thơ lại ngát hương thiền phong thiền vị:

Hôm về thăm lại chùa xưa
thấy hoa lá vũ đong đưa trên cành
chút mưa xuân thoảng mong manh
lời chim gọi khẽ tên mình dâu đây
mặt hồ sen động, tâm lay
không không có có đùa bay áo người

(*Xuân qua chùa*, trang 94).

Triều Hoa Đại khi ra hải ngoại sáng tác thật phong phú. Anh đã đóng góp các tạp chí như *Việt Nam Tự Do, Canh Tân, Làng Văn, Văn Học, Thời Tập, Nắng Mới, Hoa Sen, Chính Ngôn, Sóng*... Giữa rừng thơ rậm rạp và bát ngát, thơ anh vẫn có chỗ đứng vững chắc và sáng chói. Anh đã hợp với các làn sóng thơ như Nguyễn Mạnh Trinh, Hoàng Xuân Sơn, Luân Hoán, Thái Tú Hạp, Lưu Nguyễn, Cung Vũ, Nguyễn Tất Nhiên, Bắc Phong, Vũ Kiện, Cao Hoàng Nhân, Trang Châu ... thành một đợt sóng lừng lững khua động không ngớt vào cảm quan người đọc biết bao âm hưởng lâu dài. □

ghi nhận đó đây

Thi sĩ Quách Tấn qua đời

Thi sĩ lão thành Quách Tấn đã qua đời tại Nha Trang hôm 21-12-1992! Sinh ngày 24 tháng 1 năm 1910 tại làng Trường Định, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định, trong suốt sáu mươi năm cầm bút, Quách Tấn đã để lại cho hậu thế một văn nghiệp đồ sộ gồm mười chín tập thơ và bốn mươi tác phẩm văn xuôi hoặc biên khảo. Các tập thơ đã được xuất bản gồm: *Một Tấm Lòng* (1939), *Mùa Cổ Điển* (1940), *Đọng Bóng Chiều* (1966), *Mộng Ngân Sơn* (1967), *Giọt Trăng* (1973), và *Tố Như Thi* (dịch thơ Nguyễn Du, 1973). Về văn, có: *Trăng Ma Lầu Việt, Nghìn Lẻ Một Đêm, Đời Bích Khê, Đôi Nét về Hàn Mặc Tử, Xứ Trầm Hương, Nước Non Bình Định* . . . đã được xuất bản trước 1975. Một số rất lớn tác phẩm khác của thi sĩ gồm biên khảo, hồi ký văn học, thơ . . . kết quả của một đời cầm bút cần cù và đam mê, hiện chưa được xuất bản.

Quách Tấn đến với làng thơ, Hoài Thanh nhận định, như một sứ giả đời Đường. Hoài Thanh viết: "*Theo gót nhà thơ, tôi đi vào một thế giới huyền diệu. Ở đây người ta nói rất khẽ, bước rất êm. Những tiếng khóc rộn ràng, những lời reo vui vẻ đều kiêng. Một sức mạnh vô hình, rất mềm mại nhưng rất chắc chắn nặng đè lên hết thảy. Tình cảnh ở đây không còn là những tình cảnh ta vẫn thường quen biết. Tình cảnh ở đây đã biến thành một thứ lương mầu nhiệm.*"

Tính chất lung linh mầu nhiệm Hoài Thanh ghi nhận nơi thơ Quách Tấn trong giai đoạn đầu của thi nghiệp, có thể nói là ưu điểm nổi bật của thơ Quách Tấn. Nhiều người trách thơ Quách Tấn trau chuốt quá, cổ điển quá, ông gần như lạc lõng giữa những bạn thơ cùng thời cùng quê như Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Yến Lan. Điều đó chỉ đúng đối với hai tập thơ đầu tay Hoài Thanh dẫn chứng trong *Thi Nhân Việt Nam*. Càng về sau, thơ Quách Tấn càng mộc mạc đơn giản, trong khi vẫn giữ trọn vẹn được sự cô đọng, hàm súc và vô cùng tinh tế.

Những năm cuối cùng trước khi mất, thi sĩ bị mù, sáng tác hay viết thư cho bạn hữu phải nhờ đến con cháu. Tuy vậy, sức làm việc của Quách Tấn vẫn không giảm sút. Di cảo nhà thơ để lại quá nhiều, hiện do gia đình và bạn bè tại Việt Nam và hải ngoại lưu giữ. Chắc chắn trong thời gian sắp tới, bạn

đọc sẽ đọc được ít nhất ba tác phẩm nhà Quê Mẹ hứa ấn hành: *Bóng Ngày Qua, Ghi Dấu Thời Gian*, và *Lã Đường Thi*.

Cởi trói . . . trói lại . . . và siết!

Tin thi sĩ Quách Tấn qua đời đến cùng lúc với những sách báo thư từ cuối năm 1992 bạn bè từ Việt Nam gửi qua. Giở tờ tuần báo *Văn Nghệ* số 50 ra ngày 12-12-1992 của hội Nhà văn Việt Nam, thấy đăng trang trọng ngay trang nhất bài viết của Vich-to Ro-dốp, nhà viết kịch Nga. Bèn mừng! Vì hai lý do: Đăng lời một nhà viết kịch, dù chưa rõ ông Ro-dốp là ai, nhưng chắc chắn phải là cỡ Havel của Tiệp Khắc. Lại dùng chữ "Nga", chứ không dùng chữ "Liên Xô". Đọc xong bài dịch, mới thấy nhầm lẫn lớn lao! Mới thấy các ông bà nhà văn hiện đang điều khiển tờ *Văn Nghệ* đã tìm thấy nơi Ro-dốp một người đồng hội đồng thuyền. Hãy nghe nhà viết kịch Nga phát biểu về những vận động tự do dân chủ hiện đang xảy ra ở Nga:

– Trước đây tôi xuất ngoại với tư cách là công dân của một cường quốc vĩ đại mà uy tín được toàn thế giới thừa nhận, còn bây giờ tôi cảm thấy như mình bị lăng nhục.

– Sổ toẹt những gì tốt đẹp trước đây là việc làm vô liêm sỉ

– Những gì đã xảy ra trong nước đối với tôi là một tấn bi kịch, cuộc sống hiện tại, nói đúng hơn là chiều hướng hiện nay của nó, đối với tôi, rất là tệ mạt. Tệ mạt bởi tính tầm thường của nó, bởi sự định hướng của nó nhằm đến những thú vui chứ không phải những niềm vui của con người. Tôi rất lúng túng, thậm chí không thể làm việc được . . . bởi vì tôi thấy chung quanh đang diễn ra một cái gì rất khó hiểu.

Đã có một nhà viết kịch cỡ lớn của Nga mở lời, ban biên tập tờ *Văn Nghệ* không còn e dè gì nữa. Những tác phẩm từng được đón nhận nồng nhiệt thời cởi trói ba năm trước đây, thế nào rồi cũng bị đưa lên bàn mổ. Giở tiếp các trang trong tờ *Văn Nghệ*, mới thấy chuyện mình tiên đoán đã xảy ra từ lâu. Từ hơn nửa năm về trước.

Sau khi cuốn *Lý Luận và Văn Học* của Lê ngọc Trà được giải thưởng phê bình của hội Nhà văn năm 1991, cả đội ngũ bảo thủ của giới lý luận phê bình như Trần Thanh Đạm, Hà Xuân Trường, Bảo Định Giang, Trần Đình Sử, Phương Lựu, Nguyễn Văn Lưu . . . nhảy vào mổ xẻ chê bai, bài đăng gần như thường xuyên suốt một năm trên tờ tuần báo của hội Nhà văn, trên *Tác Phẩm Mới, Nhân Dân Chủ Nhật*. Các bài viết đều cùng một giọng, cái giọng tuyên huấn. Có khác một chút so với thời *Nhân Văn Giai Phẩm* là bây giờ không dám truy chụp những tội tày trời như chống Đảng, chống cách mạng nữa. Chỉ "trao đổi" về một đôi điều "thiếu cơ sở khoa học" mà thôi. Phe bênh vực Lê Ngọc Trà không có chỗ lên tiếng, bèn dồn hết về tờ *Cửa Việt*, tạp chí văn nghệ của tỉnh Quảng Trị do Hoàng Phủ Ngọc Tường chủ biên.

Trên hai số *Cửa Việt* 16 và 17, trong bài "Bàn Tròn", Nguyễn Văn Hạnh, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Trần Hữu Tá, Lê Ngọc Trà, Lữ Phương mạnh mẽ

phản pháo, đích danh gọi phe kia là phe bảo thủ, cơ hội, hủ bại, đàn áp đổi mới. Thế là có chuyện! *Văn Nghệ* lại mở chiến dịch, ngay trên số báo 50 mỏng manh đã có tới hai bài của Hoàng Nhân và Trần Đình Sử nhắm vào công kích kịch liệt "Bàn Tròn" của *Cửa Việt*. Tạp chí *Văn Nghệ Quân Đội* cũng nhảy vào đánh hội. Cả văn lẫn võ hợp lực, kết quả trông thấy: *Cửa Việt* bị đóng cửa. Chỗ tạm trú cuối cùng của phe chủ trương đổi mới văn nghệ không còn!

Số phận những cây bút mới

Tránh đụng chạm tới chính trị, một số những cây viết trẻ chủ trương tìm kiếm phát hiện những tài năng mới, thoát ra ngoài cái dù tuyên huấn lẫn sức ép của thị trường. Họ họp nhau làm một tờ tạp chí, tờ *Văn Học và Dư Luận*. Ra được năm số, tờ báo phải tạm ngưng để chờ quyết định của cấp trên, nghĩa là chờ tới Tết Congo. Trong thời gian còn sống, *Văn Học và Dư Luận* phối hợp với nhà xuất bản Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh mở cuộc thi truyện ngắn dành cho những cây bút mới chưa là hội viên hội Nhà văn. Số người tham dự cuộc thi đông đảo, trải suốt ba miền đất nước. Nhiều người viết trẻ tham gia cuộc thi, nhưng cái kẹt là báo đã bị đóng cửa, lấy diễn đàn đâu mà công bố lần lượt các truyện hay đã qua vòng sơ tuyển. Túng thì phải tính! Tờ báo vận động giấy phép ra một tuyển tập truyện ngắn, đăng mười truyện dự thi. Đa số các truyện kỹ thuật viết còn yếu, trừ truyện ngắn của Phan Thị Vàng Anh và Trần Đức Tiến. Nhà xuất bản lấy nhan đề truyện của Trần Đức Tiến, *Miền Cực Lạc*, làm nhan sách. Bìa là hình chụp một cô gái mặc áo rất tiết kiệm vải, khiến độc giả nghĩ ngay đây là một tập truyện thuộc loại XXX. Thế mới biết sức mạnh của thị trường khủng khiếp thế nào trên cái chợ sách báo tại Việt Nam!

Nội dung các truyện trong *Miền Cực Lạc* quá hiền so với những truyện của Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Nhật Tuấn, kịch Lưu Quang Vũ, phim Trần Văn Thủy, ký Phùng Gia Lộc, Trần Huy Quang . . . Nhưng thời thế đã đổi! Sách vừa ra, tuyên huấn, công an văn hoá đã ra tay. Tuyên huấn cho người soi kính hiển vi tìm từng câu từng chữ nguy hiểm. Công an sưu tra lý lịch các tác giả và những người chịu trách nhiệm xuất bản *Miền Cực Lạc*. Chuyện không có gì mà làm ầm ỹ, chắc chắn không phải do giá trị thuyết phục của các truyện ngắn vừa in. Chỉ còn một cách giải thích: là nhà nước muốn dằn mặt lớp trẻ. Viết chuyện khiêu dâm, chuyện vụ án, chuyện diễm tình học trò thì mặc sức viết, mặc sức in. Nhưng tuyệt đối không được dụng đến uy quyền của nhà nước. Xê ra cho người ta lo "ổn định để phát triển". Từ đây, hãy nhớ là hết rồi cái thời cởi trói. Nguyễn Du làm thơ khơi khơi, mà cũng trở thành nhà tiên tri lỗi lạc. "Cởi ra rồi lại buộc vào như chơi!"

Cha làm thầy, con đốt sách

Trong *Miền Cực Lạc*, truyện *Kịch Câm* của Phan Thị Vàng Anh được đăng ngay phần đầu. Truyện thật ngắn, không đầy ba trang kể chuyện một ông bố nhà giáo đạo mạo nghiêm khắc với học trò và hay cau có la mắng vợ con. Một hôm cô con gái lớn bắt gặp mảnh giấy bố viết hẹn hò với tình nhân. Cô lặng lẽ đi photocopy hai bản sao, một bản đút túi, một bản đưa cho bố lúc ấy đang ngồi đọc báo (chắc là đọc xã luận báo Nhân Dân). Đưa cho bố bản sao xong, cô con cười, "một cái cười ngang hàng". Cô đã giành lại quyền tự do, quyền bình đẳng với ông bố, không phải vì cô ngỗ nghịch bất hiếu, mà chỉ vì từ đây cô biết bố sống giả, nói giả. Con giành được quyền sống thì bố bắt đầu chết mòn trong một bi kịch câm. Ông hết rao giảng đạo đức ở trường, hết dám cau có la mắng vợ con, sống lầm lũi như cái bóng. "Lẩn thẩn, như mơ, ông tưởng tượng ra một đám tang, một bà vợ, mấy đứa bé mặt mù khóc lóc cùng nhang khói. Chỉ một đứa, nó lặng lẽ đứng bên quan tài, một đứa con gái lầm lũi và cương quyết, như đang canh gác một phạm nhân."

Nguyễn Khải đọc *Kịch Câm* than thế hệ trẻ "không chút xót thương, không chút dung thứ, tha hồ biểu lộ mọi sự căm ghét và khinh bỉ với cái người đã đẻ ra nó". Ông còn thay mặt thế hệ ông bố khuyên răn: "Sự khôn ngoan của cộng đồng đã dạy người ta rằng có nhiều chuyện phải nhớ nhưng có nhiều chuyện cũng phải biết quên đi". Nguyễn Khải nói giống y cách nói của Ro-đốp. Cả hai chỉ muốn nhớ tới thời "vĩ đại" vàng son nhưng lại muốn hậu thế quên đi những trại tập trung, những đội cải cách ruộng đất, những màn tố điêu, những cách mạng văn hóa, những Nhân Văn Giai Phẩm . . .

Phan Thị Vàng Anh là ai mà viết những lời độc địa đến nỗi Nguyễn Khải đọc xong "muốn vùng chạy và hét lên"?

Xin thưa: Cây bút trẻ này là con gái của nhà thơ Chế Lan Viên. Phải chăng đây là kinh nghiệm riêng tư của cô con gái một nhà thơ lớn suốt đời tận tụy với Đảng và nhà nước: Như nhân vật nữ trong *Kịch Câm*, Phan Thị Vàng Anh so sánh những điều thân phụ cô nói trong gia đình và những điều ông viết lên giấy, hiểu hết mọi sự nhưng cứ giả vờ ngoan ngoãn lễ phép. Chờ đến khi cha cô mất đi, cô mới viết những điều lâu nay ấp ủ. Cầu xin cho linh hồn người quá cố được bình an!!

Văn chương và chính trị

Nếu Phan Thị Vàng Anh lấy hứng từ chuyện gia đình ra viết *Kịch Câm* thì kể cũng buồn cho những tài năng văn chương tự nguyện làm con hạc gỗ trong cung miếu triều đình. Nói rộng ra, là tương quan giữa văn nghệ và chính trị. Đề tài nẩy lửa đây! Giấy mực tốn khá nhiều cho cái chuyện dấm dẳng này, tới nay vẫn chưa tới hồi kết cuộc.

Người ta bảo: "Này các ông văn nghệ, các ông là cái thá gì mà đòi đứng ngoài, đứng trên. Các ông là công dân, và cũng như mọi người, các ông trước hết phải làm phận sự công dân. Nước đang loạn, dân đang khổ, các ông

không cầm súng, không viết hịch, mà lại làm thơ than mây khóc gió. Người chiến sĩ giúp nước bằng tài bắn giỏi, người nông dân dựng nước bằng tài làm ruộng. Các ông vác súng không nổi, cầm cuốc cầm cày không xong, chỉ có cái tài vặt chữ nghĩa. Thôi thì cũng tạm nhận cái tài vặt ấy đi, miễn là chữ nghĩa phải hữu dụng. Thơ phải có lửa, văn phải có thép". Cô Vàng Anh, thân phụ cô đã từng nghe nhiều lần những lời như vậy, đã từng ngợp trước những biến cố, nhân vật tưởng là vĩ đại, nên ông thực sự cảm thấy bé bỏng, thực sự ân hận vì những câu thơ "điêu tàn". Ông đã viết:

"Ta là ai?" như ngọn gió siêu hình
Câu hỏi hư vô thổi nghìn nến tắt.
"Ta vì ai?" khẽ xoay chiều ngọn bấc
Bàn tay người thắp lại triệu chồi xanh.

Ông đã nghiêm khắc tự phê:

Những năm cách mạng chưa về, vườn ta có hoa
mà không đậu quả
Rạng liễu tâm hồn chưa xanh tơ mà đã úa vàng
Nhiều chim bằng chưa bay đã hóa cu nhà, chim sâu ăn đất
Chưa gặp trời đã gãy cánh giữa lồng nan
Bàn tay muốn gieo dã nắm nhầm hạt giống
Lẽ ra cầm tờ truyền đơn thì khoe văn tự bán hồn
Cờ chiến đấu tớp trong mùi hương phấn
Trong khói hương chùa lẫn với dấu môi son . . .

Nhiều người cùng thời cũng nhầm như Chế Lan Viên. Có thể nhiều người còn dấm ngực, bứt tóc, mếu máo xưng tội lố bịch hơn nhiều. Chỉ may cho họ và rủi cho ông, là họ làm thơ con cóc viết bích báo trong các buổi họp cải tạo tư tưởng, còn ông thì làm thơ hay và in hàng vạn bản. Thơ ông lưu lại hậu thế. Và cũng lưu theo cái cung cách hạc gỗ.

Văn chương và đường công danh

Nói như thế hoá ra người viết văn, làm thơ, soạn nhạc không còn cơ hội "làm lớn" hay sao? Xin thưa: Còn đấy! Còn nhiều hơn trước là khác! Sau khi chế độ Cộng sản sụp đổ rùm rụp ở nhiều nơi, thiên hạ đâm chán với mấy ông chính trị gia chuyên nghiệp. Họ ưa cái gì thoải mái, cái gì không có máu có lửa. Văn nghệ sĩ tự nhiên có giá trong các cuộc bầu cử, nhất là các văn nghệ sĩ từng can đảm cất lên tiếng nói phản kháng chế độ đảng trị. Vaclav Havel nhà viết kịch trở thành Tổng thống Tiệp Khắc, làm cả thế giới hân hoan chờ đón mùa bội thu của cuộc cách mạng nhung. Tên ông chỉ mờ đi từ khi cuộc cách mạng nhung trở thành cuộc ly dị nhung phân đôi nước Tiệp Khắc. Rồi nào Arpad Gonez nhà văn nhà dịch thuật trở thành ông lớn ở Hungaria, triết gia Zhelyu Zhelev ở Bulgaria, nhà nghiên cứu âm nhạc Vytautas Landsbergis ở Lithuania. Ông cuối cùng không gặp may trên đường công danh, vì có

lẽ chính trường không dâu vào đó như một nhạc viện. Mới đây, dân chúng Lithuania bỏ phiếu hạ ông xuống, đưa một tay Cộng sản đã tân trang bằng chủ nghĩa quốc gia lên nắm chính quyền. Coi bộ văn nghệ sĩ nhảy ra làm quan không được thuận buồm xuôi gió bằng ở lại làm văn nghệ. Lâu lâu, gặp ông lớn nào chịu chơi mời ra biểu diễn một phát (như các thi sĩ Mỹ Robert Frost, Maya Angelou được Tổng thống John F. Kennedy và Bill Clinton mời đọc thơ trong lễ đăng quang của họ), thì làm thi sĩ cung đình một lần rồi thôi, chớ dại ở lâu sẽ thành loài hạc gỗ.

Kobo Abe từ trần

Tin mới nhất *Văn Học* nhận được từ Nhật Bản: Nhà văn kiêm kịch tác gia Kobo Abe đã từ trần hôm thứ sáu 22 tháng 1 năm 1993, hưởng thọ 68 tuổi.

Bạn đọc Việt Nam biết tới Kobo Abe từ thời thập niên 60, khi bản dịch cuốn tiểu thuyết nổi tiếng đương thời của ông, cuốn *The Woman in the Dunes*, được nhà văn Trùng Dương dịch sang Việt ngữ (nhan đề *Người Đàn Bà trong Cồn Cát*) và phát hành rộng rãi tại miền Nam. Cuốn tiểu thuyết này đã được dựng thành phim năm 1964, và chiếm giải thưởng đặc biệt tại đại hội điện ảnh Cannes. Tác phẩm này cũng đã được đề nghị tranh giải Nobel văn chương, nhưng vì tác giả không muốn dính vào những chuyện ồn ào trong văn đàn, nên văn giới Nhật rút lại lời đề cử. Ngoài tiểu thuyết, Kobo Abe còn viết nhiều vở kịch, cả văn lẫn kịch đều thường đề cập đến nỗi cô đơn của con người và sự khám phá niềm vui tinh thần và trí tuệ khi tìm thấy tự do ngay trong nỗi cô đơn.

Kobo Abe sinh năm 1924 tại Tokyo, Nhật Bản nhưng trưởng thành tại Mãn Châu, nơi thân phụ ông hành nghề y khoa. Lớn lên, ông nối nghiệp bố, tốt nghiệp Đại học Y khoa Tokyo, nhưng lại bỏ nghề thuốc, cả đời chuyên tâm viết văn, làm thơ. Năm 1947, ông tự in tập thơ đầu, nhan đề *Thi Tập của Một Nhà Thơ Vô Danh*. Ông chỉ bắt đầu được chú ý với tập tiểu thuyết đầu tay nhan đề *Bảng Chỉ Đường ở Cuối Phố* xuất bản năm 1948. □

*

thư độc giả

Thư của bà Lê Thị Phương Khanh (Tustin, California)

Là một độc giả trung thành, tôi rất hoan nghênh phần nhận định văn nghệ của quí báo. Riêng trong số 79, tháng 11-1992, có hai bài khá đặc biệt (tuy hơi dài) của hai tác giả trẻ là Trần Vũ và Sĩ Liêm.

Trần Vũ là một cây viết tài năng, thường có nhiều nhận xét sâu sắc và lối hành văn khá độc đáo. Tuy nhiên, tôi sửng sốt khi đọc mấy hàng sau đây của

ông trong bài *Tùy Bút Xám*, ở cuối trang 112: "*Càng bị ngược đãi, càng hận thù 30 mươi triệu người miền Bắc: Cái nguyên nhân đem đến bất hạnh hôm qua và hôm nay. Miền Bắc có thấy không?*"

Chúng ta cần phân biệt rõ ràng, và không bao giờ đồng hóa đảng Cộng sản với nhân dân Việt Nam. Đó là một điều sơ đẳng. Ở miền Bắc cũng vậy. Có thể nói mấy chục triệu dân miền Bắc là nạn nhân đau khổ nhất của Cộng sản Việt Nam, những tên dao phủ của dân tộc. Nỗi thống khổ của dân miền Bắc chìm dắm trong đáy địa ngục đỏ, và nỗi căm hờn của họ là một sự thực không chối cãi được. Chỉ khác một điều là dân miền Bắc đã bị khốn khổ vì nạn Cộng sản 30 năm *trước* nhân dân miền Nam. Phải vô cùng ấu trĩ, cận thị, và thiếu suy xét mới không phân biệt nổi người dân miền Bắc và chính quyền Cộng sản Việt Nam. Chẳng lẽ, Trần Vũ, một tác giả rất có khả năng, lại có thể viết, trên giấy trắng mực đen, những hàng chữ vô ý thức, nông nổi và hằn học một cách xô bồ như vậy! Mầm mống chia rẽ Bắc Nam là nguyên nhân suy yếu và diệt vong của Việt Nam. Chẳng lẽ Trần Vũ lại không thấy sự thực đó?

Về bài *Lời Thú Tội Trong Thành Ghetto* của Sĩ Liêm, tôi thấy có nhiều nhận xét rất đáng bàn thêm, vì đó là những hiện tượng văn nghệ đặc biệt ở hải ngoại.

Sĩ Liêm nhấn mạnh mặc cảm tự ti của một số nhà văn hải ngoại đối với cái gọi là "văn chương phản kháng" ở quốc nội. Tôi rất tâm đắc điểm này. Những Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài . . . không phải là thần thánh, làm ta phải "nấc cụt trong sáng tác". Theo tôi nghĩ, đứng về mặt thuần túy văn nghệ, họ chưa và không phải là những tài năng xuất chúng. Còn về mặt chính trị thì rõ ràng là họ phản kháng để bảo vệ chế độ. Phản kháng, chửi thẳng vào mặt Bộ Chính trị, mà vẫn khơi khơi, vẫn được ô bế, như trường hợp Dương Thu Hương thì quả là một nghi vấn! Họ là cò mồi hay là cái gì?

Tôi cũng đồng ý với Sĩ Liêm về những tác hại của hiện tượng *ghetto* trong văn giới hải ngoại. Hiện tượng bè phái, phe đảng ở đâu cũng không tốt. Ở Mỹ, Pháp, Canada . . . đa số những nhà văn có chút tên tuổi thường sống với nhau riêng rẽ trong môi trường của họ, trong vòng tường *ghetto*. Theo Sĩ Liêm, họ đề cao và đăng bài, in sách của bè bạn thôi. Còn người không cùng phe nhóm thì dù có tài năng cũng không được nâng đỡ. Do vậy đã có nhiều nhà văn trẻ đã bị "ếm", bị trùm lấp, không được khuyến khích để phát triển tài năng. Đó là một điều tai hại: Văn nghệ cũng như một khu rừng, rất cần sức sống trẻ, mạnh, để sau khi tre già thì còn có măng mọc.

Có một điểm tôi không đồng ý với Sĩ Liêm khi ông viết: "*Văn chương miền Nam lấy nội dung làm chính, văn chương miền Bắc và miền Trung lấy cái chữ nghĩa làm cột.*" Sao lại có thể vơ đũa cả nắm và phê phán một cách hồ đồ, nông nổi như vậy! Miền nào cũng có những tác phẩm hay và dở. Nếu văn chương Bắc, Nam có khác nhau thì ở đâu, chứ không phải ở điểm kỳ quặc

mà Sĩ Liêm đã nêu ra. Không nên khơi dậy tinh thần kỳ thị trong văn học. Chỉ nêu lên những nét đặc thù, tích cực của mỗi miền, những điểm mà tổng hợp lại sẽ vẽ nên khuôn mặt văn học Việt Nam nói chung.

Kết luận, tôi thấy hai tác giả Trần Vũ và Sĩ Liêm có những nhận xét khá bộc trực. Nhưng theo thiển ý, các vị đó nên bình tĩnh và thận trọng hơn, nên trình bày cho có mạch lạc và bố cục rõ ràng, nhất là nên chăm sóc thêm về hình thức bài viết vì *Văn Học* chủ yếu là một tờ báo . . . văn học.

Dù sao tôi cũng hoan nghênh phần "nhận định văn nghệ" của quí báo và sự nhiệt tình của hai tác giả kể trên. □

*

hộp thư văn học

Anh Vũ Đình Lâm (Pháp): Rất tiếc bản vẽ của anh dùng làm phụ bản cho số báo Xuân, giờ chót nhà in cho biết không in được. Và vì thế mới có sự sơ sót. Xin anh thứ lỗi cho. Mong sớm nhận được những bản vẽ khác của anh. Thân.

Anh Tưởng Năng Tiến (San Jose, California): Tiền lì xì anh gửi chỉ đủ "hai chữ" chứ làm gì được "bốn chữ" như anh yêu cầu! Dù vậy, chúng tôi cũng đã triệt để thi hành lời dặn dò kỹ lưỡng của anh về các khoản "linh tinh" đó. Dạo này hình như nợ áo cơm khá nặng nên chữ nghĩa thừa cơ bay bổng đâu mất tiêu rồi, phải không? Thân.

Chị Lê Thị Thấm Vân (San Jose, California): Tấm thiệp Tết tuyệt đẹp! Thân.

Anh Nguyễn Ngọc Khôi (Apple Valley, California): Thành thực cảm tạ anh đã lưu tâm đến những nỗi khó khăn của tòa báo. Phần thưởng quí giá nhất chúng tôi có được là sự chia sẻ từ phía độc giả như anh. Sẽ có thư riêng. Thân.

*

ĐÍNH CHÍNH

Do sự sơ suất của tòa soạn, trên số báo Văn Học Xuân Quý Dậu, nơi cuối phần mục lục để phụ bản là của Vũ Đình Lâm. Xin chữa lại là của Đinh Cường. Tòa soạn chân thành cáo lỗi cùng hai họa sĩ Đinh Cường, Vũ Đình Lâm và bạn đọc.

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG
7309 Arlington Blvd, Suite 314
Falls Church, Va 22042
(703) 560-0388 / 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG TAI NẠN XE CỘ

NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN:
Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối
Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

MINH VĂN
P.O. BOX 647, Oakton, VA 99214 - USA
Điện thoại: (703) 204- 9239
Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn

Nhà Xuất Bản Minh Văn trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của **Trần Long Hồ**:

Tập truyện ngắn	**NGÀY QUANH QUẨN**	$10.00
Truyện dài	**CÕI SA MÙ**	$18.00
(Quyển một trong bộ trường thiên **Dung Thân**)		
Tập truyện ngắn	**NIỀM VUI UNG THƯ**	$10.00

Và các tác phẩm sẽ xuất bản:
CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của **Hồ Trường An**
KẺ ĐÀO MỒ tập truyện ngắn của **Trần Long Hồ**
CỬA ĐỊA NGỤC truyện dài, quyển thứ hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**

Đã phát hành khắp nơi:

CÂY TRÁI QUÊ MÌNH

của HUỲNH HỮU CỬU và NGUYỄN VĂN BA

Với các đoản văn nhan đề: *Mù U Năm Ngoái, Xoài Tượng Nước Mắm Đường, Cây Trôm và Mủ Trôm Ngâm Đường Phèn, So Đũa và Nấm Mèo, Bông Giấy, Thịt Tam Tạng, Bông Jamaica, Dưa Hấu Cầu Đúc, Hoa Ưu Đàm, Lúa Thần Nông, Ở Quận Cam Nói Chuyện Bưởi, Hoa Mai Ngày Tết, Dừa Bờn Sông Hậu.*

Tựa của Phạm Hoàng Hộ
Bạt của Lê Văn Lân
Bìa bốn màu tuyệt mỹ của Lê Quang Xuân
Phụ bản Nguyên Khai, Lê Quang Xuân, Nguyễn Hợi, Lê Kim Sơn . . .

Giá bán 10 Mỹ kim
Hỏi mua tại các hiệu sách

Bác Sĩ BÙI THẾ HOÀNH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF FAMILY PRACTICE

801 W. Valley Blvd #203 lầu 2, Alhambra, CA 91803
Tel: (818) 570-1127

CHUYÊN TRỊ:

Bệnh toàn khoa người lớn, trẻ em
Bệnh ngoài da * Tiểu giải phẫu
Bệnh phụ nữ
Chích ngừa, khám bệnh nhập học, bông sữa WIC
NHẬN TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM HMO

Ngày Giờ Làm Việc:
Thứ hai - Thứ sáu: 9AM - 6PM
Thứ bảy: 9AM - 12 AM

Cung Chúc Tân Xuân

THANH G. PHUNG, M.D.
Diplomate American Board of Radiology
X-RAY . CAT SCAN . ULTRASOUND
MAMOGRAPHY . NUCLEAR MEDICINE

Magnolia Imaging Medical Group, Inc.
Magnolia Medical Imaging Center, Inc.

14571 Magnolia Ave., Ste. 101
Westminster, Ca 92683
Tel: **(714) 893-1915**
Fax: **(714) 898-8142**

Trung tâm chuyên về BỆNH TIM và CAO MÁU
Bác sĩ NGUYỄN QUANG THÁI, M.D.
Chuyên trị: BỆNH TIM & HUYẾT QUẢN . BỆNH NỘI THƯƠNG . CAO MÁU

Bệnh cao mỡ (cholesterol), ngăn ngừa nghẹt mạch máu tim.
Tức ngực, nghẹt thở, đứng tim, tim to, đau tim.
Tim đập thất nhịp, hồi hộp, xây xẩm, ngất xỉu.
Các bệnh tim bẩm sinh, bệnh van tim.
Bệnh cao áp huyết (cao máu).
Bệnh phong thấp, phổi, bao tử, gan.
Bệnh tiểu đường, bướu cổ, tuyến nội tiết, thiếu máu.

Xin lấy hẹn trước: **(714) 531-5056**
14558 Brookhurst St.
Westminster, Ca 92683

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI •

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CATALOGS • TYPESETTING • LAYOUT • DESIGN

THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MOI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

Phòng mạch Bác sĩ

VƯƠNG ĐỨC HẬU

M.D., F.A.C.O.G., Inc.

Diplomate American Board of OB & GYN

Chuyên môn chữa trị:

SẢN KHOA: Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ - Không nhận phá thai - Nhận sanh bình thường, nếu lần trước bị sanh mổ đẻ (Cesarean Section) - Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh - Chỉ dẫn phương pháp sanh trai hay gái theo ý muốn - Đẻ không đau theo ý muốn - Văn phòng trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound.

PHỤ KHOA: Bệnh đàn bà, huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ - Kế hoạch hóa gia đình Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt - Kinh nguyệt bất thường - Bệnh hiếm muộn - Giải phẫu bướu tử cung, sa tử cung, bướu buồng trứng.

Tel: (714) 531-5505

14536 Brokkhurst St. Ste 101

Westminster, CA 92683

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
- bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: **(714) 641-0263**

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

ANTIÊM

1528 South La Cienega Blvd., Los Angeles, CA 90035 USA
Tel: (310)559-0413

SÁCH ĐÃ IN

- ĐỌC KINH — $6.00
  Đoản văn Vũ Khắc Khoan
- HOÀNG TỬ BÉ — $6.00
  Saint Exupéry - Bùi Giáng dịch
- MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC — $6.00
  Gerard de Nerval - Bùi Giáng dịch
- NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG — $15.00
  Hermann Hesse
  Trí Hải, Vĩnh Bách, Lan Nhã dịch
- THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI — $6.00
  Rainer Maria Rilke - Phạm Công Thiện dịch
- SÔNG CÔN MÙA LŨ — Tập 1:$18.00
  Trường thiên tiểu thuyết (4tập) — Tập 2:$20.00
  Nguyễn Mộng Giác — Tập 3:$20.00
  Tập 4:$20.00
- LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM — $15.00
  Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
- THƠ TAGORE — $8.00
  *Lời dâng *Tâm tình hiến dâng *Tặng vật
  Đỗ Khánh Hoan dịch
- THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG — $8.00
  Tùy bút Trần Hồng Châu
- MỘT TRANG ĐỜI — $11.00
  Tập truyện ngắn, Phan Thị Trọng Tuyến
- BÊN LỞ BÊN BỒI — $10.00
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Hoàng Bắc

ĐANG IN

- CUỐI ĐÊM DÀI
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Thanh Bình
- TƠ TRỜI
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Ngọc Nhung

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

ANTIÊM

1528 South La Cienega Blvd., Los Angeles, CA 90035 USA
Tel: (310)559-0413

SÁCH ĐÃ IN

- ĐỌC KINH — $6.00
  Đoản văn Vũ Khắc Khoan
- HOÀNG TỬ BÉ — $6.00
  Saint Exupéry - Bùi Giáng dịch
- MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC — $6.00
  Gerard de Nerval - Bùi Giáng dịch
- NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG — $15.00
  Hermann Hesse
  Trí Hải, Vĩnh Bách, Lan Nhã dịch
- THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI — $6.00
  Rainer Maria Rilke - Phạm Công Thiện dịch
- SÔNG CÔN MÙA LŨ — Tập 1:$18.00
  Trường thiên tiểu thuyết (4tập) — Tập 2:$20.00
  Nguyễn Mộng Giác — Tập 3:$20.00
  Tập 4:$20.00
- LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM — $15.00
  Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
- THƠ TAGORE — $8.00
  *Lời dâng *Tâm tình hiến dâng *Tặng vật
  Đỗ Khánh Hoan dịch
- THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG — $8.00
  Tùy bút Trần Hồng Châu
- MỘT TRANG ĐỜI — $11.00
  Tập truyện ngắn, Phan Thị Trọng Tuyến
- BÊN LỞ BÊN BỒI — $10.00
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Hoàng Bắc

ĐANG IN

- CUỐI ĐÊM DÀI
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Thanh Bình
- TƠ TRỜI
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Ngọc Nhung

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 – U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY

(Tự Truyện của đức Đạt Lai Lạt Ma)
Chân Huyền dịch, Chân Văn nhuận sắc

Người Tây tạng tin rằng đức Đạt Lai Lạt Ma là hóa thân đời thứ mười bốn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Nhưng chính đức Đạt Lai Lạt Ma, ngài có nghĩ rằng chính ngài là Phật Sống hay chăng? Năm ngài lên ba tuổi, một phái đoàn trong hàng giáo phẩm cao cấp đã tìm được ngài từ một gia đình nông dân nghèo nàn, để đưa về kinh đô Lhasa nối nghiệp vị tiền thân của ngài là đức Đạt Lai Lạt Ma đời trước. Năm 15 tuổi, Ngài trở thành nhà lãnh đạo tôn giáo và chính trị của Tây tạng, vừa lúc Cộng sản Trung hoa xâm lăng tổ quốc ngài để thi hành một chính sách diệt chủng. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đối phó với quân xâm lược như thế nào? Nhờ phép lạ nào đức Đạt Lai Lạt Ma cùng đoàn tùy tùng trốn khỏi kinh đô Lhasa và vượt biên sang Ấn đô trong khi quân Trung cộng bủa vây?

Trong cuốn tự truyện Tự Do Trong Lưu Đày chúng ta sẽ nghe đức Đạt Lai Lạt Ma nói về các điều trên. Ngài cũng nói về các hiện tượng thần bí của xứ Tây tạng, về việc các Bồ Tát hóa thân, các lối tu thiền định của Mật Tông, chuyện các thiền sư luyện lửa Tam Muội... Nhưng ngài còn nói về cả các vấn đề của thời đại: chủ nghĩa Cộng sản, nền văn minh duy vật Tây phương, vấn đề chính trị, vấn đề tình dục, sự cảm thông giữa các tôn giáo, chuyện người ta có nên bỏ tôn giáo mình để theo đạo Phật hay chăng v.v...

Nhưng cuốn tự truyện của đức Đạt Lai Lạt Ma, trước hết cho chúng ta được dịp nhận thấy nhân cách đặc biệt của một Con Người. Đó là một con người ôn nhu, hòa nhã, giàu lòng từ bi, không có mảy may một chút Ngã mạn nào. Đó cũng là một con người thông minh, dí dỏm, đầy trí tò mò, không chấp nê, không lệ thuộc vào một tư kiến, một chủ trương nào. Một con người Tự Do tuyệt đối.

Trong lúc Phật giáo Việt nam đang nỗ lực chuyển hóa để vận động cuộc chuyển hóa của đất nước, tự truyện của ngài Đạt Lai Lạt Ma thật là một cuốn sách đáng đọc.

Sách dày 370 trang, bìa 4 màu. Giá 14MK, ngoài nước Mỹ 16MK.

Giá $3.50 MK